

Dự án xây dựng năng lực REDD+ cấp cơ sở tại Châu Á

Tài liệu tập huấn

REDD+

Vũ Hữu Thân
Lương Thị Trường
Vũ Thị Hiền



Dự án xây dựng năng lực REDD+ cấp cơ sở tại Châu Á

Tài liệu tập huấn REDD+

Bản quyền:

Quan điểm trình bày trong tài liệu tập huấn này không nhất thiết phản ánh quan điểm của ba tổ chức cùng tham gia biên tập tài liệu, RECOFTC –Trung tâm vì Con người và Rừng, Trung tâm vì sự phát triển bền vững Miền núi (CSDM) và Trung Tâm Nghiên Cứu Và Phát Triển Vùng Cao (CERDA), cũng như quan điểm của Cơ quan Hợp tác phát triển Na-Uy (Norad), nhà tài trợ thông qua dự án xây dựng năng lực REDD+ cấp cơ sở tại Châu Á. RECOFTC, CSDM, CERDA và Norad không chịu trách nhiệm về những sai sót hoặc những phần bị lược bỏ trong các bản dịch cuốn tài liệu này từ bản gốc tiếng Việt sang các ngôn ngữ khác.

Tài liệu được xuất bản bởi RECOFTC – Trung tâm vì Con người và Rừng.

Bản quyền: © 2017 RECOFTC – Trung tâm vì Con người và Rừng.

RECOFTC - Trung tâm vì Con người và Rừng cho phép sao chép bằng kỹ thuật số hoặc bản cứng của một phần hoặc toàn bộ ấn phẩm này với các mục đích giáo dục hoặc phi thương mại mà không thu phí, hoặc không cần có sự đồng ý trước bằng văn bản với điều kiện không được sao chép hoặc phân phối để thu lợi nhuận hay lợi thế về thương mại và nguồn tài liệu phải được ghi nhận đầy đủ. Các bản sao và bản dịch của tài liệu này cần phải có phần trích dẫn đầy đủ tại trang nhất của bản in hoặc ở màn hình đầu tiên của các phương tiện truyền thông kỹ thuật số. Bản quyền đối với các hợp phần của tài liệu do những người ngoài sở hữu phải vinh danh RECOFTC. Cho phép tóm tắt tài liệu một cách trung thực. Việc sao chép theo các cách khác cũng như tái bản, đăng tải trên các máy chủ, hoặc phân chia lại các danh mục cần phải có sự cho phép trước.



RECOFTC – Trung tâm vì Con người và Rừng - là tổ chức quốc tế duy nhất, hoạt động không vì lợi nhuận, chuyên về phát triển năng lực cho lâm nghiệp cộng đồng và phân cấp quản lý rừng tại vùng Châu Á - Thái Bình Dương. Khởi đầu như là một trung tâm kiến thức vào năm 1987, RECOFTC đã hỗ trợ tích cực cho sự phát triển các thể chế, chính sách và chương trình lâm nghiệp cộng đồng trong khu vực.

CSDM – Trung tâm Vì sự phát triển bền vững miền núi – là tổ chức phi lợi nhuận và hoạt động chủ yếu ở vùng miền núi với các cộng đồng người dân tộc thiểu số Việt Nam. Kể từ khi thành lập, năm 2000, CSDM đã không ngừng phấn đấu cho mục đích phát triển vì cuộc sống phồn vinh của cộng đồng người dân tộc thiểu số, với mong muốn họ sẽ được sống trong mối quan hệ hài hòa với thiên nhiên và là những người bảo vệ màu xanh cho trái đất.

CERDA – Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng cao, là tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận, làm việc trong lĩnh vực Phát triển, trực tiếp với cộng đồng dân tộc thiểu số, nhóm dễ tổn thương và chính quyền địa phương các cấp. Trung tâm kiên trì theo đuổi và cam kết thực hiện sứ mệnh tự lựa chọn “Nâng cao chất lượng cuộc sống của các cộng đồng dân tộc thiểu số, các nhóm dễ bị tổn thương và giúp họ có thể tham gia vào tiến trình phát triển xã hội, quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và đóng góp cho bình đẳng xã hội”.

Cơ quan Hợp tác phát triển Na Uy (Norad) là một cơ quan thuộc Bộ ngoại giao Na Uy (MFA), Norad cam kết đảm bảo chất lượng của các hỗ trợ phát triển cho các nước đang phát triển. Hỗ trợ phát triển của Norad tập trung vào nhiều lĩnh vực và nhiều ngành khác nhau, đặc biệt quan tâm đến phụ nữ, trẻ em, môi trường, giáo dục, HIV/AIDS và y tế. Biến đổi khí hậu và môi trường là một trong những lĩnh vực chính của chính sách phát triển của Na Uy, trong đó chú trọng hỗ trợ thực hiện các nghiên cứu, các hoạt động thí điểm và phát triển các sáng kiến mang tính phương pháp cho các tổ chức dân sự nhằm thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu ở các nước đang phát triển.

MỤC LỤC

<u>LỜI CẢM ƠN</u>	4
<u>GIỚI THIỆU</u>	5
<u>MỤC ĐÍCH VÀ CÁCH SỬ DỤNG TÀI LIỆU</u>	7
<u>CHƯƠNG I: RỪNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</u>	11
<u>Phần 1: Biến đổi khí hậu và tác động của nó</u>	12
<u>Phần 2: Vai trò của rừng trong biến đổi khí hậu</u>	18
<u>CHƯƠNG II: KHUÔN KHỔ CỦA REDD+</u>	24
<u>Phần 3: Giới thiệu REDD+</u>	25
<u>Phần 4: Nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng</u>	33
<u>Phần 5: Chiến lược và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia (NS/AP) và Chính sách và biện pháp (PAM) thực thi REDD+</u>	40
<u>CHƯƠNG III: QUẢN TRỊ REDD+</u>	64
<u>Phần 7: Các biện pháp đảm bảo an toàn REDD+ và Hệ thống thông tin các biện pháp đảm bảo an toàn (SIS)</u>	65
<u>Phần 8: Nhận thức công chúng và lôi cuốn sự tham gia của các bên liên quan</u>	80
<u>Phần 9: Quản trị tốt</u>	90
<u>CHƯƠNG IV: TÀI CHÍNH TRONG REDD+</u>	96
<u>Phần 10: Nguồn tài chính của REDD+: quỹ và cơ chế thị trường</u>	97
<u>CHƯƠNG V: CÁCH TIẾP CẬN PHÂN BỐ CÁC KHUYẾN KHÍCH</u> ..	107
<u>Phần 11: cách tiếp cận phân bổ các khuyến khích</u>	108
<u>PHỤ LỤC</u>	119
<u>Phụ lục 1: Làm thế nào để duy trì cập nhật chủ đề?</u>	120
<u>Phụ lục 2: Mẫu phiếu đăng ký tham dự tập huấn</u>	121
<u>Phụ lục 3: Mẫu phiếu tự đánh giá của học viên trước và sau tập huấn</u>	125
<u>Phụ lục 4: Mẫu phiếu đánh giá tập huấn</u>	127
<u>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</u>	132

LỜI CẢM ƠN

Tăng cường năng lực trong các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, bao gồm cả REDD+, là một sáng kiến còn khá mới mẻ. Với mối đe dọa ngày càng tăng của biến đổi khí hậu ở Việt Nam, tăng cường năng lực trở thành đòi hỏi cơ bản trong việc hình thành khả năng thích ứng của các chủ thể trong ngành lâm nghiệp và lĩnh vực quản lý sử dụng đất trong nước. Trong bối cảnh này, cần thiết phải ưu tiên tăng cường năng lực cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng, những đối tượng dễ bị tổn thương nhất.

Tài liệu tập huấn REDD+ này do RECOFTC chủ biên và xuất bản. Mục tiêu học tập và tài liệu đọc của một số học phần được trích từ REDD+ Academy của Chương Trình UN-REDD. Các tổ chức cùng tham gia phát triển tài liệu tập huấn bao gồm CSDM và CERDA. Những người chịu trách nhiệm chính cho việc biên tập tài liệu tập huấn bản tiếng Việt này là ông Vũ Hữu Thân, Cán bộ đào tạo RECOFTC Chương trình Việt Nam, bà Lương Thị Trường, giám đốc CSDM và bà Vũ Thị Hiền, giám đốc CERDA.

Cuối cùng, chúng tôi chân thành cảm ơn Cơ quan Hợp tác phát triển Na-Uy đã hỗ trợ kiến thức và cung cấp tài chính để phát hành cuốn tài liệu này thông qua Dự án Tăng cường năng lực về REDD+ cấp cơ sở cho khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

Chúng tôi hy vọng rằng tài liệu này sẽ là một công cụ hữu ích trong việc xây dựng năng lực cho tất cả các bên liên quan và do đó có thể đóng góp vào quá trình REDD+ đang diễn ra ở Việt Nam. Chúng tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng khi REDD+ là một cơ chế vẫn còn đang tiếp tục được hoàn thiện, do vậy tài liệu này cần phải được cập nhật và sửa đổi cho phù hợp. Chúng tôi mong nhận được và trân trọng cảm ơn những ý kiến đóng góp từ người sử dụng và tất cả các bên liên quan khác để tiếp tục cải thiện tài liệu tập huấn này.

Trân trọng cảm ơn!

GIỚI THIỆU

Tại sao cần biên soạn tài liệu đào tạo này?

Trong số các giải pháp khác nhau được đề xuất nhằm giảm tác động của phát thải khí nhà kính hay tác động của biến đổi khí hậu, thì giảm mất rừng và suy thoái rừng đang được đề xuất như là một trong những giải pháp kinh tế nhất. Như chúng ta biết, rừng hoạt động vừa như là bể chứa và vừa như là nguồn phát thải CO₂. Rừng nhiệt đới che phủ khoảng 15% bề mặt trái đất và chứa khoảng 25% Carbon trong sinh quyển trên mặt đất. Nhưng chúng nhanh chóng bị mất đi do suy thoái và mất rừng và vì vậy được coi là nguyên nhân thứ hai gây nên sự nóng lên toàn cầu, đóng góp gần 1/5 tổng lượng phát thải khí nhà kính hàng năm¹. Trong những năm khô hạn, cháy rừng và than bùn ở vùng Amazon và khu vực Đông Nam Á đã nâng con số này lên đến mức tối đa là 1/3 tổng lượng phát thải toàn cầu². Đã có ước tính thêm rằng nếu nạn mất rừng nhiệt đới tiếp tục với tốc độ hiện tại, khoảng 430 tỷ tấn Carbon hiện đang được lưu giữ tại các khu rừng nhiệt đới sẽ phát thải vào bầu khí quyển³. Điều này sẽ dẫn đến sự mất mát một phần lớn đa dạng sinh học của thế giới, cũng như sự mất đi các dịch vụ môi trường và sinh kế liên quan đến hàng triệu người dân bản địa và cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng.

Để giải quyết những vấn đề này, cùng với các sáng kiến khác, nhiều nỗ lực đang được triển khai nhằm giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng (REDD). Ý tưởng cơ bản đằng sau REDD rất đơn giản: các quốc gia và các cộng đồng có mong muốn và có khả năng giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng cần được bù đắp về tài chính để làm điều đó. Trong bối cảnh này, cơ chế của REDD cũng đang được đề xuất như một công cụ có khả năng mang lại nhiều lợi ích hơn, chứ không chỉ đơn giản chỉ là giảm phát thải khí nhà kính. REDD có thể đồng thời giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và nghèo đói ở nông thôn, trong khi vẫn bảo tồn đa dạng sinh học và duy trì các dịch vụ môi trường. Với lợi thế gia tăng của cơ chế được đề xuất, hiện nay sáng kiến này được biết đến như là REDD+.

Tuy nhiên, trong khi cấu trúc này đang có nhiều hứa hẹn, thì cơ chế thực thi REDD+ vẫn chưa được sắp xếp hợp lý do nhiều vấn đề cơ bản vẫn chưa được giải quyết. Trong khi nhiều khía cạnh kỹ thuật vẫn đang được tranh luận có liên quan đến việc đánh giá về suy thoái rừng và mất rừng, thì điều kiện tiên

1 <http://www.countercurrents.org/nazareth201009.htm>

2 Trang S E, Sigert F, Riley J O, Boehm H-DV, Jaya, A, Limin S (2002)

3 <http://www.whrc.org/Policy/BaliReports/assets/GettingREDDRight.pdf>

quyết cơ bản cho thành công của REDD+ là nhu cầu về tăng cường sự hiểu biết, cải thiện nhận thức và xây dựng năng lực cho tất cả các bên liên quan của ngành lâm nghiệp về cơ chế được đề xuất, trong đó bao gồm cả người dân nghèo sống trong và xung quanh rừng. Những người có mối quan tâm trực tiếp nhất đối với phúc lợi chung mà tài nguyên rừng mang lại là người dân mà sinh kế của họ có liên quan mật thiết nhất đến nguồn tài nguyên này. Các đối tượng này bao gồm các nhà quản lý rừng, chính quyền địa phương, các quan chức lâm nghiệp, các tổ chức phi chính phủ địa phương và các tổ chức xã hội dân sự có liên quan đến quản lý rừng ở cấp cơ sở, và hơn hết là các hộ gia đình đang sống phụ thuộc vào rừng, và những người dễ bị tổn thương nhất như người dân tộc thiểu số, người thiếu đất canh tác và phụ nữ và trẻ em. Các đối tượng địa phương này được đề cập trong tài liệu như là “các bên liên quan tới rừng ở cấp cơ sở”. Vì vậy, muốn biến REDD+ thành một công cụ có thể phát huy chức năng và toàn diện, điều cần thiết là phải nắm bắt phương pháp tiếp cận toàn diện từ dưới lên để thiết kế và thực thi. Điều cơ bản của phương pháp tiếp cận này là đạt được sự tham gia tốt nhất của các bên liên quan tới rừng ở cấp cơ sở bằng cách bảo đảm việc phổ biến và lĩnh hội thông tin về REDD+ thông qua một chuẩn mực dễ tiếp cận, linh hoạt và năng động có thể đáp ứng nhu cầu cụ thể và thiết thực.

Ở Việt Nam, nỗ lực được thực hiện ở các cấp khác nhau để giới thiệu khái niệm và thu nhận thông tin phản hồi từ nhà nước đến cấp cộng đồng. Với vai trò quan trọng của lâm nghiệp cộng đồng, bất kỳ sự can thiệp nào liên quan đến bảo tồn rừng cũng cần một phương pháp tiếp cận toàn diện và từ dưới lên. Hiện đang có nhu cầu cung cấp thông tin cập nhật về REDD+, nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực của các bên liên quan để phát triển cơ chế phù hợp và thực thi có hiệu quả. Tuy nhiên, khi khái niệm về REDD+ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, hiện đang thiếu các nguồn tài liệu thích hợp và hơn nữa là nguồn nhân lực để xây dựng năng lực cho các bên liên quan, giúp cho họ nhận biết cơ chế có thể sẽ tác động đến họ như thế nào. Tài liệu tập huấn này được chuẩn bị như một nỗ lực nhằm đóng góp vào việc đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng của việc xây dựng năng lực cho REDD+ ở Việt Nam.

MỤC ĐÍCH VÀ CÁCH SỬ DỤNG TÀI LIỆU

Mục đích

Mục đích biên soạn cuốn tài liệu này là góp phần phát triển nguồn nhân lực cơ sở ở Việt Nam có thể hướng dẫn và giúp cải thiện hiểu biết của các bên liên quan ở cấp quốc gia và cấp vùng của ngành lâm nghiệp về biến đổi khí hậu và cơ chế của REDD+ với các mục tiêu cụ thể sau:

- Chia sẻ thông tin cập nhật nhất về REDD+ và biến đổi khí hậu cho các bên liên quan cấp vùng và cấp cộng đồng trong lĩnh vực lâm nghiệp.
- Trang bị cho các tập huấn viên phương pháp, công cụ và nội dung để hướng dẫn tập huấn và thực thi các chương trình xây dựng năng lực.
- Tạo ra, thúc đẩy và sử dụng như là một phương tiện phản ánh tầm nhìn và quan điểm của cộng đồng địa phương trong khuôn khổ chính sách quốc gia.

Ai sẽ là người sử dụng tài liệu này?

Tài liệu tập huấn này được xây dựng cho các tập huấn viên về REDD+ từ cấp quốc gia đến cấp cộng đồng, những người có mong muốn tìm hiểu và chia sẻ kiến thức về biến đổi khí hậu và REDD+ cho các bên liên quan khác nhau để xây dựng năng lực và nâng cao nhận thức của họ. Tài liệu tập huấn này có thể phát huy tác dụng đối với những người đã có một số kinh nghiệm từ trước về các chương trình tập huấn và quen thuộc với các kỹ năng thúc đẩy. Tài liệu này không phải là một hướng dẫn hoàn chỉnh cho các tập huấn viên, mà để cải thiện và bổ sung kinh nghiệm cho họ, đặc biệt là để hướng dẫn cho các học phần khác nhau về REDD+ và tập huấn có liên quan đến biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

Cấu trúc của tài liệu

Tài liệu này được thiết kế để nâng cao hiểu biết cơ bản của các bên liên quan cấp cơ sở, bằng ngôn ngữ của những mối liên hệ giữa rừng và biến đổi khí hậu và các khía cạnh có liên quan như các động lực gây mất rừng, các tập quán quản lý rừng, chia sẻ lợi ích, các cuộc tranh luận về chính sách hiện hành ở cấp quốc tế và cấp quốc gia và các khuôn khổ thực thi được đề xuất cho REDD+. Để đáp ứng yêu cầu này, tài liệu được chia thành các mô đun (chương) khác nhau.

Những chương này đã được thiết kế với chủ ý giữ lại các ranh giới và đặc tính của của các chủ đề chính bằng cách đơn giản hóa các hiểu biết chung về biến đổi khí hậu, và tập trung nhiều hơn vào các chủ đề chính. Nói cách khác, mục đích của tài liệu là thực hiện tập huấn theo nguyên tắc phát triển dần từ các khái niệm chung đến các chủ đề cụ thể, với các mối liên kết có tính logic rõ ràng. Để làm được như vậy, mỗi chương lại tiếp tục được chia thành nhiều học phần khác nhau để làm cho các thông điệp trở nên đơn giản hơn.

Cấu trúc của từng chương và các mối liên kết giữa các chương đã được thiết kế nhằm duy trì một trình tự hợp lý và cũng cải thiện trình độ hiểu biết của học viên trong bối cảnh địa phương. Tuy nhiên, nếu tập huấn viên cảm thấy như vậy là chệch hướng thì có thể điều chỉnh trình tự của các chương theo mức độ hiểu biết của học viên, các tài liệu tập huấn hiện có và thời gian cho phép.

Sử dụng tài liệu đào tạo này như thế nào?

Mỗi chương được chia thành các mục khác nhau để tiện cho việc sử dụng tài liệu. Tất nhiên là người sử dụng tài liệu này cần phải quyết định sẽ sử dụng chương và chủ đề cụ thể nào và thời gian cần phân bổ cho mỗi chương và chủ đề đó ra sao. Tập huấn viên phải chuẩn bị các chủ đề/các chương bằng cách xem xét kỹ các mục tiêu của các mô đun cụ thể, thời gian phân bổ cho các cách tiếp cận và các phương pháp, các hoạt động của chương đã lựa chọn và chuẩn bị sẵn tài liệu bao gồm các thông tin liên quan. Trong các bước thực hiện được gợi ý, tùy theo thời gian cho phép và đối tượng tham gia tập huấn viên bố trí thời gian dành cho các bước sao cho phù hợp.

Tập huấn viên phải luôn lưu giữ toàn bộ các thông tin có liên, bao gồm cả ví dụ về nghiên cứu điển hình, tốt nhất là những ví dụ mà học viên có thể dễ dàng liên hệ trong bối cảnh riêng của họ. Tập huấn viên cũng có thể suy nghĩ về cách sử dụng một số phương pháp bổ sung như trò chơi và các kỹ thuật mô phỏng liên quan đến các học viên để giải thích về các chương nhất định. Tuy nhiên, để sử dụng hiệu quả các công cụ như vậy, với thời gian hạn chế, tập huấn viên cần lên kế hoạch và chuẩn bị trước cho mình các hoạt động khác một cách phù hợp.

Tổ chức lớp tập huấn theo nhu cầu

Bạn có thể sử dụng những nội dung trình bày trong cuốn tài liệu này để thiết kế khóa tập huấn sao cho phù hợp với từng bối cảnh cụ thể. Tuy nhiên, để thiết kế một khóa tập huấn hay một lớp học hiệu quả, bạn cần cân nhắc kỹ về mục đích và học viên. Khi bạn đã xác định mục tiêu và đối tượng tập huấn, bạn có thể chọn những bài học khác nhau từ các học phần sao cho phù hợp với mục tiêu của bạn.

Dưới đây là một vài ví dụ của các kịch bản tập huấn khác nhau để bạn tham khảo. Những kịch bản này được trình bày chi tiết hơn, có liên hệ đến từng bài học cụ thể trong phần phụ lục. Khi tập huấn cho các tập huấn viên tại địa phương, bạn cũng có thể xem xét thêm vào nội dung tập huấn kỹ năng thúc đẩy, các công cụ và phương pháp có sự tham gia phù hợp nhằm bảo đảm các học viên có những kỹ năng cần thiết để khuyến khích sự tham gia của cộng đồng. Tuy nhiên, điều này cũng có nghĩa là thời gian lớp tập huấn sẽ kéo dài hơn. Bảng dưới đây đưa ra một số ví dụ về các kịch bản thiết kế các lớp tập huấn khác nhau cho mục tiêu và học viên cụ thể của bạn.

Ví dụ các kịch bản tập huấn khác nhau

Kịch bản tập huấn	Đối tượng	Thời gian	Mục tiêu học tập
Tập huấn nâng cao nhận thức về REDD+ tại cấp cộng đồng.	Người dân, cán bộ cấp thôn, xã, các tổ chức xã hội dân sự...	2 ngày	Cung cấp cho người học khái niệm cơ bản về BĐKH, nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng, khái niệm REDD+, lợi ích và rủi ro trong REDD+ và giới thiệu các biện pháp an toàn trong thực hiện REDD+, tập trung vào các biện pháp xã hội.
Tập huấn tổng quan nâng cao nhận thức về REDD+ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp quốc gia.	các cán bộ quản lý các cấp.	2 ngày	Cung cấp cho người học khái niệm cơ bản về BĐKH, nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng, khái niệm REDD+, lợi ích và rủi ro trong REDD+, giới thiệu các biện pháp an toàn trong thực hiện REDD+, tập trung vào các biện pháp xã hội.
Tập huấn tổng quan nâng cao nhận thức về REDD+ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp quốc gia.	cán bộ kỹ thuật các cấp.	3 ngày	Cung cấp cho người học khái niệm cơ bản về BĐKH, phân tích nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng, khái niệm REDD+, Quản lý rừng bền vững trong bối cảnh REDD+, lợi ích và rủi ro, các yêu cầu về REDD+ bao gồm các biện pháp an toàn trong thực hiện REDD+.
Tập huấn cho tiêu giáo viên (ToT).	tập huấn viên/hướng dẫn viên.	5 ngày	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về toàn bộ nội dung của cuốn tài liệu này và thảo luận về thiết kế và phương pháp giảng dạy. Trọng tâm của khóa ToT có thể bao hàm các nội dung sau: BĐKH, nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng, khái niệm REDD+, Quản lý rừng bền vững trong bối cảnh REDD+, lợi ích và rủi ro, các yêu cầu về REDD+ bao gồm các biện pháp an toàn trong thực hiện REDD+.

Chương 1

RỪNG & BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Phần 1: Biến đổi khí hậu và tác động của nó

Thời gian:

- 120 phút

Phương pháp:

- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình
- Đặt câu hỏi

Học liệu:

- Giấy A0
- Bút dạ
- Thẻ màu
- Băng dính
- Bảng lật

Mục tiêu:

Sau khi kết thúc học phần này, học viên sẽ:

- Liệt kê được các nguyên nhân gây gia tăng nhiệt độ trong bầu khí quyển.
- Kể tên các nguồn gây hiệu ứng khí nhà kính.
- Giải thích các dấu hiệu và tác động của biến đổi khí hậu dựa trên thực tế tại địa phương.
- Liệt kê các tác động về mặt kinh tế, xã hội và vật lý/sinh học do biến đổi khí hậu gây ra ở địa phương và trên toàn cầu.

Các bước:

1. Giới thiệu học phần bằng việc giải thích mục tiêu, phương pháp và thời gian tập huấn.
2. Phát cho học viên các thẻ màu trên đó có ghi các biểu hiện của thời tiết và khí hậu. Yêu cầu học viên thảo luận theo 2 nhóm và dán các thẻ màu lên bảng lớn theo 2 cột để phân biệt giữa khí hậu và thời tiết.
3. Phân loại các thẻ màu do học viên dán trên bảng, phân tích và đưa ra khái niệm về thời tiết và khí hậu.
4. Hỏi học viên về những thay đổi của khí hậu đã xảy ra tại nơi họ sinh sống hoặc những thay đổi khí hậu mà họ đã chứng kiến hoặc trải qua.
5. Ghi những ý kiến của học viên lên bảng và đề nghị họ biến đổi khí hậu là gì,

sau đó đưa ra định nghĩa biến đổi khí hậu.

6. Chia lớp học thành 3 nhóm. Yêu cầu các nhóm thảo luận về nguyên nhân gây biến đổi khí hậu (BĐKH).
7. Sau khi các nhóm trình bày, phản hồi và phân tích sản phẩm của nhóm
8. Trình bày về nguyên nhân gây BĐKH trên giấy khổ lớn đã chuẩn bị sẵn.
9. Hỏi học viên về những ảnh hưởng của BĐKH. Viết tất cả các ý kiến lên bảng và làm rõ từng điểm và bổ sung những điểm quan trọng còn thiếu.
10. Phát tài liệu đọc và dành thời gian để học viên đọc
11. Tổng kết và phản hồi với câu hỏi của học viên.

NHỮNG ĐIỂM TẬP HUẤN VIÊN CẦN LƯU Ý:

Biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề gây tranh luận nhiều nhất trong các lĩnh vực về phát triển, xã hội, kinh tế và chính trị. Sự thay đổi mang tính tạm thời hay thường xuyên của khí hậu được gọi là thời tiết và bình quân của các dữ liệu lũy kế về thời tiết trong một khoảng thời gian dài được gọi là khí hậu. Các chỉ số chính của biến đổi khí hậu là sự gia tăng nhiệt độ liên tiếp và sự thay đổi về thời gian, độ dài và chế độ mưa.

Tác động của biến đổi khí hậu được xem xét không chỉ ở cấp độ toàn cầu mà còn ở cấp địa phương. Ví dụ về các tác động cấp địa phương bao gồm diện tích các hồ ở vùng núi cao mở rộng do tuyết tan nhanh chóng; thay đổi dòng chảy các con sông trên núi cao, thiên tai sạt lở đất, giảm số lượng ngày mưa, mùa khô kéo dài hơn; sự gia tăng các loại bệnh khác nhau và sự sụt giảm sản lượng nông nghiệp.

Những thay đổi này gây ra các mối đe dọa đến sinh kế của tất cả mọi người và bảo tồn đa dạng sinh học. Lý do chính của biến đổi khí hậu là sự gia tăng lượng khí nhà kính trong khí quyển, đặc biệt là khí Các-bon-nic (CO₂). Các nguồn chính tạo ra khí CO₂ trong khí quyển là mất rừng, suy thoái rừng và đốt cháy các loại nhiên liệu hóa thạch.

TÀI LIỆU ĐỌC

Biến đổi khí hậu và các tác động của biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu là gì?

Theo Tổ chức Thời tiết Thế giới, điều kiện thời tiết trung bình tối thiểu trong 30 năm được gọi là khí hậu. Như vậy biến đổi khí hậu có nghĩa là sự thay đổi các chỉ số khí hậu. Các phép đo nhiệt độ trong khoảng 150 năm đã chứng minh rằng nhiệt độ bề mặt Trái Đất đang tăng lên. Nhiều người đang bị “nhầm lẫn giữa khí hậu và thời tiết”. Trời nắng hay mưa, nóng hay lạnh, có gió hay đầy mây đều là một phần của thời tiết. Thời tiết thay đổi là chuyện bình thường, có thể cách vài ngày có khi vài giờ là thời tiết đã thay đổi. Vì vậy, thay đổi thời tiết phải được hiểu khác so với biến đổi khí hậu.

Điều gì gây ra biến đổi khí hậu?

Như đã đề cập ở trên, con người là nguyên nhân gây ra hầu hết các thay đổi của khí hậu trái đất trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, hệ thống khí hậu rất phức tạp và chịu ảnh hưởng của một số tác động tự nhiên như các biến thể trong bức xạ mặt trời, hiệu ứng khí nhà kính tự nhiên, sự bốc hơi diễn ra trong tự nhiên, dòng chảy của nước, v.v.

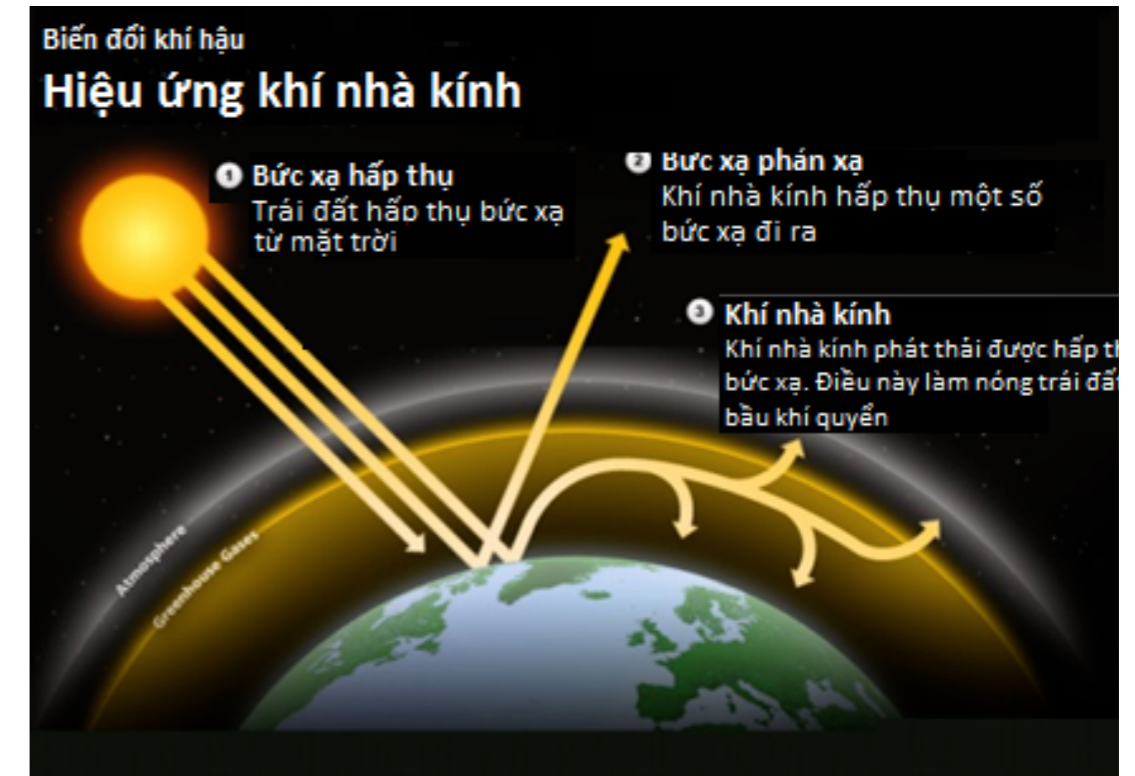
Hiệu ứng nhà kính

Hiệu ứng nhà kính là một hiện tượng tự nhiên theo đó carbon dioxide trong khí quyển (và một vài loại khí nhà kính khác (GHG), bao gồm khí methane và nitrous oxide) giữ lại các tia mặt trời chiếu vào bề mặt trái đất trong quá trình phản xạ trở lại vào không gian ngoài vũ trụ và do đó làm nóng bầu khí quyển của trái đất. Hình 1.1 minh họa hiệu ứng khí nhà kính và hiệu ứng này hoạt động như thế nào, cũng như đóng góp như thế nào vào các quá trình này. Các loại khí nhà kính hấp thụ một phần bức xạ và sau đó phát thải trở lại, bao gồm cả quay trở lại bề mặt trái đất, làm nóng bầu khí quyển. Có một số loại khí nhà kính và tác động của chúng phụ thuộc vào “tiềm năng nóng lên toàn cầu” của các loại khí này, cũng như khối lượng tích tụ trong khí quyển.

Tiềm năng nóng lên toàn cầu là một yếu tố của:

- Bức xạ cưỡng bức (dòng biến động theo xu hướng giảm thuần túy) do phát thải xung của hợp chất (khí);
 - Các hợp chất được lưu giữ lại trong khí quyển trong thời gian bao lâu.
- Tiềm năng gây nóng lên trên toàn cầu của khí metan và oxit nito lớn hơn nhiều so với carbon dioxide, nhưng một khối lượng carbon dioxide lớn hơn nhiều đang bị phát thải vào khí quyển.

Về nguyên tắc, hiệu ứng nhà kính là một điều tốt, vì nếu không thì hành tinh này quá lạnh và con người khó có thể sinh tồn. Tuy nhiên, sự gia tăng khí nhà kính đã dẫn đến sự gia tăng “tiềm năng nóng lên” của bầu khí quyển và điều này có liên quan đến những thay đổi trong khí hậu mà chúng ta có thể quan sát được. Trên thực tế, nhân loại đang đắp thêm một cái chăn nữa bao quanh trái đất.



Hình 1.1: Hiệu ứng nhà kính

Nguồn: EDF Energy, 2015

Hiện nay, đã có sự đồng thuận trong cộng đồng khoa học cho rằng nguyên nhân của sự thay đổi khí hậu hiện tại (và cả trong tương lai) là con người (từ con người), chủ yếu do sự gia tăng hiệu ứng nhà kính do sự phát thải khí nhà kính trong bầu khí quyển.

Sự ấm lên của khí hậu là điều không tránh khỏi và nguyên nhân lớn nhất xuất phát từ sự gia tăng các loại khí trong bầu khí quyển: tích tụ carbon dioxide (CO₂) do con người gây ra. IPCC đã tuyên bố rõ ràng: Rất có khả năng (95%) rằng ảnh hưởng của con người là nguyên nhân chủ đạo gây ra sự nóng lên của trái đất đã được nhận biết từ giữa thế kỷ 20.

Tác động của biến đổi khí hậu

Theo nhiều nghiên cứu hiện nay trên thế giới, biến đổi khí hậu có thể tác động đến tất cả các lĩnh vực quan trọng đối với đời sống con người.

Đối với tài nguyên nước:

Biến đổi khí hậu có thể gây tác động nghiêm trọng đến tài nguyên nước ở Việt Nam. Do lượng mưa, tần suất các cơn mưa tăng, chế độ mưa thay đổi cho nên các vấn đề như lũ lụt, sạt lở đất, bồi lắng, và rửa trôi đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Ngoài ra, dòng chảy của cả các con sông lớn và tài nguyên nước ngầm trong lòng đất đang giảm. Sự sụt giảm nguồn nước, đặc biệt nguồn nước ngầm, sẽ có tác động tiêu cực đến thủy điện, thủy lợi và năng suất cây trồng.

Đối với nông nghiệp:

Nhiều minh chứng cho thấy, nông nghiệp là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do tác động của biến đổi khí hậu. Không chỉ đe dọa đến tình hình an ninh lương thực, biến đổi khí hậu còn làm thay đổi điều kiện sống của các loài sinh vật và tác động trực tiếp đến thời vụ cũng như cấu trúc mùa, quy hoạch vùng, kỹ thuật tưới tiêu, sâu bệnh, năng suất, sản lượng, đồng thời làm suy thoái tài nguyên đất và đa dạng sinh học. Vì vậy cần thiết phải tìm ra các giải pháp thích ứng cho ngành nông nghiệp.

BĐKH làm thay đổi điều kiện sinh sống của các loài sinh vật, dẫn đến tình trạng biến mất của một số loài và ngược lại xuất hiện nguy cơ gia tăng các loài “ngoại lai”. Tại Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm gần đây, dịch rầy nâu, vàng lùn, lùn xoắn lá ngày càng phổ biến và diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến khả năng thâm canh, tăng vụ và làm giảm sản lượng lúa. Ở miền Bắc rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ cũng đã phát sinh thành dịch, gây thiệt hại đáng kể đến năng suất và làm tăng chi phí sản xuất. Sự thay đổi các yếu tố khí hậu và thời tiết có thể làm nảy sinh một số bệnh mới đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm và phát triển thành dịch hay đại dịch.

Đối với đa dạng sinh học:

Do biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học sẽ bị tác động tiêu cực. Điều này là do có sự gia tăng nhiệt độ và sự giảm sút tài nguyên nước. Việt Nam có bốn miền khí hậu chủ yếu, bao gồm: miền khí hậu phía Bắc, miền khí hậu phía Nam, miền khí hậu Trường Sơn và miền khí hậu biển Đông. Nếu lượng khí CO₂ trong khí quyển tăng gấp đôi, số lượng các kiểu khí hậu cũng sẽ thay đổi và môi trường sống của các dạng động thực vật khác nhau sẽ thay đổi.

Đối với sức khỏe con người:

Biến đổi khí hậu gây tác động trực tiếp và gián tiếp đến sức khỏe con người. Nhiệt độ tăng, nước biển dâng cao, lượng mưa thay đổi, tạo điều kiện cho vi trùng, vi khuẩn phát triển, muỗi gia tăng khiến cho bệnh sốt xuất huyết, sốt rét cũng tăng cao. Ô nhiễm khí hậu, khói bụi khiến cho các bệnh về phổi như lao, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, hen... không ngừng gia tăng. Trong khi một số dịch bệnh nguy hiểm mới nổi đã được kiểm soát như cúm A/H5N1, thậm chí không còn xuất hiện như SARS thì trong những năm tiếp theo lại xuất hiện những tác nhân gây dịch mới khiến các chuyên gia y tế thế giới đau đầu.

Các nỗ lực nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu ở Việt Nam

Một số chương trình giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu đã được thực thi ở Việt Nam. Ví dụ, nhiều hoạt động đang được thực hiện trong lĩnh vực phát triển năng lượng sạch. Ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và chế biến cũng đang được thực hiện ngày càng nhiều. Đang có các nỗ lực để kiểm soát bụi và khói trong các nhà máy gạch, lò nung gốm sứ, cùng với việc sử dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng. Thu gom rác thải, xử lý và chôn rác thải cũng đang được thực hiện. Trong lĩnh vực giao thông vận tải, lệnh cấm đã được áp dụng với xe ba bánh và các loại xe quá hạn sử dụng.

Để đáp ứng nhu cầu của ngành giao thông công cộng, chính phủ đã khuyến khích sử dụng xe điện và các phương tiện vận hành bằng khí hóa lỏng. Mặc dù còn ở quy mô nhỏ nhưng sản xuất nhiên liệu sinh học cũng đã được bắt đầu. Các loại bếp lò cải tiến được sử dụng rộng rãi trong thực tế. Các chương trình như quản lý cây trồng tổng hợp, nông-lâm kết hợp, xây dựng và sử dụng các con đập gom nước, công nghệ thủy lợi sử dụng ít nước (như hệ thống tưới nhỏ giọt) đang được nghiên cứu và áp dụng. Trong những năm gần đây, các hoạt động truyền thông về BĐKH cũng được thực hiện và tăng cường nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng.

Phần 2: Vai trò của rừng trong biến đổi khí hậu

Thời gian:

- 90 phút

Phương pháp:

- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình
- Đặt câu hỏi

Học liệu:

- Giấy A0
- Bút dạ
- Thẻ màu
- Băng dính
- Bảng lật

Mục tiêu:

Sau phần này học viên sẽ:

- Hiểu được vai trò của rừng trong chu trình Carbon toàn cầu
- Giải thích được ảnh hưởng của BĐKH tới rừng với các ví dụ thực tế tại địa phương
- Hiểu được tầm quan trọng của rừng trong phần giảm thiểu BĐKH

Các bước:

1. Giới thiệu trong phần này chúng ta sẽ tìm hiểu về vai trò của rừng trong biến đổi khí hậu. Hỏi học viên xem họ hiểu BĐKH như thế nào. Nếu họ chưa thật sự hiểu thì đề nghị một vài người lớn tuổi trong số họ cho một vài ví dụ về các thay đổi về thời trong những năm gần đây so với 20-30 năm về trước và giải thích đó là ảnh hưởng của BĐKH (5phút).
2. Chia học viên thành 2-3 nhóm ngẫu nhiên gồm khoảng 8-10 người và đề nghị họ phân tích mối liên hệ giữa rừng và BĐKH bằng việc trả lời 2 câu hỏi sau đây: Câu hỏi 1: Rừng ảnh hưởng như thế nào tới BĐKH? Câu hỏi 2: BĐKH ảnh hưởng như thế nào tới rừng?
3. Đề nghị mỗi nhóm dành khoảng 15 phút thực hành phân tích mối liên hệ giữa rừng và BĐKH. Lưu ý các nhóm có thể dùng bút dạ viết trực tiếp lên giấy A0, hoặc viết mỗi ý vào 1 thẻ màu rồi gắn lên.
4. Các nhóm chia sẻ kết quả làm việc của mình khoảng 5 phút trình bày/nhóm và dành thời gian để bổ sung ý kiến của các nhóm khác và thảo

luận chung để làm rõ mối liên hệ giữa rừng và BĐKH.

5. Hỏi các học viên về hiểu biết của họ đối với chu trình carbon. Viết các câu trả lời lên bảng.
6. Giải thích biểu đồ chu trình carbon, tập trung giải thích thêm bằng cách nào CO₂ trong khí quyển được chuyển tải vào gỗ và gỗ được chuyển đổi thành CO₂.
7. Trong khi thảo luận về chu trình carbon, khuyến khích các học viên xác định vai trò của rừng trong việc giảm lượng khí CO₂ trong khí quyển.
8. Tóm tắt vai trò của rừng trong việc thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, cho các học viên đặt câu hỏi để làm sáng tỏ, trả lời và kết thúc học phần.
9. Phát tài liệu đọc và kết thúc học phần.

NHỮNG ĐIỂM TẬP HUẤN VIÊN CẦN LƯU Ý:

Rừng có vai trò vừa là bể chứa và vừa là nguồn phát thải CO₂ và do đó có thể đóng góp vào việc tăng hoặc giảm tác động của biến đổi khí hậu. Phá hủy và đốt cháy rừng sẽ dẫn đến việc lượng phát thải tăng lên trong bầu khí quyển, trong khi giảm mất rừng và suy thoái rừng sẽ bổ sung giá trị bằng cách hấp thụ CO₂, cũng như cung cấp một loạt các lợi ích khác.

Với cách nhìn nhận này, rừng vô cùng quan trọng không chỉ trong việc giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu, mà còn hỗ trợ các kỹ năng thích ứng của các cộng đồng dễ bị tổn thương bằng cách cung cấp cho họ một loạt các dịch vụ, hỗ trợ sinh kế, tạo thu nhập tiền mặt và an ninh lương thực, đặc biệt là trong các thời điểm khó khăn nhất.

TÀI LIỆU ĐỌC

Vai trò của rừng trong BĐKH

Rừng có thể đóng vai trò tích cực hoặc tiêu cực trong biến đổi khí hậu. Điều này phụ thuộc vào việc rừng được sử dụng như thế nào. Rừng đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu như là một bể chứa khí các bon nic (CO_2) nhưng nếu không được sử dụng đúng cách thì rừng sẽ hoạt động như là một nguồn phát thải khí (CO_2). Ngoài ra, rừng đóng vai trò quan trọng giúp con người và các sinh vật khác thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, nếu không được sử dụng đúng, thì rừng cũng có thể góp phần làm cho biến đổi khí hậu trở nên trầm trọng hơn.

Tác động của biến đổi khí hậu đến rừng

Biến đổi khí hậu có tác động hai mặt tích cực và tiêu cực đến rừng. Tác động tiêu cực bao gồm làm giảm tốc độ sinh trưởng của rừng, bệnh và sâu hại gia tăng và giảm khả năng sinh tồn của thực vật. Năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu ở côn trùng cao hơn so với các loài thực vật. Điều này có nghĩa là khi biến đổi khí hậu, côn trùng và các vi khuẩn có hại khác sẽ tấn công các loài thực vật mạnh mẽ hơn. Các loại côn trùng và vi khuẩn này có nguy cơ lan truyền sang các khu vực khác. Nguy cơ cháy rừng cũng sẽ rất cao do độ ẩm trong khí quyển và trên bề mặt đất giảm.

Khí hậu biến đổi cũng ảnh hưởng đến sức sống của rừng. Thực vật bị suy yếu, khả năng chống lại sâu bệnh và sự tấn công từ côn trùng của rừng trồng thuần loài sẽ bị suy yếu dần, do đó cần phải xúc tiến trồng rừng hỗn giao để cải thiện sức sống của rừng. Các giải pháp thích ứng khác bao gồm duy trì mật độ rừng, giảm thiểu sự cạnh tranh, loại bỏ các vật liệu dễ gây cháy trên mặt đất ra khỏi rừng. Khả năng chống chịu sâu bệnh và cháy rừng tăng nếu mật độ rừng được duy trì ở mức trung bình.

Vai trò của rừng trong thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu

Rừng là một thành phần quan trọng của hệ sinh thái của trái đất. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì cuộc sống hàng ngày của con người và các sinh vật khác trên hành tinh. Ngoài việc giúp giảm thiểu biến đổi khí hậu, rừng cung cấp sản phẩm và các dịch vụ khác nhau cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng. Vai trò của rừng trong việc thích ứng được tóm tắt như sau:

- Thực tế cho thấy rừng có thể cung cấp lương thực trong thời kỳ đói kém. Khi không có các loại lương thực và thực phẩm thông thường,

con người sử dụng các sản phẩm từ rừng như củ mài, các loại lá, cây cỏ và hoa quả rừng làm thực phẩm. Nghiên cứu cho thấy người dân ở các nước đông nam á thu hái và dùng làm thức ăn hơn 130 loại lương thực, thực phẩm từ rừng. Rừng tự nhiên Việt Nam là rừng nhiệt đới và rất giàu có về đa dạng sinh học, nhiều cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng, rừng cung cấp nước, thức ăn, thuốc chữa bệnh và rừng còn có vai trò trong thế giới tâm linh đối với cộng đồng.

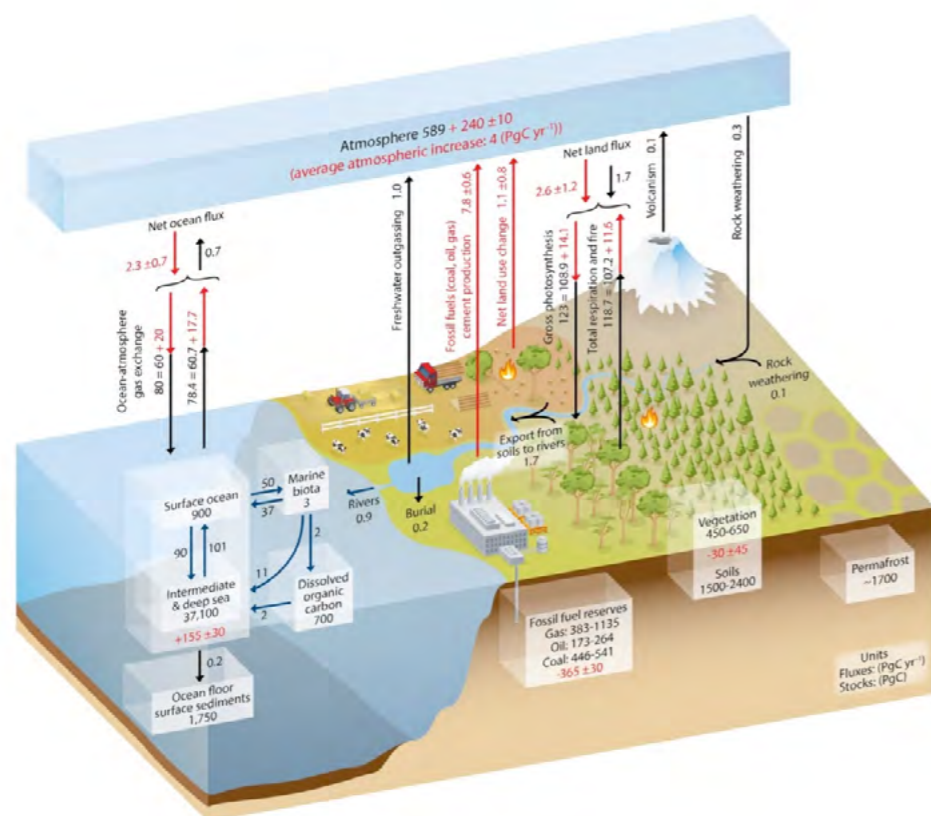
- Có thể tăng năng suất của các loại lâm sản khác nhau, ví dụ như gỗ, củi, lâm sản ngoài gỗ từ những khu rừng được quản lý tốt. Việc bán các lâm sản trên thị trường có thể tạo ra thu nhập giúp cải thiện sinh kế của các cộng đồng.
- Các dịch vụ do rừng cung cấp, bao gồm bảo tồn đất và bảo tồn đa dạng sinh học, có thể chống lại biến đổi khí hậu. Sự thay đổi tích cực về chất lượng và khối lượng nước do bảo tồn rừng có thể tạo tác động tích cực tới sức khỏe con người, nông nghiệp, và các ngành công nghiệp.
- Tương tự như vậy, trong trường hợp thiên tai, rừng sẽ là nơi che chở và cung cấp thức ăn cho gia súc và động vật hoang dã.

Biến đổi khí hậu liên quan đến chu chuyển carbon và rừng như thế nào?

Carbon có thể được tìm thấy dưới các dạng thức và tại vị trí khác nhau. Chúng có trong các sinh vật sống (bao gồm các loài cây và các loài thực vật khác), nhiên liệu hóa thạch (than, dầu và khí đốt) và carbon dioxide trong bầu khí quyển. Khối lượng tuyệt đối được giữ lại tại các địa điểm khác nhau trong một thời điểm nhất định được gọi là trữ lượng. Những thay đổi về trữ lượng được gọi là thông lượng (tốc độ trao đổi carbon giữa các bể chứa carbon). Dòng chảy carbon giữa các bể chứa thông qua một số quá trình được gọi chung là “chu trình carbon”. Thông lượng carbon bao gồm các quy trình tự nhiên như tăng trưởng và hô hấp của thực vật và sự can thiệp của con người như việc đốt các nhiên liệu hóa thạch và phá rừng. Hình 2.1 dưới đây minh họa chu trình carbon toàn cầu trong bể chứa và dòng chảy được thể hiện theo hai cách:

1. Chu trình carbon như thế nào trước khi có sự can thiệp lớn của con người (khoảng trước năm 1750 - con số màu đen và mũi tên);
2. Chu trình carbon bị thay đổi ra sao bởi những can thiệp của con người kể từ khi có cuộc cách mạng công nghiệp (con số màu đỏ và mũi tên).

Thông lượng trong “lịch sử” nói chung ở trạng thái cân bằng, lượng vào và ra của mỗi loại trữ lượng là giống nhau. Các hoạt động của con người, chẳng hạn như việc đốt nhiên liệu hóa thạch, sản xuất xi măng và thay đổi sử dụng đất đang tạo ra sự mất cân bằng, thông qua lượng khí thải ngày càng tăng. Nhưng sự tuôn ra lớn hơn từ các “nguồn” (sản lượng carbon sản sinh trong kho dự trữ vào bầu khí quyển) được bù đắp một phần bởi sự tuôn ra lớn hơn từ bầu khí quyển vào các “bể chứa” (các quá trình hoặc cơ chế loại bỏ carbon dioxide từ không khí), đặc biệt là các đại dương và bể chứa trong đất.



Hình 2.1: Chu trình carbon toàn cầu trong những năm 1990

Nguồn: IPCC, 2015

Rừng và giảm thiểu biến đổi khí hậu

Mối liên kết giữa rừng và chu kỳ carbon có nghĩa là các hành động có ảnh hưởng đến ngành lâm nghiệp có thể có tác động lớn đến phát thải khí nhà kính và đến biến đổi khí hậu. Tổng lượng carbon dioxide trong khí quyển có thể giảm bằng cách giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng. Việc duy trì diện tích rừng hiện có cho phép bảo tồn vai trò của rừng trong bồn chứa carbon trên mặt đất và rừng được phục hồi có thể làm tăng hấp thụ carbon và qua đó làm giảm mức tổng thể carbon dioxide trong bầu khí quyển.

Khi thừa nhận vai trò tiềm năng của rừng trong việc góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu, UNFCCC đã xây dựng chương trình REDD+, giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng cộng với bảo tồn trữ lượng carbon rừng, quản lý rừng bền vững và nâng cao trữ lượng carbon rừng.

Tóm lại, rừng đóng vai trò kép liên quan đến phát thải khí nhà kính, và là một trong những căn nguyên chính của biến đổi khí hậu khi sử dụng, quản lý rừng không đúng:

- Việc hủy hoại rừng sẽ làm phát thải khí nhà kính. Mất rừng và suy thoái rừng không chỉ làm giảm số lượng cây hấp thụ khí CO₂ từ không khí, mà khí CO₂ còn phát thải trong quá trình đốt cây cối, thảm thực vật, thảm mục hoặc phân hủy của thực vật.
- Ngược lại, lượng phát thải CO₂ có thể giảm bằng việc bảo tồn các khu rừng khỏi bị phá hủy, hoặc bị suy thoái. Rừng càng được bảo tồn bao nhiêu thì càng mở rộng lượng CO₂ được hấp thụ nhiều bấy nhiêu và làm giảm lượng khí CO₂ trong khí quyển.

Chương 2

Khuôn khổ REDD+

Phần 3: Giới thiệu REDD+

Thời gian:

- 120 phút

Phương pháp:

- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình
- Đặt câu hỏi

Học liệu:

- Giấy A0
- Bút dạ
- Thẻ màu
- Băng dính
- Bảng lật

Mục tiêu:

Sau phần này tham dự viên sẽ nắm được:

- Khái niệm REDD+ và sự tiến triển lịch sử của nó
- Tầm quan trọng của việc thực thi REDD+ ở cấp quốc gia và những thách thức
- Các sáng kiến quốc tế để hỗ trợ thực thi REDD+ ở cấp quốc gia.

Các bước:

1. Giải thích rằng có thể có các cách giải nghĩa khác nhau về REDD+ trong nhóm và do đó bài này nhằm giúp tham dự viên có cùng cách hiểu về REDD+.
2. Chia tham dự viên thành 3 nhóm khoảng 7-10 người/ nhóm
3. Phát cho nhóm một tờ giấy giấy khổ lớn A0. Yêu cầu tham dự viên dành thời gian suy nghĩ và dùng hình vẽ diễn đạt quan điểm của họ REDD+ là gì. Lưu ý tham dự viên rằng bài tập này không phải là kiểm tra mức độ hiểu biết của tham dự viên về REDD+ mà chủ yếu là muốn khám phá xem họ nhận thức như thế nào về REDD+ theo cách của riêng họ.
4. Yêu cầu các nhóm dán sản phẩm của mình lên tường.
5. Yêu cầu mỗi nhóm đến xem kết quả của các nhóm khác và tìm hiểu sự kết nối giữa bức tranh và ý kiến của họ về REDD+.

6. Mời mỗi nhóm trình bày ngắn gọn và trả lời các câu của nhóm khác, nếu có.
7. Thảo luận chung với các câu hỏi những câu hỏi sau: Tất cả các nhóm đều giống nhau hay khác nhau? Những điểm khác nhau chính là gì? Và tại sao lại có sự khác nhau đó? Tất cả đều nhất trí những điểm chính nào?
8. Tổng kết với việc trình bày khái niệm REDD+ là gì.
9. Phát tài liệu đọc và dành thời gian để các tham dự viên đọc
10. Giải thích các câu hỏi của tham dự viên.

NHỮNG ĐIỂM TẬP HUẤN VIÊN CẦN LƯU Ý:

Học phần này đòi hỏi tập huấn viên, hoặc một số người trong số tham dự viên phải có một số kiến thức kỹ thuật nhất định. Trong trường hợp này, tập huấn viên hoặc có thể đóng vai trò của một chuyên gia để giải thích về NS/AP và PAMs, hoặc xác định một người nào đó trong số những người tham gia có thể giúp giải thích về các chủ đề này. Nếu không, nên mời sẵn một cán bộ nguồn với sự hiểu biết vững chắc về các chủ đề này cho việc đào tạo được hiệu quả.

Tùy theo đối tượng tham gia và thời gian cho phép, tập huấn viên bố trí thời gian cho các bước thực hiện cho phù hợp và học phần đạt được các mục tiêu đề ra.

TÀI LIỆU ĐỌC

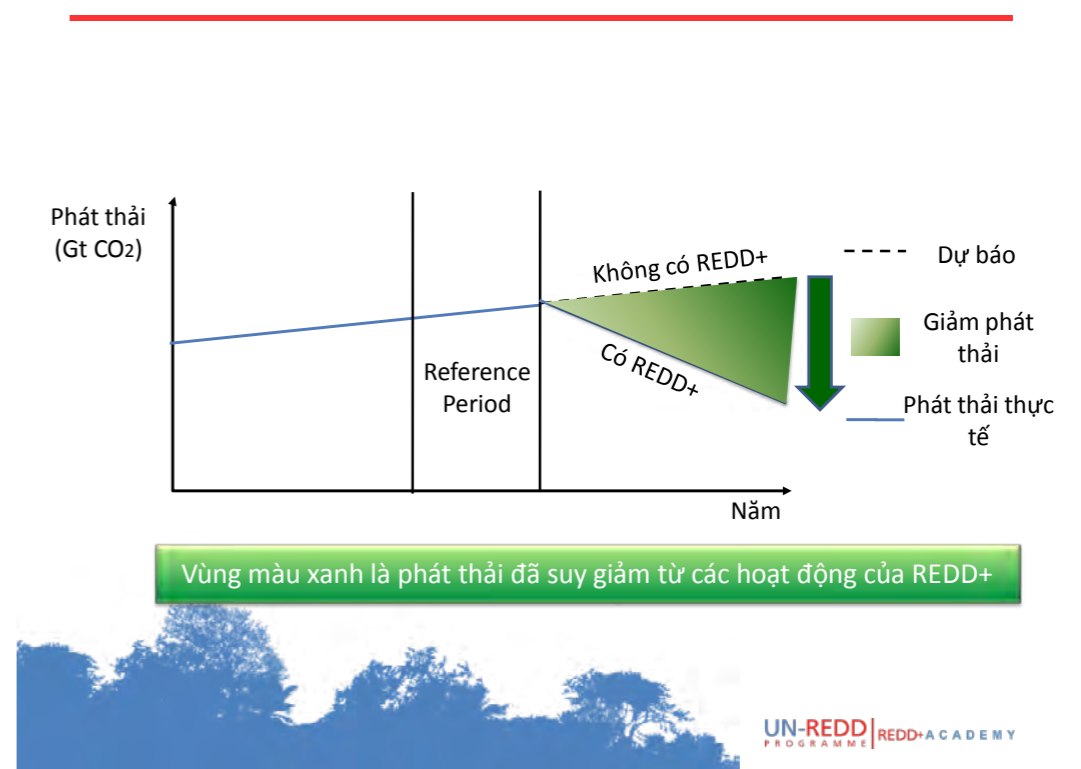
REDD+ là gì?

Như đã thảo luận trong Học phần 1: Biến đổi khí hậu và vai trò của rừng, loài người có tiềm năng to lớn trong việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính (GHG) trong lĩnh vực lâm nghiệp. Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng và vai trò của bảo tồn, quản lý rừng bền vững và nâng cao trữ lượng carbon rừng ở các nước đang phát triển (REDD+) là một nỗ lực nhằm tạo động lực tích cực cho các nước đang phát triển đóng góp vào việc giảm thiểu biến đổi khí hậu thông qua các hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất. Nguồn tài chính cho việc thực thi REDD+ được mở rộng có thể tạo cơ hội để đầu tư vào các cách làm có lượng phát thải carbon thấp để hướng đến phát triển bền vững với sự hỗ trợ đầy đủ và có kế hoạch từ các nước phát triển và khu vực tư nhân, mặc dù điều này vẫn chưa được đảm bảo.

Hướng dẫn từ Hội nghị các bên UNFCCC (COP) về REDD+ đã được xuất bản đầu tiên từ năm 2007, với trọng tâm là bảy quyết định liên quan đến REDD+ còn được gọi là Công ước khung Warsaw về REDD+ được thông qua tại COP19 vào tháng 10 năm 2013. Cùng với các quyết định của COP trước đó, UNFCCC đã đề ra quá trình các nước đang phát triển phải tuân thủ để nhận được các khoản chi trả cho các hoạt động REDD+ dựa trên kết quả, có thể được coi như là “Cẩm nang những quy tắc của REDD+”.

Trước năm 2007, khái niệm bao trùm chỉ là giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng ở các nước đang phát triển (vì thế viết tắt là REDD), nhưng sau đó một số thành tố khác đã được thêm vào (thể hiện bởi dấu cộng (+)). Các thành tố bổ sung (xem đoạn 70 của Hiệp định Cancun) bao gồm:

- Bảo tồn trữ lượng carbon rừng;
- Quản lý rừng bền vững;
- Nâng cao trữ lượng carbon rừng.



Hình 3.1: REDD+ và phát thải khí nhà kính

Nguồn: Chương trình UN-REDD

Như trình bày tại biểu đồ đã được đơn giản hóa theo hình trên, nguyên tắc của REDD+ là thông qua thực tiễn quản lý rừng bền vững hơn, sẽ có thể đạt được cả hai mục tiêu:

- a) Giảm phát thải khí nhà kính do ngành lâm nghiệp gây ra; và
- b) Nâng cao năng lực ngành lâm nghiệp để có thể hành động như là bể chứa cacbon, bằng cách lưu trữ và tăng cường carbon trong năm bể chứa (tức là sinh khối trên mặt đất, sinh khối dưới mặt đất, carbon hữu cơ trong đất, lớp thảm mục và gỗ chết).

Sự xuất hiện của REDD+ ở cấp độ toàn cầu

Ý tưởng về việc thừa nhận giá trị kinh tế, xã hội và môi trường của rừng đặt ra nhiều câu hỏi.

- Thực thi và các lựa chọn về kinh tế để cung cấp tài chính cho ý tưởng này?
- Cơ chế nào cần được đưa ra để tạo các động lực và các kênh tài chính?
- Ai cần chi trả tiền?

Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC)

Những câu hỏi này đã và đang được thảo luận và đàm phán ở cấp quốc tế theo Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC) được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất Rio năm 1992 và có hiệu lực vào ngày 21 tháng 3 năm 1994. Tính đến tháng 4 năm 2015, UNFCCC có 196 nước thành viên, còn được gọi là các bên. Mỗi năm, các bên tụ họp để tiếp tục đàm phán về một số vấn đề liên quan đến khí hậu tại các cuộc họp được gọi là Hội nghị Các bên (COP). Các quyết định của COP được đặt tên theo cách sau: “# quyết định / CP. # của COP”. Ví dụ, quyết định 1/CP.16 là quyết định đầu tiên được lập ở COP 16.

Mục tiêu của Hội nghị là nhằm ổn định nồng độ khí nhà kính trong khí quyển ở mức có thể ngăn ngừa các can thiệp nguy hại do con người gây ra cho hệ thống khí hậu. Thông qua UNFCCC, Nghị định thư Kyoto, phần mở rộng đáng kể của Công ước, đã được thông qua tại COP 3 của UNFCCC tại Kyoto, Nhật Bản, vào tháng 12 năm 1997. Cùng với nhiều biện pháp khác, các quốc gia công nghiệp (được gọi là các quốc gia Phụ lục 1) phải giảm hoặc hạn chế lượng phát thải trong tất cả các lĩnh vực, trong đó có thể bao gồm các lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất.

Rừng và UNFCCC

Vấn đề phát thải carbon từ mất rừng và suy thoái rừng ở các nước đang phát triển đã bắt đầu gây được sự chú ý trong giai đoạn giữa những năm 2000. Tuy nhiên, mất rừng nhiệt đới, hầu như bị loại trừ khỏi phạm vi của Cơ chế phát triển sạch (CDM) của Nghị định thư Kyoto, trong đó cung cấp các đơn vị Giảm phát thải được chứng chỉ có thể mua bán thông qua các chương trình thương mại phát thải.

Trong giai đoạn 2005-2010, ý tưởng thiết lập một cơ chế toàn cầu giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng ở các nước đang phát triển đã nổi lên và đã gây được sự chú ý trong các cuộc thảo luận trong khuôn khổ UNFCCC.

Tại COP 11 năm 2005, chính phủ Costa Rica và Papua New Guinea đã đệ trình một đề xuất bao gồm các nỗ lực để giảm phát thải từ mất rừng (RED) trong chương trình nghị sự đàm phán về khí hậu. Định nghĩa của các thuật ngữ quan trọng cũng đã được thống nhất. Hai năm sau đó, như là một phần của Kế hoạch Hành động Bali, UNFCCC Cop 13 đã chính

thức bắt đầu các cuộc đàm phán để cung cấp các ưu đãi và các biện pháp tiếp cận chính sách để giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng ở các nước đang phát triển và hỗ trợ việc bảo tồn và quản lý rừng bền vững và tăng cường trữ lượng carbon ở các nước đang phát triển (REDD+).

Trong các vòng đàm phán tiếp theo, UNFCCC đã thông qua nhiều quyết định đưa ra cấu trúc của một cơ chế REDD+ toàn cầu. Phần lớn các nước khẳng định sự ủng hộ và cam kết tài trợ cho việc thành lập một cơ chế như vậy như là một phần của Hiệp ước Copenhagen 2009.

Ngoài ra, UNFCCC COP đã thiết lập các quy tắc và đưa ra hướng dẫn phương pháp vận hành chính thức REDD+ như là một phần của Thỏa thuận Cancun 2010, Nền tảng tăng cường hành động Durban 2011, Hướng tiếp cận khí hậu Doha 2012, và Công ước khung Warsaw 2013 về REDD+. Hướng dẫn phương pháp luận REDD+ đã được ký kết vào tháng 6 năm 2015 với việc thỏa thuận chuyển tiếp ba quyết định bổ sung cho COP được xem xét ở Paris vào tháng 12 năm 2015.

Các hoạt động REDD+

Theo UNFCCC, REDD+ được hiểu là bao gồm giảm mất rừng và suy thoái rừng, tăng cường lượng carbon rừng, quản lý rừng bền vững và bảo tồn trữ lượng carbon rừng. Năm hoạt động này bao gồm ba nguyên tắc khác nhau liên quan đến việc giảm thiểu biến đổi khí hậu: giảm phát thải; nâng cao mức hấp thụ; duy trì các bể chứa carbon rừng hiện có. Năm hoạt động được mô tả chi tiết hơn như sau:

1. Giảm phát thải từ mất rừng

Hầu hết các định nghĩa xác định mất rừng là việc chuyển đổi dài hạn hoặc vĩnh viễn đất từ mục đích sử dụng cho rừng sang sử dụng đất vì các mục đích ngoài rừng. Theo Quyết định 16/CMP.1, UNFCCC xác định mất rừng như là: “... sự chuyển đổi trực tiếp, do con người thực hiện, đất có rừng sang đất không có rừng”. Trên thực tế, định nghĩa này có nghĩa là sự suy giảm độ tàn che từ trên ngưỡng định nghĩa về rừng xuống dưới ngưỡng này. Theo đó, giảm phát thải từ mất rừng là sự làm chậm lại hoặc đảo ngược sự chuyển đổi do con người gây ra và tăng độ tàn che của rừng.

2. Giảm phát thải từ suy thoái rừng

Sự mất mát trữ lượng carbon rừng trực tiếp, do hoạt động của con người gây ra, được xác định như là mất rừng. Ngưỡng mất carbon và diện tích tối thiểu bị ảnh hưởng cần được quy định cụ thể để vận hành định nghĩa này. Trong điều kiện có những thay đổi trữ lượng carbon, suy thoái rừng là sự

suy giảm trữ lượng do con người gây ra, với độ tàn che được đo đếm còn lại trên ngưỡng định nghĩa về rừng và không có sự thay đổi về sử dụng đất. Theo đó, giảm phát thải từ suy thoái rừng là làm chậm lại, hoặc đảo ngược sự suy giảm trữ lượng carbon do con người gây ra.

3. Bảo tồn trữ lượng carbon rừng

Việc bảo tồn rừng và các bể chứa carbon và khả năng của các bể chứa này trong việc hấp thụ và lưu trữ carbon. Bảo tồn thường được coi như là một hoạt động làm trung hòa phát thải do hoạt động này duy trì nguyên hiện trạng và do đó có thể được coi là duy trì một cách tích cực trữ lượng carbon.

4. Quản lý rừng bền vững

Việc quản lý các khu rừng được quy hoạch cho mục đích sản xuất gỗ theo cách cân bằng có hiệu quả các mục tiêu kinh tế, xã hội và sinh thái và duy trì hoặc cải thiện các bể chứa carbon. Một định nghĩa hẹp hơn về quản lý bền vững rừng để cập đến việc làm cho cường độ khai thác phù hợp với tỷ lệ tăng trưởng.

5. Tăng cường trữ lượng carbon rừng

Tạo ra hoặc cải thiện các bể chứa carbon và năng lực của các bể chứa này trong việc hấp thụ và lưu trữ carbon. Điều này bao gồm các hoạt động quản lý rừng như phục hồi rừng hiện có nhưng đã bị suy thoái và tăng độ che phủ rừng thông qua trồng rừng mới và tái trồng rừng trên vùng đất trước đây không được phân loại là đất rừng.

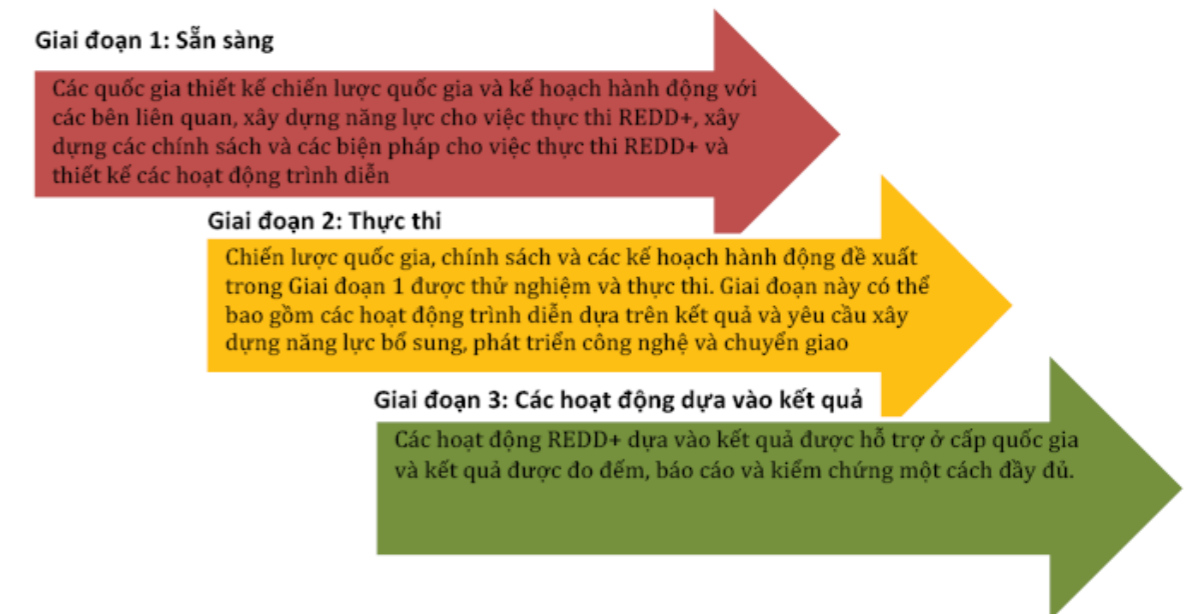
Thực thi các hoạt động REDD+ ở cấp quốc gia

Mặc dù các cuộc đàm phán REDD+ đang được thực hiện ở cấp độ toàn cầu, phạm vi của các hoạt động cần được thực thi sẽ là quốc gia, tuy rằng các hoạt động có thể ở cấp tiểu vùng trong thời gian chuyển tiếp. Dưới đây là một lời giải thích ngắn của Josep Gari từ chương trình UN-REDD:

“Để có hiệu quả và bền vững, REDD+ ban đầu được nhìn nhận như là một cơ chế trong phạm vi toàn quốc, được gắn vào các chính sách cấp quốc gia, các biện pháp thực thi quốc gia và các khoản đầu tư chuyển đổi công/tư. Phạm vi quốc gia như vậy sẽ thúc đẩy, hướng tới việc đạt được và trình diễn sự phát triển bền vững thông qua một hoạt động có tầm quan trọng về mặt xã hội và môi trường. Vì vậy, phạm vi cơ chế REDD+ ở cấp quốc gia không phải là làm trọng tài – phạm vi cơ chế này đặt nền móng cho việc lồng ghép, tác động và thường xuyên.

Ngược lại, các dự án địa phương về REDD+ vẫn là một phương tiện hữu hình để thử nghiệm các sáng kiến và để đạt được kết quả cụ thể. Trong thực tế, các dự án REDD+ với quy mô và thiết kế đa dạng đang tiến triển ở một số quốc gia, chẳng hạn như Colombia, Cộng hòa Dân chủ Congo, Indonesia, Kenya và Tanzania. Giai đoạn đầu tư cho REDD+ cũng chấp nhận các dự án thí điểm – như là các can thiệp phân tán về mặt địa lý, nhưng triết lý cơ bản của REDD+ vẫn là mức độ hoàn thành trên phạm vi quốc gia và phù hợp với mục tiêu và tiêu chí của UNFCCC.

Do sự phức tạp về kỹ thuật và quy trình liên quan đến việc thực hiện các hoạt động REDD+, các bên thỏa thuận REDD+ cần được thực thi trong ba giai đoạn: Chuẩn bị sẵn sàng, thực thi và các hoạt động dựa vào kết quả.



Hình 3.2: Cách tiếp cận theo giai đoạn để thực thi REDD+

Nguồn: Chương trình UN-REDD

Phần 4: Nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng

Thời gian:

- 120 phút

Phương pháp:

- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình
- Đặt câu hỏi

Học liệu:

- Giấy A0
- Bút dạ
- Thẻ màu
- Băng dính
- Bảng lật

Mục tiêu:

Sau khi kết thúc bài học, tham dự viên có thể:

- Hiểu được khái niệm mất rừng và suy thoái rừng
- Nêu được các nguyên nhân/động lực gây mất rừng và suy thoái rừng
- Xác định các rào cản trong thực thi các hoạt động REDD+,
- Giải thích các xu hướng ảnh hưởng tới các nguyên nhân/động lực mất rừng và suy thoái rừng trong tương lai, và
- Xác định các thách thức trong việc phân tích các nguyên nhân/động lực đó.

CÁC BƯỚC

1. Giới thiệu khái niệm mất rừng và suy thoái rừng theo cách gợi ý dưới đây:
 - Mất rừng: đặt các câu hỏi về tình hình diện tích rừng tự nhiên trước đây và so với hiện nay (khi còn trẻ ông/bà thấy rừng so với bây giờ nhiều hơn hay ít hơn?). Ghi lại các ý kiến và phân tích làm rõ diện tích rừng tự nhiên tăng hay giảm. Vẽ hình ảnh rừng cây bị khai thác, chặt hạ trắng và đưa ra kết luận rằng diện tích rừng giảm gọi là mất rừng.

- Suy thoái rừng: vẽ hình về rừng, một mảnh đầy đủ cây và một ảnh về một số cây bị chặt còn gốc và đặt các câu hỏi cho tham dự viên. Khi rừng bị khai thác như hình vẽ thì chất lượng/số lượng cây có thay đổi không. Hỏi tham dự viên rằng sự thay đổi chất lượng/số lượng như vậy gọi là gì. Từ một số ý kiến của tham dự viên để phân tích diện tích rừng không giảm nhưng chất lượng rừng sẽ giảm và trong trường hợp này gọi là suy thoái rừng.
2. Chia tham dự viên thành 2 hay 3 nhóm nhỏ tùy số lượng tham dự viên, các nhóm thảo luận về nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng, sử dụng phương pháp phân tích căn nguyên để tìm ra nguyên nhân gốc rễ chính.
 3. Các nhóm trình bày kết quả và phân tích làm rõ các nguyên nhân.
 4. Phát tài liệu đọc và dành thời gian để các tham dự viên đọc
 5. Thảo luận chung về các nguyên nhân gây mất rừng và suy thoái rừng, rào cản trong thực thi REDD+, các xu hướng ảnh hưởng tới các nguyên nhân/động lực mất rừng và suy thoái rừng trong tương lai và các thách thức trong việc phân tích các nguyên nhân/động lực đó.
 6. Kết luận và làm rõ các câu hỏi của tham dự viên, nếu có.

NHỮNG ĐIỂM TẬP HUẤN VIÊN CẦN LƯU Ý:

Tập huấn viên cần nắm rõ công cụ phân tích căn nguyên để hướng dẫn phần thảo luận nhóm. Sử dụng câu hỏi tại sao cho đến khi tìm ra nguyên nhân/động lực gốc rễ. Nên sử dụng thẻ màu, mỗi thẻ ghi một nguyên nhân/động lực để có thể dễ thay đổi và bổ sung các nguyên nhân trong tiến trình phân tích.

Tùy theo đối tượng tham gia và thời gian cho phép để bố trí thời gian cho các bước thực hiện cho phù hợp và học phần đạt được các mục tiêu đề ra.

TÀI LIỆU ĐỌC

Các động lực gây mất rừng và suy thoái rừng là gì?

Trong bối cảnh REDD+, “động lực” là những hành động và quá trình dẫn đến mất rừng và suy thoái rừng. Hiểu biết được Các động lực gây mất rừng và suy thoái rừng là rất quan trọng vì nhiều lý do và đặc biệt quan trọng cho việc xây dựng các chiến lược và/hoặc kế hoạch hành động quốc gia về REDD+ và hình thành các chính sách và biện pháp.

Có thể chia các động lực thành:

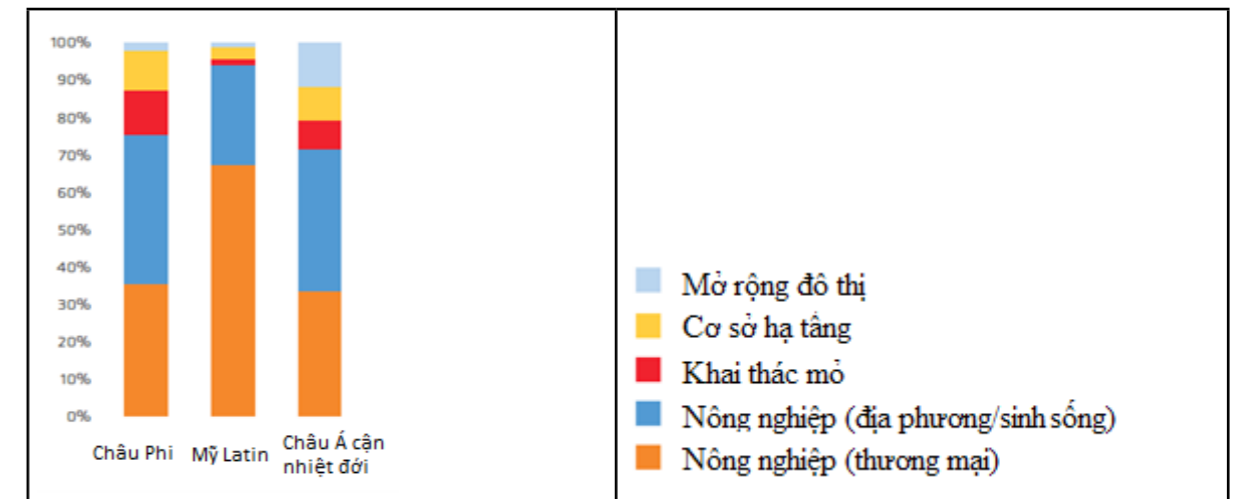
- Động lực trực tiếp là hoạt động của con người hoặc những hành động tức thời ảnh hưởng trực tiếp đến tàn che rừng và gây mất carbon;
- Động lực gián tiếp là sự tương tác phức hợp của các quá trình cơ bản về xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa và công nghệ.

Xem một số ví dụ về DDFD trong bảng dưới đây:

Trực tiếp	Gián tiếp
<ul style="list-style-type: none"> – Mất rừng: sinh kế (bao gồm canh tác nương rẫy với giai đoạn bỏ hóa ngắn) và nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô nhỏ, khai thác mỏ, phát triển cơ sở hạ tầng và mở rộng đô thị. – Suy thoái rừng: khai thác gỗ hợp pháp và bất hợp pháp, cháy rừng, chăn thả gia súc trong rừng, lấy củi và sản xuất than củi, canh tác nương rẫy với giai đoạn bỏ hóa dài ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> – Ở cấp độ quốc tế, ví dụ như thị trường, giá cả hàng hóa, trao đổi thương mại. – Ở cấp độ quốc gia, ví dụ như tốc độ tăng dân số, thị trường trong nước, các chính sách quốc gia, ưu đãi tài chính và trợ cấp. – Ở cấp địa phương, ví dụ sự thay đổi trong hành vi của hộ gia đình. – Nhiều kế hoạch sẵn sàng REDD+ xác định thể chế và quản trị yếu kém, phối hợp liên ngành rời rạc, thừa hành pháp luật kém và nghèo đói là động lực gián tiếp quan trọng.

Các động lực khác nhau tại các vùng khác nhau

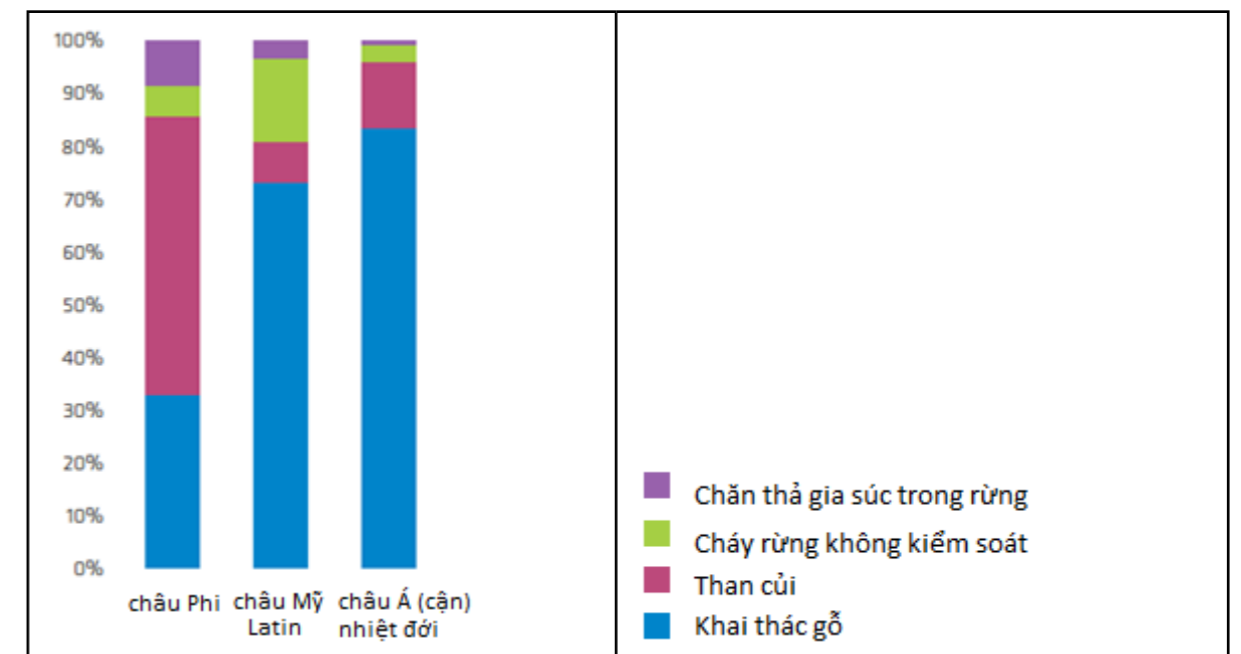
Hình 4.1 và 4.2 trình bày tác động của các động lực khác nhau gây mất rừng ở Châu Phi, Mỹ Latin và vùng Châu Á cận nhiệt đới, 2000-2010. Hình 4.1 cho thấy tầm quan trọng mỗi động lực, trong khi Hình 4.2 thể hiện vùng bị ảnh hưởng bởi mỗi động lực.



Hình 4.1: Tỷ lệ mất rừng bị tác động bởi các động lực khác nhau (2000-2010)

Nguồn: Kissinger et al, 2012

Các đồ thị cho thấy, nông nghiệp được ước tính là động lực gây 80% mất rừng trên toàn thế giới. Nông nghiệp thương mại quy mô lớn là động lực lớn nhất ở châu Mỹ Latin, chiếm 2/3 tổng diện tích rừng bị mất, trong khi nông nghiệp thương mại ở Châu Phi và Châu Á (cận) nhiệt đới, chiếm 1/3 tổng diện tích mất rừng. Nông nghiệp tự cung tự cấp chiếm một tỷ lệ tương tự ở mỗi khu vực. Những động lực gây suy thoái rừng được mô tả theo cách tương tự như trong Hình 4.1



Hình 4.2: Tỷ lệ của các tác động trực tiếp gây suy thoái rừng

Nguồn: Kissinger et al., 2012

Đồ thị trong Hình 4.2 cho thấy rõ ràng rằng ở Mỹ Latin và Châu Á (cận) nhiệt đới, khai thác gỗ thương mại chiếm trên 70% tổng diện tích bị suy thoái, trong khi ở Châu Phi, động lực quan trọng nhất là thu hái củi và sản xuất than gỗ.

Các chính sách và khuyến khích tài chính là động lực gián tiếp đặc biệt quan trọng của việc chuyển đổi rừng. Các động lực này ảnh hưởng đến hành vi sử dụng đất trong nhiều lĩnh vực (đặc biệt là nông nghiệp) thường xâm lấn rừng. Các động lực này cũng xuất hiện ở các giai đoạn khác nhau trong chuỗi cung ứng hàng hóa, từ tiếp cận đất đai đến sản xuất, chế biến theo chiều sâu, công nghiệp chế tạo và các biện pháp kích cầu trong nước và quốc tế, ví dụ như hỗ trợ bình ổn giá thị trường hoặc trao quyền pha chế nhiên liệu để kích thích sản xuất nhiên liệu sinh học từ dầu cọ, mía đường và đậu nành, có ảnh hưởng đáng kể trên toàn cầu. Báo cáo kinh tế khí hậu mới năm 2014 lưu ý rằng nhiều nước bao cấp các đầu vào quan trọng cho nông nghiệp, như nước tưới và phân bón, nhằm tăng năng suất và có bằng chứng cho thấy các khoản bao cấp cũng có thể dẫn đến lãng phí nguồn tài chính và gây hại cho môi trường.

Các xu hướng tác động tới mất rừng và suy thoái rừng trong tương lai

Các động lực sẽ thay đổi theo thời gian, cũng như theo không gian và xu hướng toàn cầu có thể tác động tới các động lực này, chẳng hạn như:

Dân số toàn cầu

Sự gia tăng dân số toàn cầu đã được dự báo, chủ yếu ở các khu vực đô thị (tầng lớp trung lưu phát triển nhanh), đạt 8,2 tỷ người vào năm 2030. Sự gia tăng dân số cực đại sẽ là ở Châu Phi (235 triệu) và châu Á Thái Bình Dương (255 triệu). Sự ổn định mức dân số được kỳ vọng là đạt được sau năm 2050, vào khoảng 8-10 tỷ người, do các tiêu chuẩn sống tăng cao và tỷ lệ sinh giảm (dân số già).

Hàng hóa nông nghiệp

Nhìn chung, theo dự báo, đến năm 2050, nhu cầu tăng 70%. Sản lượng thịt dự kiến sẽ tăng 85% (FAO, 2009). Đối với hạt có dầu, dự báo tăng 23% sản lượng giữa những năm 2011-2020, 2/3 trong nhu cầu đến từ các nước đang phát triển (OECD/FAO, 2011). Hơn thế, sản lượng dầu cọ dự kiến sẽ tăng chủ yếu là ở Indonesia và Malaysia (OECD/FAO 2011). Đến năm 2020, nhiên liệu sinh học sẽ chiếm 21% trong tổng mức tăng sản lượng ngũ cốc thô toàn cầu so với mức hiện nay, sản xuất dầu ăn từ thực vật toàn cầu tăng 29% và 68% sản lượng mía đường gia tăng trên toàn cầu sẽ dùng cho nhiên liệu sinh học (OECD/FAO, 2011).

Sản phẩm gỗ

Theo dự báo, năng lực sản xuất của rừng trồng sẽ tăng lên mức 1,8 tỷ m³ mỗi năm vào năm 2020. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ các nước nhiệt đới và bán cầu Nam, với 80% tiềm năng sản xuất nằm trong khu vực này. Đến năm 2020, Brazil, Trung Quốc và Nga sẽ chiếm lĩnh thị trường buôn bán sản phẩm gỗ quốc tế (Ủy ban tư vấn

của FAO về sản phẩm gỗ và giấy, năm 2007). Cuối cùng, mặc dù việc kiểm soát nhập khẩu vào EU và Mỹ bắt đầu làm giảm nhập khẩu các sản phẩm gỗ khai thác bất hợp pháp, buôn bán trong nước và quốc tế với nguồn gỗ khai thác bất hợp pháp nhìn chung sẽ tăng, ngoại trừ khi các nước có thể tăng kiểm soát tính hợp pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hiện nay việc đảm bảo cung ứng gỗ hợp pháp gặp rất nhiều khó khăn do sự yếu kém về trong năng lực thừa hành pháp luật. Điều này có nghĩa là việc cung ứng gỗ bất hợp pháp dự báo sẽ gia tăng bên ngoài Hoa Kỳ và EU.

Củi và than gỗ

Số người phụ thuộc vào việc sử dụng sinh khối truyền thống trên toàn cầu sẽ giảm 175 triệu người trong khoảng thời gian giữa những năm 2008 - 2030. Trong khi xu hướng toàn cầu được dự báo là sẽ giảm, tiêu thụ củi sẽ tăng 34% đến giữa những năm 2000 - 2020 ở Châu Phi tiểu sa mạc Saharan (FAO, 2009). Nhu cầu về than gỗ (một loại nhiên liệu truyền thống khác) có thể sẽ tăng do gia tăng đô thị hóa.

Những rào cản trong thực thi các hoạt động “+”

Nếu không có một phân tích tỷ mỉ về các động lực và sự đồng thuận về những vấn đề quan trọng nhất, thì năng lực đạt được các kết quả hữu hình REDD+ và tiếp cận các khoản chi trả dựa vào kết quả sẽ bị tác động xấu. Các quốc gia đặt mục tiêu tập trung các chính sách, các biện pháp (PAMS), chiến lược và kế hoạch hành động REDD+ quốc gia về các hoạt động “+” cần phải phân tích các rào cản đối với việc tăng cường và bảo tồn trữ lượng carbon và quản lý rừng bền vững. Những lực cản trong việc thực hiện các hoạt động “+” cũng giống như các rào cản trong đầu tư vào quản lý rừng bền vững và giải quyết các động lực gây mất rừng, ví dụ như các ưu đãi tài chính.

Những rào cản tiềm năng có thể bao gồm:

- Các quyền bị tranh chấp và không được xác định một cách rõ ràng;
- Năng lực và cam kết không đủ mạnh để thực hiện sự tuân thủ pháp luật về rừng và giảm khai thác và buôn bán gỗ bất hợp pháp;
- Chính sách công không nhất quán và không phù hợp và những thay đổi tùy tiện trong chính sách;

- Thiếu minh bạch và thiếu trách nhiệm giải trình;
- Thiếu hoặc kém phối hợp liên ngành, thiếu chia sẻ thông tin và thiếu mong muốn cộng tác giữa các bộ ngành có thẩm quyền;
- Thiếu đất đai trên thực tế hoặc theo cảm nhận để thu hút đầu tư;
- Sự phức tạp về xã hội và truyền thống (ví dụ như không mong muốn thay đổi sử dụng đất hoặc di dân đi nơi khác dẫn đến tình trạng thiếu lao động).

Những cái bẫy thường bắt gặp trong phân tích các động lực

- Chỉ tập trung phân tích xu hướng lịch sử mà không nhìn vào các kịch bản tiềm năng trong tương lai;
- Bỏ qua việc phân tích các động lực gián tiếp;
- Phương pháp tiếp cận gián lược thờ ơ với các lĩnh vực ngoài lâm nghiệp và các kế hoạch tương lai của các lĩnh vực này;
- Không tách các động lực gây mất rừng khỏi các động lực gây suy thoái rừng vì các loại động lực này thường không giống nhau;
- Quá tập trung vào các giải pháp cụ thể (ví dụ như lâm nghiệp cộng đồng) trước khi bắt đầu phân tích động lực và rào cản.

Phần 5:

Chiến lược và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia (NS/AP) và Chính sách và biện pháp (PAM) thực thi REDD+

Thời gian:

- 150 phút

Phương pháp:

- Nghiên cứu tài liệu
- Làm việc nhóm
- Thảo luận chung

Học liệu:

- Bút dạ
- Thẻ màu
- Giấy A0
- Bảng lật
- Băng dán

Mục tiêu:

Cuối học phần này tham dự viên có thể:

- Giải thích các cấu phần của chiến lược quốc gia (NS) về REDD+ và Kế hoạch hành động (AP).
- Mô tả các câu hỏi hướng dẫn quá trình thiết kế các NS/AP.
- Mô tả các yếu tố cần được xem xét trong quá trình phát triển.
- Xác định chính sách và biện pháp (PAM), và danh sách các vấn đề chủ chốt của PAM để xem xét.
- Giải thích làm thế nào để xác định các chính sách và biện pháp thích hợp.
- Mô tả làm thế nào để giám sát tác động của PAM.

Các bước:

1. Bắt đầu học phần bằng cách hỏi những người tham dự rằng để thực hiện REDD+ hiệu quả một quốc gia cần có những gì sẵn sàng. Sử dụng thẻ màu để thu thập ý kiến của người tham dự, một ý tưởng trên một thẻ.
2. Cùng với những người tham dự nhóm ý kiến của họ vào một vài loại chính hoặc các yếu tố chính.
3. Giới thiệu bốn yếu tố cốt lõi của thỏa thuận Cancun (Quyết định 1/CP.16) năm 2010, yêu cầu các quốc gia xây dựng trong khuôn khổ REDD+: (i) Chiến lược quốc gia REDD+ (NS) hoặc Kế hoạch hành động (AP), (ii) Mức phát thải tham chiếu rừng cấp quốc gia (FREL) và/hoặc mức phát thải tham chiếu rừng (REL), (iii) hệ thống giám sát rừng Quốc gia (NFMS), và (iv) hệ thống thông tin đảm bảo an toàn (SIS).
4. Cố gắng liên hệ các yếu tố được liệt kê trong thời gian động não người tham gia với những yếu tố trong các thỏa thuận Cancun.
5. Thông báo cho những người tham gia rằng họ sẽ khám phá thêm về Chiến lược Quốc gia (NS) về REDD+ hoặc Kế hoạch hành động (AP).
6. Chia các tham dự viên thành các nhóm nhỏ. Dành thời gian để mỗi nhóm để đề cập các câu hỏi sau: (i) Các cấu phần quan trọng trong kế hoạch chiến lược hoặc hành động quốc gia về REDD+ là gì?, (ii) những hoạt động quan trọng cần phải được thực hiện trong mỗi cấu phần là gì? Và (iii) để đảm bảo sự thành công của các hoạt động cần có các chính sách, biện pháp gì (PAM). Kết quả của thảo luận có thể được trình bày trong một bảng trên giấy A0 gồm 3 cột: (i) Cấu phần, (ii) Hoạt động, và (iii) chính sách và các biện pháp.
7. Yêu cầu mỗi nhóm trưng bày kết quả thảo luận trên tường hoặc một bảng lật và yêu cầu các nhóm khác để đi xung quanh để xem trong khoảng 5-10 phút.
8. Hỏi người tham gia về những điểm tương đồng và sự khác biệt về kết quả thảo luận của mỗi nhóm và yêu cầu họ giải thích và làm rõ bất kỳ điểm nào cần thiết.
9. Bắt đầu thảo luận toàn thể về làm thế nào để xác định PAMs thích hợp với REDD+ và làm thế nào để giám sát tác động của chúng.
10. Ghi lại các kết quả của thảo luận trên một bảng lật và rút ra một số kết luận chung.
11. Phát tài liệu đọc cho người tham gia và dành cho họ 10-15 phút để đọc.
12. Hỏi tham dự viên xem họ có những câu hỏi nào, ghi lên bảng và cùng thảo luận để đề cập những câu hỏi đó.

NHỮNG ĐIỂM TẬP HUẤN VIÊN CẦN LƯU Ý:

Học phần này đòi hỏi tập huấn viên, hoặc một số người trong số tham dự viên phải có một số kiến thức kỹ thuật nhất định về NS/AP và PAM. Trong trường hợp này, tập huấn viên hoặc có thể đóng vai trò của một chuyên gia để giải thích về NS/AP và PAM, hoặc xác định một người nào đó trong số những người tham gia có thể giúp giải thích về các chủ đề này. Nếu không, nên mời sẵn một cán bộ nguồn với sự hiểu biết vững chắc về các chủ đề này cho việc đào tạo được hiệu quả.

Tùy theo đối tượng tham gia và thời gian cho phép, tập huấn viên bố trí thời gian cho các bước thực hiện cho phù hợp và học phần đạt được các mục tiêu đề ra.

TÀI LIỆU ĐỌC

NS/AP trong UNFCCC

NS/AP là một trong bốn yếu tố thiết kế đã đạt được sự nhất trí quốc tế như là những điều kiện tiên quyết để thực thi REDD+ và để tiếp cận các khoản chi trả dựa vào kết quả (RBP) (Quyết định1/CP.16, chương (a)), theo Quyết định 12/CP.17 và 11/CP.19). NS/AP REDD+ mô tả cách giảm phát thải và/hoặc phương pháp tăng cường, bảo tồn và/hoặc quản lý bền vững trữ lượng carbon rừng trong quá trình thực thi REDD+ (giai đoạn 2 & 3). NS/AP là các sản phẩm lồng ghép các quá trình trong giai đoạn chuẩn bị sẵn sàng (giai đoạn 1), dựa trên kết quả hoạt động phân tích, thảo luận của các bên liên quan và các quyết định chiến lược được thông qua để chuẩn bị thực thi REDD+ một cách hiệu quả và với hiệu suất cao (giai đoạn 2).



Hình 4.1 Các yếu tố thiết kế chuẩn bị sẵn sàng thực thi REDD+

Nguồn: Chương trình UN-REDD

Không có quy định chi tiết trong quyết định liên quan đến các nội dung thực tế của NS/AP và không có mẫu để làm theo. Trái với Mức tham chiếu rừng (phát thải) (FREL/FRL), không có yêu cầu về đánh giá kỹ thuật, hay bất kỳ sự xác nhận nào từ UNFCCC. Công ước khung Warsaw chỉ nhắc lại sự cần thiết của NS/AP đối với REDD+ và yêu cầu các quốc gia đăng tải liên kết NS/AP của mình lên Trung tâm thông tin của trang web nền của UNFCCC REDD+ để có thể tiếp nhận RBR (Quyết định11 /CP.19).

Tuy nhiên, khoản 72 của Quyết định1/CP.16 chỉ ra rằng khi xây dựng (giai đoạn 1) và thực thi (giai đoạn 2) NS/AP, các bên cần giải quyết các vấn đề sau:

- Các động lực gây mất rừng và suy thoái rừng;
- Các vấn đề về quyền hưởng dụng đất;
- Vấn đề quản trị rừng;
- Xem xét vấn đề giới;
- Các biện pháp đảm bảo an toàn Cancun REDD+;
- Đảm bảo sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan, bao gồm cả người dân bản địa và cộng đồng địa phương.

Ngoài ra, khoản 1 trong Phụ lục 1 của 11/CP.16 đưa ra hướng dẫn chung cần tuân thủ khi thực thi các hoạt động REDD+, và do đó cần phải được lưu ý khi xây dựng NS/AP:

Năm hoạt động REDD+ cần phải:

- Góp phần ổn định nồng độ khí nhà kính;
- Do quốc gia chủ trì;
- Nhất quán với mục tiêu toàn vẹn môi trường và có tính đến các chức năng đa tác dụng của rừng và các hệ sinh thái khác;
- Được thực thi phù hợp với các ưu tiên phát triển, mục tiêu và hoàn cảnh và khả năng của mỗi quốc gia và cần tôn trọng chủ quyền;
- Phù hợp với nhu cầu và các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia;
- Được thực thi trong bối cảnh phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo, đồng thời với việc ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Phù hợp với nhu cầu thích ứng của quốc gia;
- Được hỗ trợ tài chính và công nghệ đầy đủ và được tiên lượng trước, bao gồm hỗ trợ tăng cường năng lực;
- Dựa vào kết quả;
- Thúc đẩy quản lý rừng bền vững.

Quy trình lựa chọn đa chiều với PAM

Các lựa chọn chiến lược khác nhau đã đề cập trước đó (các hoạt động REDD+

ưu tiên, khu vực địa lý và động lực của mất rừng và suy thoái rừng) có thể tạo điều kiện cho quá trình xây dựng PAM tập trung và chiến lược. Hình 4.2 trình bày một danh sách không đầy đủ về các khía cạnh có tính đến trong quá trình ra quyết định đối với PAM.

Xây dựng lý thuyết về sự thay đổi có thể là bước đi hữu ích tiếp theo. Một lý thuyết về sự thay đổi là một kế hoạch hoặc giả thuyết về việc làm thế nào để một loạt các can thiệp sẽ đạt được mục đích và mục tiêu dài hạn dự kiến. Lý thuyết lý giải quá trình thay đổi dự kiến, trong đó nêu rõ các điều kiện tiên quyết cần thiết và các giả định về nhân quả. Trong trường hợp của REDD+, lý thuyết này bao gồm việc đánh giá phương pháp để các PAM khác nhau (đầu vào) dự kiến dẫn đến các kết quả carbon (tác động) và các mục tiêu tiềm năng khác. Sự thay đổi lý thuyết có thể giúp làm sáng tỏ mạng lưới can thiệp phức tạp cần thiết dẫn đến sự thay đổi, các giả định cơ bản và các rủi ro có liên quan. Hình thành lý thuyết về sự thay đổi, các đối tượng thi hành có thể đưa ra quyết định thông báo về chiến lược và chiến thuật, có thể được cải thiện và chỉnh lý theo thời gian thông qua công tác tham vấn và phân tích tiếp theo.

Từ nhiều PAM có thể có liên quan đến việc đạt được các mục tiêu REDD+, các nước sẽ phải lựa ưu tiên lựa chọn. Điều này có thể dựa vào các yếu tố, bao gồm:

- Giảm thiểu tiềm năng của các hoạt động REDD+ trong bối cảnh quốc gia họ;
- Năng lực (ở cấp quốc gia và địa phương) để thực thi PAM hiệu quả và hiệu suất;
- Khả năng của NFMS trong việc đo lường kết quả đầu ra của các gói tổng thể của PAM;
- Chi phí và lợi ích mong đợi của PAM cũng như những rủi ro tiềm năng;
- Bám sát các ưu tiên và kế hoạch phát triển quốc gia (và/hoặc địa phương);
- Khả năng chấp thuận/hỗ trợ về mặt chính trị cho các hoạt động cụ thể;
- Bản chất và phạm vi chính sách và kế hoạch lâm nghiệp hiện hành và các chính sách và biện pháp liên quan đến REDD+ hiện hành khác;
- Tiềm năng tài chính cho việc thực thi PAM (song phương/đa phương/quốc gia);
- Các biện pháp bảo đảm an toàn tiềm năng bắt đầu triển khai.



Hình 4.2 Các khía cạnh để xem xét trong quá trình ra quyết định về PAM

Nguồn: Chương trình UN-REDD

Chi phí mong đợi và đa lợi ích của các hoạt động tiềm năng của REDD+ và rủi ro liên quan đến các hoạt động này cần được đánh giá (cùng với công tác về các biện pháp bảo đảm an toàn). Điều này cần xem xét tiềm năng giảm thiểu cũng như các khía cạnh kinh tế-xã hội và môi trường. Cách thức để làm cho PAM phù hợp với khuôn khổ pháp lý, chính sách và các quy định, phát triển hiện hành cũng cần được xem xét và hiệp lực tìm kiếm bất cứ khi nào có thể, vì điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng chấp thuận về mặt chính trị cũng như cơ hội xúc tác đầu tư REDD+ từ các nguồn phi REDD+ (tức là ngân sách quốc gia, ODA, khu vực tư nhân). Khi các yêu cầu cho việc cải tiến đã được xác định, tính khả thi của việc thực thi vốn chính trị cần thiết cũng như khung thời gian của các quá trình như vậy cần được xem xét.

Mối liên quan của PAM không nhất thiết phải được đánh giá một cách riêng biệt, nhưng thay vì PAM được xem xét dưới dạng một gói các hoạt động rõ ràng của REDD+ đã sắp xếp trình tự theo thời gian, giải quyết cả các động lực cơ bản và gián tiếp. Cần xem xét tiềm năng hoặc những ảnh hưởng xúc tác và hiệp lực cần thiết giữa PAM được thực thi ở cấp quốc gia, khu vực với cấp địa phương (ví dụ những thay đổi về các quy định, chính sách hỗ trợ thực thi các hoạt động ở cấp địa phương).

Phần 6:

Hệ thống giám sát rừng quốc gia (NFMS) cho REDD+/Mức tham chiếu phát thải rừng (FREL/FRL)

Quá trình lựa chọn và ra quyết định có sự tham gia

Khi xác định phạm vi và quy mô của hoạt động REDD+ và các PAM liên quan, điều quan trọng là các nước phải xem xét sự cần thiết của quá trình ra quyết định có sự tham gia và công bằng gồm tất cả các bên liên quan, xã hội dân sự, chính phủ, cộng đồng địa phương và các nhóm thú yếu (ví dụ như người bản xứ, phụ nữ và thanh niên). Nếu không có sự tham gia đầy đủ, sẽ rất khó để xác định và ưu tiên và sau đó là thực thi hiệu quả, PAM của REDD+.

Thúc đẩy thu hút sự tham gia của các bên liên quan một cách bình đẳng giới và có ý nghĩa, bao gồm các nhóm thú yếu, có thể tạo điều kiện cho việc thiết kế, thực thi và giám sát các hoạt động của REDD+ một cách hiệu quả và hiệu suất và bền vững, đặc biệt là ở cấp địa phương. Nằm trong những lựa chọn về phương pháp luận có sự tham gia, xây dựng lý thuyết về sự thay đổi là một cách có thể tiếp cận để tạo ra tầm nhìn hiểu biết chung về các mục tiêu dài hạn, làm thế nào để đạt được các mục tiêu này và quy trình sẽ được đo đếm ra sao.

Các quốc gia sẽ cần hướng đến sự cân bằng giữa mức độ tham gia vào quá trình, hiệu suất và hiệu quả về chi phí của sự tham gia này, đồng thời cũng phải nghĩ đến những rủi ro của việc đặt hy vọng quá nhiều (ví dụ cuối cùng, một số khu vực có thể không được xem xét cho việc đầu tư REDD+). Do đó điều quan trọng là đảm bảo rằng các bên liên quan tham gia đúng thời điểm, ở mức độ thích hợp và thông qua các kênh thu hút sự tham gia thích hợp. Sự tham gia của cộng đồng địa phương và các nhóm thú yếu ở các địa bàn mục tiêu trong khi thiết kế các can thiệp REDD+ vùng sẽ là cần thiết. Điều này cần được hoàn thành bằng cách tạo thuận lợi cho sự tham gia tích cực và có ý nghĩa của tất cả người dân (không kể mức độ nhận thức ban đầu của họ về REDD+ như thế nào) trong các cuộc thảo luận và thủ tục pháp lý xung quanh vấn đề đó.

Sự tham gia của các bên liên quan trong khi ra quyết định chiến lược ở cấp quốc gia về các yếu tố không có liên quan trực tiếp đến các quyết định này có thể dẫn đến sự xáo trộn và những kỳ vọng phi hiện thực. Sau đó, sự tham gia này có thể có liên quan hơn đến sự tham gia bởi các nhóm xã hội dân sự đại diện có ý nghĩa cho lợi ích của họ. Không có công thức lý tưởng nào, thu hút sự tham gia của các bên liên quan là bài học cần thiết cần được thi hành một cách minh bạch, thực dụng và cơ cấu, theo bối cảnh quốc gia. Quan trọng không kém trong quá trình ra quyết định và thiết kế PAM là sự tham gia tích cực của các cơ quan chính phủ với nhiều nhiệm vụ trong nhiều lĩnh vực khác nhau cũng như các bên liên quan đó có liên quan trực tiếp đến các động lực của mất rừng và suy thoái rừng (ví dụ khu vực công-nông nghiệp tư nhân) hoặc những ai đóng vai trò như chất xúc tác cho việc huy động các nguồn lực tạo thuận lợi cho việc thực thi PAM.

Thời gian:

- 150 phút

Phương pháp:

- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình
- Đặt câu hỏi

Học liệu:

- Giấy A0
- Bút dạ
- Thẻ màu
- Bảng dính
- Bảng lật

Mục tiêu:

Cuối học phần này tham dự viên có thể:

- Hiểu được khái niệm hệ thống giám sát rừng quốc gia (NFMS);
- Mô tả các giám sát và chức năng MRV của NFMS;
- Hiểu được khái niệm về dữ liệu hoạt động và yếu tố phát thải;
- Hiểu được khái niệm mức tham chiếu phát thải rừng (FREL/REL);
- Hiểu được quá trình ra quyết định quá trình phát triển FRL;
- Giải thích lý do tại sao và làm thế nào để hoàn cảnh quốc gia có thể được xem xét trong việc xây dựng một FREL/FRL.

Các bước:

1. Kích hoạt học phần bằng cách yêu cầu một vài người tham gia cho biết Hệ thống giám sát Rừng Quốc gia là gì và liệt kê ý kiến của họ trên một bảng lật.
2. Yêu cầu học viên liên hệ Hệ thống giám sát rừng quốc gia họ vừa đề cập tới nói với REDD+.
3. Hỏi xem ai là quen thuộc với MRV. Nếu có, người đó nên đưa ra một ví dụ liên quan đến Hệ thống giám sát Rừng Quốc gia.

4. Chia người tham gia thành 2 hoặc 4 nhóm nhỏ tùy thuộc vào số lượng học viên và phân phát tài liệu đọc về hệ thống giám sát rừng quốc gia và mức tham chiếu phát thải rừng.
5. Yêu cầu một nửa số nhóm tập trung vào tài liệu về hệ thống giám sát rừng quốc gia, trong khi các nhóm còn lại tập trung vào mức tham chiếu phát thải rừng.
6. Dành cho họ khoảng 30 phút để đọc và chuẩn bị một bài trình bày phút 5-7 với những điểm chính mà họ đã rút ra được từ phần tài liệu đọc họ đã tập trung vào.
7. Yêu cầu mỗi nhóm đã tập trung vào NFMS chia sẻ kết quả.
8. Yêu cầu các nhóm khác nếu cho ý kiến xem có điểm trình bày nào không đúng, điểm nào còn thiếu cần phải bổ sung.
9. Tổng kết phần thảo luận này bằng cách nhắc lại các mục tiêu của NFMS và chức năng của NFMS, nhấn mạnh rằng NFMS là cần thiết cho các nước tham gia REDD+ và UNFCCC và IPCC đã phát triển một số hướng dẫn cho các nước thực hiện NFMS.
10. Bây giờ yêu cầu mỗi nhóm đã tập trung vào FREL/FRL chia sẻ kết quả.
11. Yêu cầu các nhóm khác nếu cho ý kiến xem có điểm trình bày nào không đúng, điểm nào còn thiếu cần phải bổ sung.
12. Tổng kết phần thảo luận này bằng cách nhấn mạnh rằng FREL và FRL là tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả của mỗi quốc gia trong việc thực hiện các hoạt động REDD+, việc đệ trình FREL/FRL là yếu tố duy nhất của REDD+ phải trải qua đánh giá kỹ thuật, và cách tiếp cận để xây dựng FREL/FRL phụ thuộc vào việc phân tích các nguyên nhân/động lực mất rừng và suy thoái rừng và hoàn cảnh của từng quốc gia.

NHỮNG ĐIỂM TẬP HUẤN VIÊN CẦN LƯU Ý:

Học phần này đòi hỏi tập huấn viên, hoặc một số người trong số tham dự viên phải có một số kiến thức kỹ thuật nhất định về NFMS và FREL/FRL. Trong trường hợp này, tập huấn viên hoặc có thể đóng vai trò của một chuyên gia để giải thích về NFMS và FREL/FRL, hoặc xác định một người nào đó trong số những người tham gia có thể giúp giải thích về các chủ đề này. Nếu không, nên mời sẵn một cán bộ nguồn với sự hiểu biết vững chắc về các chủ đề này cho việc đào tạo được hiệu quả.

Tùy theo đối tượng tham gia và thời gian cho phép, tập huấn viên bố trí thời gian cho các bước thực hiện cho phù hợp và học phần đạt được các mục tiêu đề ra.

TÀI LIỆU ĐỌC

Hệ thống giám sát rừng quốc gia là gì?

Trong bối cảnh REDD+, Hệ thống giám sát rừng quốc gia là hệ thống ghi chép và giám sát phương thức sử dụng đất đai trong một quốc gia và xây dựng cơ sở dữ liệu thể hiện các mức độ phát thải khí nhà kính (GHG) và sự loại bỏ liên quan đến rừng. Mục đích của Hệ thống giám sát rừng quốc gia là để đánh giá mức độ vận hành của các hoạt động REDD+. Hệ thống giám sát rừng quốc gia cho REDD+ cần được thực thi theo các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1: Thu thập dữ liệu ban đầu; xây dựng năng lực, thể chế và cơ sở hạ tầng;
- Giai đoạn 2: Thí điểm Hệ thống giám sát rừng quốc gia với các hoạt động trình diễn REDD+;
- Giai đoạn 3: Thực thi đầy đủ Hệ thống giám sát rừng quốc gia với các chính sách và biện pháp của REDD+

Bằng cách kết hợp thông tin về các hình thức sử dụng đất thay đổi như thế nào, thông qua, ví dụ như mất rừng và trồng rừng mới, với các thông tin từ kiểm kê rừng quốc gia, có thể dự báo về lượng phát thải khí nhà kính tổng thể liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp.

Một số yếu tố khác nhau của Hệ thống giám sát rừng quốc gia được tóm tắt trong Hình 6.1



Hình 6.1: Các yếu tố của Hệ thống giám sát rừng quốc gia

Nguồn: Chương trình UN-REDD

Mỗi Hệ thống giám sát rừng quốc gia có hai chức năng,

1. Chức năng giám sát
2. Chức năng đo đếm, báo cáo và kiểm chứng (MRV).

Các chức năng MRV được cụ thể hóa cho REDD+, trong khi chức năng giám sát là quan trọng đối với REDD+, nhưng cũng liên quan đến các mục đích ngoài REDD+ trong lĩnh vực lâm nghiệp.

Có hai khía cạnh của các biện pháp đo đếm theo chức năng MRV của một Hệ thống giám sát rừng quốc gia đối với REDD+:

1. Thông tin về những thay đổi về quy mô, chất lượng, loại đất lâm nghiệp, thường được đo đếm thông qua công nghệ viễn thám từ vệ tinh, được gọi là Dữ liệu hoạt động (AD). Vì mục đích của REDD+, AD phải minh bạch và được cung cấp miễn phí.

2. Thông tin về trữ lượng carbon rừng, thường được đo đếm thông qua Kiểm kê rừng quốc gia (NFI) tại thực địa (NFI), được sử dụng để chỉ ra các Yếu tố phát thải (EF). Mỗi yếu tố phát thải là một hệ số chỉ thị sự phát thải khí nhà kính từ kết quả của một đơn vị thay đổi của một loại rừng cụ thể hoặc một loài cây được sử dụng để trồng rừng (ví dụ như 1 ha rừng bị mất).

Phát thải của toàn bộ các loại khí nhà kính là quan trọng, nhưng hầu hết lượng khí thải đến từ lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF) là Carbon Dioxide (CO₂) vì vậy EF được đo bằng tấn CO₂ tương đương (t CO_{2e}).

Rừng và các hệ sinh thái trên cạn khác cô lập carbon trong sinh khối và đất. Mức độ mà một loại rừng cụ thể có thể cô lập carbon được biết đến như là một Yếu tố loại bỏ (RF).

Sự kết hợp AD và EF (và cả RF) có thể được sử dụng để xây dựng một dự báo quốc gia về phát thải khí nhà kính trong một giai đoạn thời gian cụ thể. Dự báo này là một phần của Kiểm kê khí nhà kính quốc gia (GHG-I).

Tại sao cần thiết phải có một hệ thống giám sát rừng quốc gia?

Mỗi Hệ thống giám sát rừng quốc gia là một trong bốn yếu tố mà các nước cần phải xây dựng để tham gia REDD+ trong khuôn khổ UNFCCC (xem **Học phần 2: Hiểu biết về REDD+ và UNFCCC**). Quá trình hoàn thiện hướng dẫn về Hệ thống giám sát rừng quốc gia trong khuôn khổ UNFCCC được trình bày dưới đây với Kế hoạch hành động Bali và Quyết định do Hội nghị các bên Warsaw, Cancun, Copenhagen.

COP 13: BALI (2007)

Quyết định 1/CP.13: Kế hoạch hành động Bali

Khoản 1(b):

“Tăng cường hoạt động quốc gia/quốc tế về giảm thiểu biến đổi khí hậu, bao gồm xem xét về:

...hành động giảm thiểu phù hợp quốc gia thông qua việc hình thành các bên quốc gia trong bối cảnh phát triển bền vững, được hỗ trợ và tạo điều kiện bởi các hoạt động tăng cường năng lực, tài chính và công nghệ theo cách làm có thể xác minh, báo cáo và đo đếm.

Thuật ngữ “MRV” xuất phát từ điều khoản này đề cập đến việc giảm thiểu các hành động nói chung, không chỉ riêng REDD+. Kế hoạch hành động Bali khuyến khích tất cả các nước giảm lượng phát thải nhà kính của mình, tùy vào hoàn cảnh quốc gia, theo cách như sau:

1. **Có thể đo đếm** – nghĩa là quốc gia có thể tính toán khối lượng giảm phát thải khí nhà kính và tăng cường hấp thụ carbon.

2. **Có thể báo cáo** – nghĩa là quốc gia có thể chuẩn bị một GHG-I minh bạch, chính xác và đầy đủ.

3. **Có thể xác minh** – nghĩa là bên thứ ba có thể tiếp cận toàn bộ thông tin cần thiết để xác minh GHG-I:

Quyết định 2/CP.13 Giảm phát thải từ mất rừng tại các nước đang phát triển: các cách tiếp cận để thúc đẩy hoạt động.

Khoản 2:

“Khuyến khích tất cả các bên, ở địa vị có thể làm được như vậy, hỗ trợ tăng cường năng lực, cung cấp trợ giúp kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ để cải thiện thu thập dữ liệu, ước tính phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng, theo dõi và báo cáo và giải quyết các nhu cầu thể chế của các nước đang phát triển để ước tính và giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng”.

Khoản này khẳng định những nỗ lực để cung cấp cho các quốc gia đang phát triển sự hỗ trợ thể chế và kỹ thuật để xây dựng Hệ thống giám sát rừng quốc gia cho REDD+.

Khoản 6:

“Khuyến khích việc sử dụng các hướng dẫn báo cáo gần đây nhất [IPCC] là cơ sở báo cáo phát thải khí nhà kính từ mất rừng, lưu ý rằng Các bên không có trong Phụ lục I của Công ước được khuyến khích áp dụng Hướng dẫn thực thành tốt đối với việc sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp [2003].

Khoản này chỉ ra nguồn thông tin đề xuất để ước tính phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực LULUCF, bao gồm cả REDD+.

Phụ lục, khoản 2:

“Ước tính lượng giảm hoặc tăng phát thải cần phải dựa vào kết quả, có thể trình diễn, minh bạch và có thể xác minh được và được ước tính một cách nhất quán theo thời gian”.

Khoản này chỉ ra dấu hiệu rõ ràng về các thuộc tính mà một Hệ thống giám sát rừng quốc gia cho REDD+ cần phải có.

COP 15: Copenhagen (2009)

Quyết định số 4/CP.15: Hướng dẫn phương pháp luận cho các hoạt động liên quan đến giảm lượng phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng và vai trò của bảo tồn, quản lý rừng bền vững và nâng cao trữ lượng carbon rừng ở các nước đang phát triển.

Khoản 1:

“Yêu cầu các bên là các nước đang phát triển, trên cơ sở các hoạt động được thực hiện theo các vấn đề phương pháp luận... đặc biệt là những gì liên quan tới đo đếm và báo cáo:

... Sử dụng các hướng dẫn gần đây nhất và tài liệu hướng dẫn của IPCC, như đã được COP thông qua và khuyến khích, khi thích hợp, làm cơ sở để ước tính phát thải khí nhà kính liên quan đến rừng do con người gây ra từ các nguồn và sự loại bỏ bởi các bể chứa, trữ lượng carbon rừng và những thay đổi về diện tích rừng.

Để thiết lập, tùy theo hoàn cảnh và năng lực của quốc gia, Hệ thống giám sát rừng quốc gia mạnh mẽ và minh bạch và, khi có điều kiện thích hợp, các hệ thống vùng như là một phần của các hệ thống giám sát quốc gia, cho phép:

I. Sử dụng kết hợp các cách tiếp cận thống kê carbon rừng bằng kỹ thuật viễn thám và tại thực địa để ước tính, khi có điều kiện thích hợp, phát thải khí nhà kính liên quan đến rừng do con người gây ra từ các nguồn và những sự loại bỏ bởi các bể chứa, trữ lượng carbon rừng và những thay đổi diện tích rừng.

II. Cung cấp những ước tính minh bạch, nhất quán, chính xác ở mức có thể và làm giảm thiểu những điều không chắc chắn, có tính đến khả năng và năng lực quốc gia.

III. Minh bạch và các kết quả phải được chuẩn bị sẵn sàng và phù hợp cho việc xem xét, đánh giá như đã được Hội nghị các Bên thỏa thuận”.

Điều khoản này được xây dựng dựa trên khoản 6 của quyết định 2/CP.13 tại Bali, bằng việc đưa ra hướng dẫn rõ ràng hơn về nguồn của hướng dẫn và các phương pháp luận khuyến nghị cho Hệ thống giám sát rừng quốc gia cho REDD+.

COP 16: Cancun (2010)

Quyết định 1/CP.16: Các thỏa thuận Cancun:

Phần III, Mục C: Các cách tiếp cận chính sách và các khuyến khích tích cực về các vấn đề liên quan đến giảm lượng khí thải từ mất rừng và suy thoái rừng tại các nước đang phát triển; và vai trò của bảo tồn, quản lý rừng bền vững và nâng cao trữ lượng carbon rừng ở các nước đang phát triển.

Khoản 71:

“Yêu cầu các bên là các nước đang phát triển đặt mục tiêu thực thi các hoạt động [REDD+] thiết lập:

... Một Hệ thống giám sát rừng quốc gia mạnh mẽ và minh bạch để giám sát và báo cáo các hoạt động REDD+, trong đó, trong điều kiện thích hợp, giám sát và báo cáo vùng sẽ là một biện pháp chuyển tiếp, phù hợp với hoàn cảnh quốc gia và với các quy định tại quyết định 4/CP.15 và tiếp tục hoàn thiện các quy định này đã được Hội nghị các Bên thỏa thuận”.

Điều khoản này quy định một Hệ thống giám sát rừng quốc gia như là một trong bốn yếu tố của REDD+.

Khoản 73:

“Quyết định rằng các hoạt động được thực thi bởi các bên đã nêu tại khoản 70 ở trên cần được thực thi theo các giai đoạn, bắt đầu với sự xây dựng các chiến lược quốc gia, hoặc các kế hoạch hành động, cũng như chính sách và các biện pháp và xây tăng cường năng lực, sau đó là việc thực thi các chính sách quốc gia và các biện pháp và chiến lược quốc gia hoặc kế hoạch hành động có thể bao gồm cả việc tiếp tục tăng cường năng lực, phát triển công nghệ và chuyển giao, các hoạt động trình diễn dựa trên kết quả và phát triển dần thành các hoạt động dựa vào kết quả cần được đo đếm, báo cáo và xác minh một cách đầy đủ”

Khoản này mô tả REDD+, bao gồm cả Hệ thống giám sát rừng quốc gia, cần được xây dựng như thế nào thông qua phương pháp tiếp cận theo giai đoạn.

COP 19: Warsaw (2013)

Quyết định 11/CP.19: Các quy định về Hệ thống giám sát rừng quốc gia

Khoản 2:

“Quyết định rằng việc xây dựng Hệ thống giám sát rừng quốc gia của các bên... cần lưu ý đến hướng dẫn tại quyết định 4/CP.15 và được hướng dẫn bởi các văn bản gần đây nhất của IPCC, đã được thông qua hoặc khuyến khích bởi COP..., làm cơ sở để ước tính phát thải khí nhà kính do con người gây ra từ các nguồn và sự loại bỏ bởi các bể chứa, trữ lượng carbon rừng và những thay đổi về diện tích rừng”.

Khoản này tổng hợp hướng dẫn tại khoản 6 của 2/CP.13 và khoản 1 của 4/CP.15 thành một quyết định.

Khoản 3:

“Cũng ra quyết định rằng các Hệ thống giám sát rừng quốc gia mạnh mẽ cần cung cấp dữ liệu và thông tin minh bạch, nhất quán theo thời gian và thích hợp cho việc đo đếm, báo cáo và kiểm tra phát thải khí nhà kính do con người gây ra từ nhiều nguồn và việc loại bỏ bởi các bể chứa, trữ lượng carbon rừng và lưu trữ carbon rừng và những thay đổi về diện tích rừng xuất phát từ việc thực thi các hoạt động [REDD+]... có tính đến khoản 71 (b) và (c) phù hợp với hướng dẫn về đo đếm, báo cáo và xác minh các hoạt động giảm thiểu phù hợp của quốc gia do các bên quốc gia thực hiện và đã được COP thỏa thuận, có lưu ý đến hướng dẫn phương pháp luận phù hợp với quyết định 4/CP.15.

Khoản này chính thức hóa hướng dẫn 4/CP.15 và 1/CP.16 vào các quyết định và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân thủ hướng dẫn về MRV được quy định tại 1/CP.13 có liên quan đến Hoạt động giảm thiểu phù hợp của quốc gia (NAMA).

Khoản 4:

“Quyết định thêm rằng các Hệ thống giám sát rừng quốc gia... cần:

Xây dựng trên hệ thống hiện có, trong điều kiện thích hợp;

- *Cho phép đánh giá các loại rừng khác nhau trên toàn quốc, bao gồm rừng tự nhiên, như Các bên đã xác định;*
- *Linh hoạt và cho phép cải tiến;*
- *Phản ánh, khi có điều kiện thích hợp, các phương pháp tiếp cận theo giai đoạn như đã đề cập tại quyết định 1/CP.16, các khoản 73 và 74”.*

Khoản này nhấn mạnh rằng Hệ thống giám sát rừng quốc gia cho REDD+ không có công thức cố định, sẽ được xây dựng tuân theo hoàn cảnh quốc gia và sẽ không bắt đầu từ con số không, đối với hầu hết các nước.

Quyết định 14 /CP.19: Thể thức đo đếm, báo cáo và xác minh

Khoản 3:

“Quyết định rằng dữ liệu và thông tin được sử dụng bởi các Bên trong việc ước tính lượng phát thải liên quan đến rừng do con người tạo ra từ các nguồn và loại bỏ bởi các bể chứa, trữ lượng carbon rừng và hấp thụ carbon rừng và những thay đổi về diện tích rừng... cần minh bạch và nhất quán theo thời gian và với các mức phát thải rừng tham chiếu được thiết lập và/hoặc các mức tham chiếu rừng...”

Khoản này mô tả chất lượng số liệu cần được sử dụng trong MRV cho REDD+

Khoản 4:

“Thỏa thuận rằng... kết quả của việc thực thi... các hoạt động [REDD+], được đo đếm so với các mức phát thải tham chiếu rừng và/hoặc các mức tham chiếu rừng phải được thể hiện bằng tCO₂e/năm”.

Khoản này mô tả các đơn vị đo đếm kết quả của REDD+.

Khoản 5:

“Khuyến khích các Bên cải thiện số liệu và các phương pháp luận sử dụng theo thời gian, trong khi duy trì tính nhất quán bằng mức tham chiếu rừng và/hoặc các mức tham chiếu rừng đã được thiết lập, được cập nhật, khi có điều kiện thích hợp...”

Khoản này cho thấy có nhiều quốc gia (các Bên) không kỳ vọng có được các tập hợp dữ liệu và các phương pháp tiên tiến để bắt đầu các hoạt động, nhưng điều này không nên cản trở họ khởi động các nỗ lực sơ khai để xây dựng một Hệ thống giám sát rừng quốc gia cho REDD.

Khoản 6:

“Quyết định rằng ... thông tin và dữ liệu được đề cập tại khoản 3 trên đây [các dữ liệu cho REDD+] cần được cung cấp thông qua các báo cáo cập nhật hai năm một lần bởi các bên...”

Khoản này mô tả các phương tiện thông qua đó các quốc gia cần báo cáo kết quả REDD+.

Khoản 7:

“Yêu cầu các Bên là quốc gia đang phát triển tìm kiếm và tiếp nhận được các khoản chi trả cho các hoạt động dựa vào kết quả, khi đệ trình dữ liệu và thông tin nêu tại khoản 3 ở trên, thông qua báo cáo cập nhật hai năm một lần, để cung cấp một phụ lục kỹ thuật...”

Khoản này chỉ ra rằng khi các nước thông báo về kết quả REDD+ của mình, trong phụ lục kỹ thuật, họ cần mô tả việc đã tiến hành các biện pháp đo đếm như thế nào. Như với REDD+ nói chung, tuy nhiên, điều này được làm trên cơ sở tự nguyện, vì vậy nếu quốc gia không cố gắng tìm kiếm được các khoản chi trả REDD+, sẽ không cần phải đệ trình phụ lục kỹ thuật.

Khoản 10:

“Cũng quyết định rằng, theo yêu cầu của Bên quốc gia là nước đang phát triển tìm kiếm và tiếp nhận được các khoản chi trả cho các hoạt động dựa trên kết quả, hai chuyên gia LULUCF đến từ sự phân công chuyên gia của UNFCCC, một trong họ đến từ quốc gia là nước đang phát triển và người còn lại đến bên quốc gia là nước phát triển, sẽ nằm trong số các thành viên được lựa chọn cho nhóm chuyên gia kỹ thuật”.

Khoản này mô tả cách thức tiến hành xác minh các kết quả của REDD+.

Phụ lục: Hướng dẫn về các yếu tố cần được đưa vào phụ lục kỹ được đề cập tại khoản 7:

Phụ lục này liệt kê những yếu tố mà một quốc gia cần đưa vào báo cáo về kết quả REDD+:

1. Tóm tắt thông tin từ báo cáo cuối cùng trong đó có từng FREL/FRL tương ứng đã được đánh giá;
2. Kết quả được thể hiện bằng tCO₂e/năm, phù hợp với FREL/FRL đã được đánh giá;
3. Trình diễn các phương pháp luận phù hợp với các phương pháp đã được sử dụng để thiết lập FREL/FRL đã được đánh giá;
4. Một mô tả Hệ thống giám sát rừng quốc gia và vai trò thể chế và trách nhiệm đối với đo đếm, báo cáo và xác minh kết quả;
5. Thông tin cần thiết cho phép tái tạo các kết quả;
6. Mô tả về các yếu tố thể hiện trong Quyết định số 4/CP.15, khoản 1 (c) và (d), đã được tính xem xét như thế nào.

Trang tiếp theo là Bảng tóm tắt các quyết định của COP liên quan đến Hệ thống giám sát rừng quốc gia:

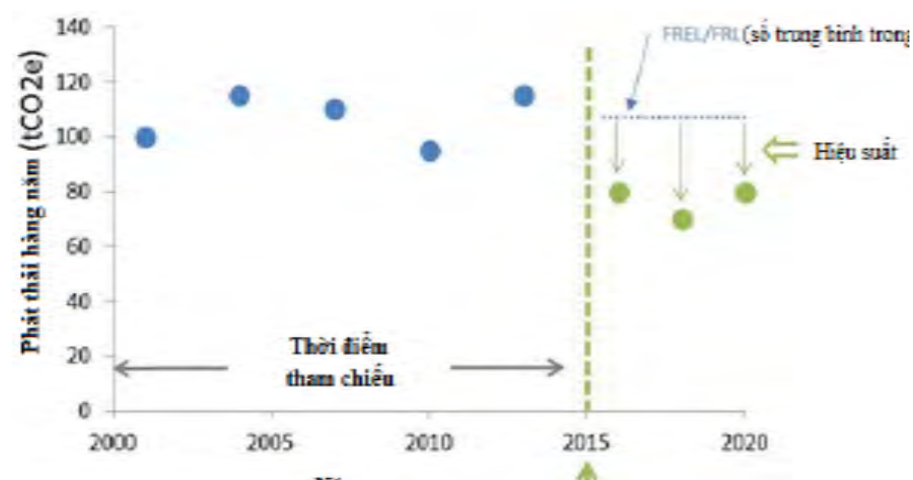
Thỏa thuận	Tóm tắt
<i>UNFCCC: Văn kiện Công ước (1992), Điều 4: Các cam kết:</i>	Các Bên sẽ công bố và cung cấp thông tin về kiểm kê quốc gia từ các nguồn do con người tạo ra và sự loại bỏ bởi các bể chứa, sử dụng các phương pháp tương tự.
<i>Kế hoạch hành động Bali (2007)</i>	Tất cả các bên đều được khuyến khích giảm phát thải khí nhà kính của mình theo những cách có thể đo đếm, báo cáo và xác minh. Tăng cường năng lực cần được hỗ trợ và khuyến khích báo cáo với việc sử dụng các hướng dẫn mới nhất của IPCC.
<i>Copenhagen (2009)</i>	Phát thải từ rừng cần được giảm theo các văn bản hướng dẫn mới nhất của IPCC và Hệ thống giám sát rừng quốc gia cần được thiết lập phù hợp với việc sử dụng nhất quán các phương pháp luận.
<i>Cancun (2010)</i>	Hệ thống giám sát rừng quốc gia là một trong bốn yếu tố chính của REDD+ và hệ thống này cần được xây dựng theo cách tiếp cận từng giai đoạn.
<i>Warsaw (2013)</i>	Chính thức hóa hướng dẫn trước đó vào các quyết định, mô tả chất lượng của các Hệ thống giám sát rừng quốc gia cần thiết cho việc đo đếm các kết quả của REDD+ và các phương pháp báo cáo và xác minh.

FREL/FRL là gì?

Mức phát thải tham chiếu rừng và Mức tham chiếu rừng (FREL/FRL) là tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thành của mỗi quốc gia trong việc thực thi các hoạt động REDD+. Trong quyết định của mình, UNFCCC đề cập đến Mức phát thải tham chiếu rừng và Mức tham chiếu rừng và mặc dù sự khác biệt giữa hai khái niệm này vẫn chưa được làm rõ, UNREDD đã đưa ra sự giải thích như sau:

- Mức tham chiếu phát thải rừng (FREL) bao gồm các hoạt động chỉ làm giảm phát thải. Như vậy phạm vi của FREL sẽ là, ví dụ, làm giảm phát thải từ mất rừng và/hoặc suy thoái rừng.
- Mức tham chiếu rừng (FRL) bao gồm các hoạt động làm giảm phát thải và cả các hoạt động làm tăng loại bỏ. Do đó phạm vi của FRL có thể bao gồm các hoạt động tương tự như một FREL cộng với các hoạt động khác, ví dụ như nâng cao trữ lượng carbon rừng.

Hình 6.2 đưa ra một ví dụ đồ họa về FREL/FRL có thể thực thi, khi một quốc gia sử dụng số trung bình phát thải trong lịch sử đơn thuần làm FREL/FRL của quốc gia đó.

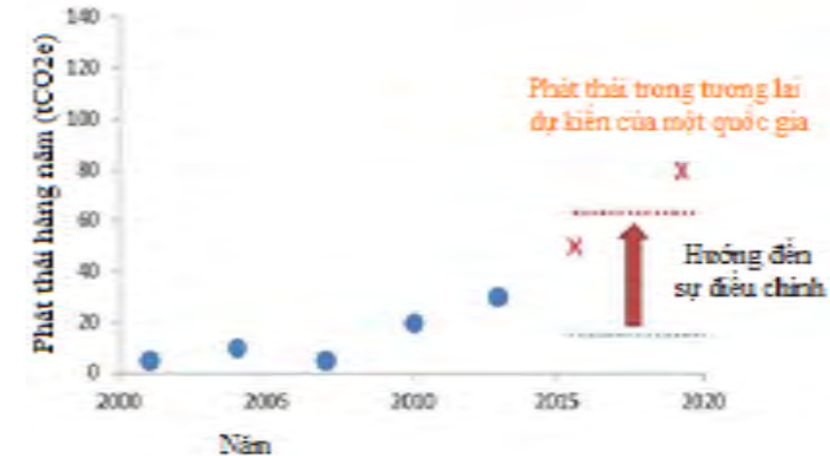


Hình 6.2: Ví dụ về mức tham chiếu rừng khi chỉ sử dụng dữ liệu lịch sử

Nguồn: Chương trình UN-REDD

Khi xây dựng FREL/FRL, các quốc gia phải cân nhắc kỹ mình dự kiến loại phát thải/loại bỏ gì từ các hoạt động liên quan đến rừng, nếu như không có bất kỳ hành động REDD+ nào được thực hiện. Trong ví dụ nêu ở trên, khi không trong điều kiện không có xu hướng rõ ràng về phát thải trong lịch sử, số liệu trung bình trong quá khứ có thể cung cấp một công cụ tốt để dự báo phát thải trong tương lai trong trường hợp không thực thi REDD+, hoặc để lượng phát thải “tăng giảm một cách tự nhiên”. Tuy nhiên, trong quá khứ, tại một số nước,

có thể có tình trạng dự báo về tương lai không tốt, có thể lấy ví dụ như thực tế tại một số quốc gia nơi mà tỷ lệ tàn che rừng cao và tốc độ mất rừng thấp (Quốc gia HFLD). Một quốc gia có thể đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh quốc gia mình (như minh họa trong Hình 6.2), miễn là thông tin biến minh cho sự điều chỉnh này phải minh bạch, chính xác, phù hợp và đầy đủ (tức là thông tin cho phép xây dựng lại FREL/FRL). Hình dưới đây là một ví dụ về mức tham chiếu rừng bao gồm cả sự điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh quốc gia.



Hình 6.3: Ví dụ về mức tham chiếu rừng bao gồm cả sự điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh quốc gia

Nguồn: Chương trình UN-REDD

Tại sao phải xây dựng FREL/FRL?

Có nhiều lý do cho việc xây dựng FREL/FRL:

- Các nước có thể mong muốn thể hiện sự đóng góp của họ thông qua các hành động REDD+ trong khuôn khổ UNFCCC;
- Các nước có thể mong muốn đánh giá sự tiến triển của các chính sách nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu trong lĩnh vực lâm nghiệp vì những lý do nội tại trong nước;
- Các nước có thể mong muốn tiếp cận chi trả dựa trên kết quả (RBP). Theo quyết định của UNFCCC, điều kiện để được nhận chi trả dựa vào kết quả đòi hỏi phải có mức tham chiếu rừng (FRL) đã được đánh giá.

Kết quả thực thi REDD+ được đo đếm có đối chiếu với FREL/FRL và trong bối cảnh chi trả dựa trên kết quả (RBP) và phải được báo cáo trong một phụ lục kỹ thuật được cập nhật hai năm một lần (BUR) (Quyết định 14/CP.19). Chi trả dựa trên kết quả (RBP) trong khuôn khổ UNFCCC có thể đến từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm Quỹ Khí hậu Xanh và các thực thể tài chính chính thức của UNFCCC. Quỹ Khí hậu xanh vẫn chưa thực hiện bất cứ chi trả nào, nhưng hy vọng sẽ bắt đầu tiếp nhận được các đề xuất vào năm 2015, mặc dù các điều kiện để có nguồn tài chính cho chi trả dựa vào kết quả (RBF) vẫn chưa được làm rõ.

Hiện nay, có một số sáng kiến đang thực hiện chi trả dựa vào kết quả (RBP) cho các hoạt động xác minh (tức là thử nghiệm thí điểm RBP), như Quỹ carbon cho Đối tác carbon rừng. Các mức tham chiếu được đề xuất cho Quỹ carbon là ý tưởng về một chương trình giảm phát thải (ERPIN) và sau đó được tiếp tục phát triển như là các mức tham chiếu tác nghiệp sẽ được sử dụng trong Thỏa thuận chi trả giảm phát thải (ERPA). Quỹ carbon FCPF cung cấp các hướng dẫn cho các chương trình ER và, hơn thế nữa, cung cấp thêm thông tin chi tiết về các yêu cầu để được tham gia vào giao dịch tài chính dựa trên kết quả khi sử dụng Quỹ này. Tổng quan về các cách tiếp cận FREL/FRL mới được các quốc gia đề xuất được cung cấp trong ấn phẩm của UNREDD “Các cách tiếp cận FREL/FRL đang nổi lên cho REDD+”.

Các quyết định có liên quan đến FREL/FRL

Quyết định 4/CP.15

FREL/FRL cần được thiết lập một cách minh bạch, có tính đến dữ liệu lịch sử và được điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh quốc gia

Quyết định 1/CP.16

Thỏa thuận Cancun: Thành quả làm việc của Nhóm công tác đặc nhiệm về hoạt động hợp tác dài hạn theo Công ước. Các hoạt động REDD+ được xác định và FREL/FRL được đề cập như là 1 trong 4 yếu tố cần phải được xây dựng cho REDD+.

Quyết định 12/CP.17

Các mô thức FREL/FRL và hướng dẫn đệ trình thông tin về FREL/FRL

Quyết định 11/CP.19

Các mô thức áp dụng cho hệ thống giám sát rừng quốc gia

Quyết định 14/CP.19

Cách thức tiến hành đo đếm, báo cáo và xác minh (MRV)

Quyết định 13/CP.19

Các hướng dẫn và quy trình đánh giá kỹ thuật các báo cáo do các bên đệ trình về mức phát thải tham chiếu rừng và mức tham chiếu rừng FREL/FRL

Nguồn tài liệu bổ sung

Các trang web giúp bạn khởi động nghiên cứu và học hỏi về REDD+:

http://unfccc.int/land_use_and_climate_change/redd_web_platform/items/6733.php.

Nền tảng trang web REDD của UNFCCC: Mức phát thải tham chiếu rừng và

Mức tham chiếu rừng. Nền tảng này cung cấp một cái nhìn tổng quan về thông tin do các thực thể khác nhau cung cấp về quá trình thiết lập FREL/FRL.

<https://www.forestcarbonpartnership.org/carbon-fund-methodological-framework>.

Quỹ carbon thuộc Quỹ đối tác carbon rừng của Ngân hàng Thế giới cung cấp hướng dẫn cho việc thiết lập Mức tham chiếu rừng phù hợp với UNFCCC, nhưng sẽ chỉ tập trung hạn chế vào một số vấn đề. Quỹ này bao gồm một tập hợp 37 tiêu chí và các chỉ số liên quan (C&I), kết hợp với 5 khía cạnh chính của Chương trình Giảm phát thải: mức độ tham vọng, tính toán carbon, biện pháp đảm bảo an toàn, thiết kế và thực thi chương trình bền vững và Chương trình giao dịch ER.

Chương 3

QUẢN TRỊ REDD+

Phần 7:

Các biện pháp đảm bảo an toàn REDD+ và Hệ thống thông tin các biện pháp đảm bảo an toàn (SIS)

Thời gian:

- 150 phút

Phương pháp:

- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình
- Đặt câu hỏi

Học liệu:

- Giấy A0
- Bút dạ
- Thẻ màu
- Băng dính
- Bảng lật

Mục tiêu:

Cuối học phần này tham dự viên có thể:

- Hiểu được các biện pháp đảm bảo an toàn là gì và vai trò của chúng trong REDD+
- Nắm được những yêu cầu của UNFCCC
- Giải thích được đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ ý (FPIC) trong bối cảnh REDD+ là gì
- Mô tả làm thế nào để phát triển một phương pháp tiếp cận quốc gia trong xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn.

Các bước:

1. Bắt đầu học phần bằng cách phân tích các lợi ích và rủi ro chính REDD+ có thể mang lại bằng cách:
 - a. Chia tham dự viên thành hai nhóm ngẫu nhiên. Yêu cầu một nhóm thảo luận về lợi ích có thể có nếu thực hiện được REDD+, nhóm còn lại thảo luận về rủi ro có thể gặp phải.
 - b. Yêu cầu các nhóm dán sản phẩm lên tường để các nhóm khác thăm quan và bắt đầu thảo luận chung về lợi ích và rủi ro khi thực hiện REDD+ dựa trên kết quả của từng nhóm và đóng góp ý kiến của các nhóm khác.
 - c. Tổng kết phần này bằng cách nhấn mạnh rằng REDD+ tiềm chứa cả lợi ích và rủi ro nên cần lựa chọn cách quản lý phù hợp, bao gồm các biện pháp đảm bảo an toàn để có thể thực hiện REDD+.

2. Trao đổi với tham dự viên về biện pháp an toàn là gì bằng cách đưa ra ví dụ về đảm bảo an toàn trong tham gia giao thông, sau đó đưa ra định nghĩa về biện pháp đảm bảo an toàn. Biện pháp đảm bảo an toàn là những cam kết và hành động nhằm phòng tránh rủi ro để thực hiện thành công một vấn đề nào đó. Đưa ra kết luận để thực hiện tốt sáng kiến REDD+ cũng cần phải có biện pháp đảm bảo an toàn.
3. Giới thiệu các nguyên tắc của biện pháp đảm bảo an toàn trong REDD+ trên giấy A0 đã được chuẩn bị sẵn và giải thích về các biện pháp đảm bảo an toàn này để tham dự viên hiểu rõ.
4. Giải thích rằng tiếp theo chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về FPIC như một phần quan trọng của biện pháp đảm bảo an toàn bằng cách:
 - a. Dán lên tường lớp học ít nhất là 3 định nghĩa khác nhau về FPIC và yêu cầu từng tham dự viên đọc và chọn định nghĩa mà họ thấy ưng ý nhất FPIC dựa trên nguyên tắc tự quyết định: (1) FPIC là quyền tập thể của người dân bản địa và cộng đồng địa phương trong các thương thuyết về những chính sách, chương trình và dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế và sự thịnh vượng của họ, (2) FPIC là một hình thức ra quyết định giúp cho cộng đồng nói “có” hoặc “không” với một dự án hoặc đề xuất can thiệp nào đó. FPIC là sự đồng thuận tự nguyện của những người mà trước khi ra quyết định đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các kết quả dự kiến và, và tuân thủ theo quá trình ra quyết định của chính họ.
 - b. Sau khi tất cả các tham dự viên đã chọn định nghĩa họ ưng ý nhất, yêu cầu những tham dự viên chọn cùng một định nghĩa giải thích cho nhau vì sao họ đồng ý với định nghĩa đó, và cả nhóm tổng hợp các lý do để chia sẻ cùng nhóm khác.
 - c. Kết thúc phần này bằng cách đưa ra định nghĩa về FPIC.
5. Tiếp theo, hỏi tham dự viên rằng làm thế nào để xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn phù hợp cho quốc gia. Ghi lại ý kiến lên bảng và tổng hợp lại.
6. Phát tài liệu đọc và dành thời gian để các đại biểu xem.
7. Trả lời các câu hỏi của tham dự viên và kết thúc toàn bộ học phần.

NHỮNG ĐIỂM TẬP HUẤN VIÊN CẦN LƯU Ý:

Học phần này đòi hỏi tập huấn viên, hoặc một số người trong số tham dự viên phải có một số kiến thức kỹ thuật nhất định về các chủ đề: (i) Các biện pháp đảm bảo an toàn là gì và vai trò của chúng trong REDD+, (ii) Những yêu cầu của UNFCCC, (iii) Đồng thuận dựa trên nguyên

tác tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ ý (FPIC) trong bối cảnh REDD+, (iv) Phương pháp tiếp cận quốc gia trong xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn. Trong trường hợp này, tập huấn viên hoặc có thể đóng vai trò của một chuyên gia để giải thích về các chủ đề đó, hoặc xác định một người nào đó trong số những người tham gia có thể giúp giải thích về các chủ đề này. Nếu không, nên mời sẵn một vài cán bộ nguồn với sự hiểu biết vững chắc về các chủ đề này cho việc đào tạo được hiệu quả.

Tùy theo đối tượng tham gia và thời gian cho phép, tập huấn viên bố trí thời gian cho các bước thực hiện cho phù hợp và học phần đạt được các mục tiêu đề ra.

TÀI LIỆU ĐỌC

Các biện pháp đảm bảo an toàn trong REDD+:

“Các biện pháp đảm bảo an toàn” thường đề cập đến quá trình, hoặc chính sách được thiết kế để giảm thiểu rủi ro. Bảy biện pháp đảm bảo an toàn gắn với REDD+, như đã được thỏa thuận trong khuôn khổ UNFCCC, là những nguyên tắc đầy khát vọng rộng lớn có thể giúp đảm bảo rằng các hoạt động REDD+ “không gây hại” cho con người hay môi trường, cũng như “làm tốt” và nâng cao lợi ích xã hội và môi trường.

Lợi ích và rủi ro của việc thực thi REDD+

Ngoài việc giảm phát thải khí nhà kính, thực thi REDD+ chẳng những có tiềm năng mang lại lợi ích xã hội và môi trường quan trọng (còn được gọi là “đồng lợi ích”, “đa lợi ích” hay “lợi ích phi carbon” của REDD+), mà còn tiềm ẩn các rủi ro cho cộng đồng và môi trường. Các lợi ích và rủi ro này sẽ khác nhau tùy thuộc vào các hoạt động REDD+ mà quốc gia thực thi để giải quyết các động lực gây mất rừng và suy thoái rừng, cũng như là ở đâu và làm thế nào để các hoạt động này được thực thi. Bảng dưới đây tóm tắt một số lợi ích và rủi ro về môi trường và xã hội của REDD+.

Lợi ích và rủi ro tiềm năng của việc thực thi REDD+		
<i>Nguồn: UN-REDD</i>		
	Lợi ích	Rủi ro
Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> – Sinh kế được tăng cường và tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên được cải thiện – Quản trị rừng và thực thi pháp luật được cải thiện – Bảo vệ lãnh thổ và nền văn hóa của người dân bản địa và cộng đồng dân cư địa phương – Tăng cường tiếng nói và sự tham gia của cộng đồng trong quá trình ra quyết định – Làm rõ/đảm bảo quyền hưởng dụng và các quyền về tài nguyên 	<ul style="list-style-type: none"> – Đâu cơ đất đai, chiếm đoạt đất đai và xung đột đất đai – Mâu thuẫn giữa các bên liên quan, hoặc các đối tượng sử dụng tài nguyên – Đặt người dân bản địa và cộng đồng địa phương ra ngoài quá trình ra quyết định – Tranh dành quyền tài nguyên và đất đai
Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> – Duy trì và phục hồi: – Đa dạng sinh học – quan ngại về bảo tồn các loài và các hệ sinh thái rừng – Dịch vụ hệ sinh thái – ví dụ như kiểm soát xói mòn, chất lượng nguồn nước, lâm sản gỗ và ngoài gỗ, sự thụ phấn, điều hoà khí hậu địa phương, giá trị văn hóa – Rừng nguyên sinh và liên khoán ổn định nhiều hơn về mặt sinh thái (khả năng phục hồi và chống chọi) khi có những tác động của biến đổi khí hậu 	<ul style="list-style-type: none"> – Chuyển dịch áp lực mất rừng/suy thoái rừng đến các khu vực quan trọng cho các dịch vụ hệ sinh thái và đa dạng sinh học. – Tác động của nông nghiệp thâm canh tới đa dạng sinh học ngoài rừng – Thay thế rừng tự nhiên bằng rừng trồng – Rừng trồng với một số ít loài cây, hoặc các loài ngoại lai

Các yêu cầu đối với các biện pháp bảo đảm an toàn REDD+ của UNFCCC

Để bảo vệ khỏi các rủi ro và thúc đẩy lợi ích tiềm năng ngoài giảm thiểu biến đổi khí hậu, các Bên của UNFCCC đã thông qua hướng dẫn phạm vi rộng và tập hợp bảy biện pháp đảm bảo an toàn được áp dụng cho các hoạt động REDD+ (COP16, 2010). “Các biện pháp đảm bảo an toàn Cancun” được tăng cường và hỗ trợ khi thực thi các hoạt động REDD+ và các thông tin được cung cấp về việc các biện pháp đảm bảo an toàn được giải quyết và tôn trọng như thế nào trong quá trình thực thi REDD+ (COP 16, 2010; COP 17, 2011).

Các biện pháp đảm bảo an Cancun
<p><i>Nguồn: Quyết định 1/CP.16 của UNFCCC, Phụ lục I, khoản 2</i></p> <p>“Khi thực thi các hoạt động của [REDD+], các biện pháp đảm bảo an toàn sau đây cần khuyến khích và hỗ trợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hoạt động bổ sung là phù hợp với các mục tiêu của chương trình lâm nghiệp quốc gia và các công ước, các thỏa thuận quốc tế liên quan; b) Cơ cấu quản trị rừng quốc gia minh bạch và hiệu quả, có tính đến thông lệ và chủ quyền quốc gia; c) Tôn trọng kiến thức và quyền của người dân bản địa và các thành viên của cộng đồng địa phương, bằng cách tính đến nghĩa vụ quốc tế có liên quan, hoàn cảnh và luật pháp quốc gia và lưu ý rằng Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua Tuyên bố Liên hợp quốc về quyền của người bản địa; d) Sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan, đặc biệt là người dân bản địa và cộng đồng địa phương; e) Các hoạt động đó phù hợp với việc bảo tồn rừng tự nhiên và đa dạng sinh học, đảm bảo cho các hoạt động của REDD+ không chỉ được sử dụng cho việc chuyển đổi rừng tự nhiên, mà còn thay vào đó được sử dụng để khuyến khích việc bảo vệ và bảo tồn rừng tự nhiên và các dịch vụ hệ sinh thái và để tăng cường lợi ích xã hội và môi trường khác; f) Hoạt động để giải quyết các nguy cơ đảo ngược; g) Hoạt động để làm giảm sự chuyển dịch phát thải.

Các biện pháp tiếp cận quốc gia về các biện pháp bảo đảm an toàn

Các biện pháp đảm bảo an toàn Cancun mô tả ở trên là các câu lệnh nhất thiết và tổng quát của nguyên tắc, từng quốc gia sẽ cần phải làm việc ra sao và làm thế nào các biện pháp đảm bảo an toàn sẽ được áp dụng hoặc vận hành cụ thể trong từng bối cảnh.

Một cách tiếp cận Quốc gia về các biện pháp Đảm bảo An toàn cho phép một quốc gia ứng phó với các khuôn khổ an toàn quốc tế bằng cách xây dựng trên cơ chế quản trị hiện có, kết hợp với các mục tiêu chính sách quốc gia, có thể được sử dụng để thực thi các biện pháp đảm bảo an toàn Cancun. Các ‘sắp xếp quản trị’ nhằm mục tiêu bằng cách tiếp cận quốc gia bao gồm ba yếu tố cốt lõi mà cùng nhau đảm bảo rủi ro xã hội và môi trường từ REDD+ được giảm và lợi ích được tăng cường:

Chính sách, pháp luật và các quy định (PLR) trong đó xác định, trên giấy, những gì cần phải được thực thi để hỗ trợ cho Các hoạt động của REDD+ thực thi một cách nhất quán với Cancun (và khác) biện pháp đảm bảo an toàn, tức là làm thế biện pháp đảm bảo;

Sắp xếp thể chế - nhiệm vụ, quy trình và năng lực của mình để đảm bảo rằng các PLR có liên quan đã được triển khai trong thực tế, tức là làm thế nào bảo vệ được tôn trọng; và

Hệ thống thông tin trong đó thu thập và tạo thông tin về cách bảo vệ REDD+ đang được giải quyết và tôn trọng suốt thực thi REDD+.

Một quốc gia có thể tìm thấy cách tiếp cận quốc gia để đạt được một số lợi ích do:

- Nó có thể giúp các quốc gia để thực thi các biện pháp đảm bảo an toàn UNFCCC REDD+, nhằm mục đích đảm bảo rủi ro xã hội và môi trường được giảm thiểu và lợi ích của REDD+ được nâng cao và để đáp ứng các yêu cầu bảo vệ UNFCCC để truy cập vào chi trả dựa trên kết quả;
- Có thể giúp các quốc gia để đánh giá những gì các biện pháp đảm bảo an toàn Cancun có nghĩa là trong bối cảnh quốc gia cụ thể của họ và trong đó lợi ích và rủi ro liên quan nhất đến các hoạt động REDD+ được quy hoạch theo NS phát triển của nó /AP;
- Có thể giúp các quốc gia để xác định các biện pháp đảm bảo an toàn các mục tiêu mà họ muốn đạt được, có tính đến các chính sách quốc gia và quốc tế xem xét khung /cam kết;
- Có thể đóng góp vào thiết kế của Các hoạt động của REDD+ bền vững hơn, bằng cách tham gia vào tài khoản của vấn đề kinh tế-xã hội rộng lớn hơn và mối quan tâm về môi trường mà có thể sẽ là quan trọng trong việc giải quyết các nguyên nhân cơ bản của việc mất rừng và suy thoái rừng (cũng như khắc phục các rào cản đối với hiệu quả hơn / rộng 'cộng với các hoạt động);
- Giúp đỡ làm chủ quốc gia và giúp đảm bảo rằng các mục tiêu bảo vệ phù hợp với hoàn cảnh quốc gia và góp PAM phát triển bền vững quốc gia và các mục tiêu tăng trưởng xanh;
- Có thể giúp các quốc gia thích ứng với yêu cầu bảo vệ của các tổ chức cung cấp chi trả cho kết quả từ hoạt động REDD+ trong một quá trình phối hợp đơn;
- Có thể giúp xây dựng sự tự tin của các nhà đầu tư cũng như những khoản thanh toán cung cấp cho REDD+ kết quả, bởi vì biện pháp đảm bảo an toàn có thể làm giảm nguy cơ, một yếu tố quan trọng trong quyết định đầu tư cho kết quả dựa trên các hoạt động REDD+;
- Có thể giúp xây dựng sự tự tin trong nước và tăng tính hợp pháp của REDD+ bằng cách chứng minh sự cam kết đối xử với biện pháp đảm bảo an toàn một cách toàn diện chưa hoàn cảnh cụ thể;

- Có thể phục vụ như là một chi phí-hiệu quả phương tiện để giúp các quốc gia đạt được và theo dõi các cải tiến quản trị lâu dài, vì nó được xây dựng trên sự sắp xếp hiện quản trị (chính sách, thể chế và hệ thống thông tin) của một quốc gia để giải quyết và tôn trọng bảo vệ REDD+, thay hơn phát triển những cái hoàn toàn mới; và
- Có thể cung cấp cho các quốc gia có sự linh hoạt để khám phá việc áp dụng các biện pháp bảo toàn ngành lâm nghiệp hoặc các ngành khác có liên quan đến REDD+.

Làm thế nào để phát triển một phương pháp tiếp cận quốc gia về các Biện pháp Đảm bảo An toàn?

Không có kế hoạch chi tiết cho một cách tiếp cận quốc gia; mỗi phương pháp tiếp cận sẽ khác nhau và sẽ phản ánh các đặc trưng của bối cảnh quốc gia cũng như những gì quốc gia xác định là mục tiêu và phạm vi áp dụng biện pháp đảm bảo an toàn tổng thể. Tuy nhiên, dựa trên kinh nghiệm thực tế, một số bước chung có thể được xác định, như được minh họa trong hình 7.1, có thể hữu ích cho các Các quốc gia đang phát triển có kế hoạch tiếp cận quốc gia của họ về các Biện pháp Đảm bảo An toàn. Các quốc gia có thể quyết định để thực thi tất cả các bước hoặc chỉ là một, trong bất kỳ số lượng các trình tự, tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của họ. Mỗi bước chung sẽ được giải thích ngắn gọn dưới đây.

Hệ thống thông tin các biện pháp bảo đảm an toàn (SIS)

Tích hợp với cách tiếp cận quốc gia đến các biện pháp đảm bảo an toàn là việc xây dựng SIS. Chủ đề phức tạp này được thảo luận trong phần riêng biệt sau đây.

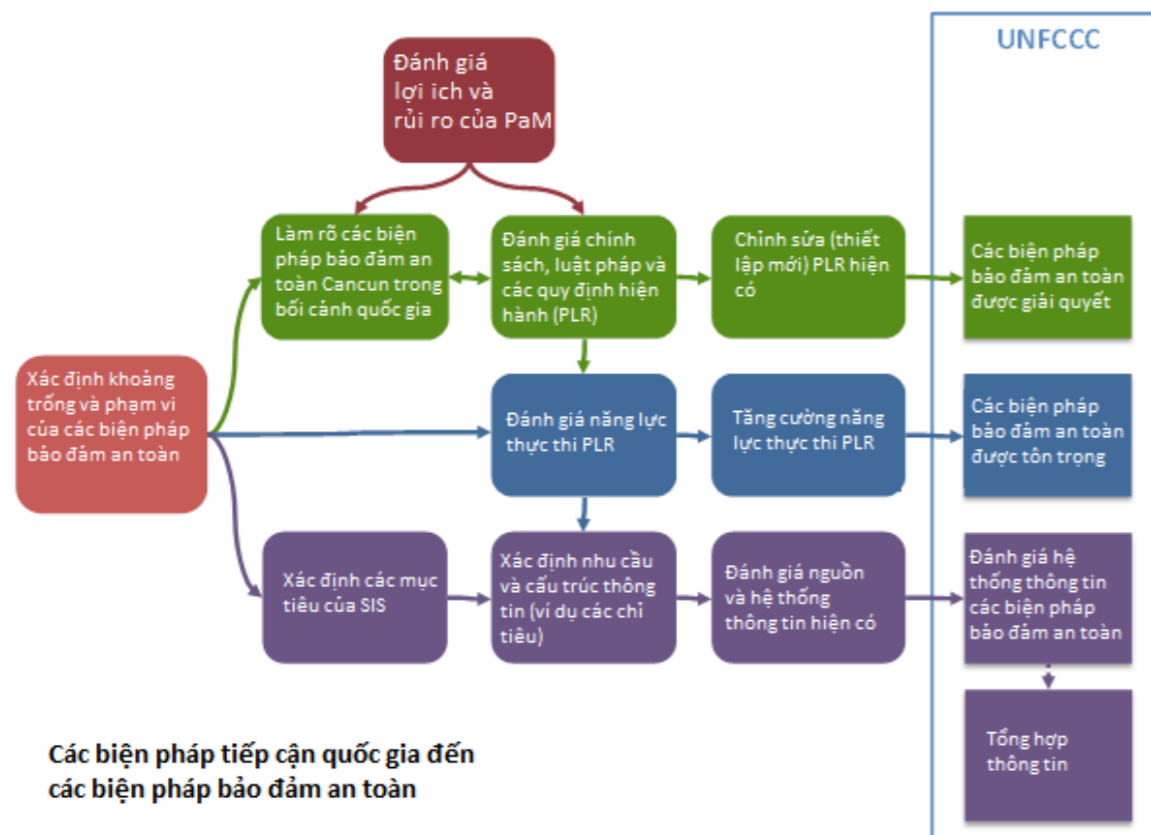
Một phương pháp tiếp cận lập đi lập lại từ việc xây dựng phương pháp tiếp cận quốc gia đến các biện pháp đảm bảo an toàn là thích hợp, không chỉ đưa vào xem xét các mục tiêu và phạm vi quốc gia về các biện pháp đảm bảo an toàn REDD+, mà còn xem xét những gì thực sự được đặt ra, xây dựng dựa trên kết quả của từng bước kế tiếp. Trong suốt quá trình này, sự tham vấn các bên liên quan sẽ rất cần thiết.

SIS là một trong bốn yếu tố cốt lõi đã đặt ra cho việc thực thi REDD+ (COP16, 2010) để một quốc gia nhận kết quả dựa trên chi trả (COP 16, COP 19):

- Chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia REDD+;
- Mức phát thải tham chiếu/ mức tham chiếu rừng quốc gia;
- Hệ thống giám sát rừng quốc gia; và
- Hệ thống cung cấp thông tin về cách thức các biện pháp đảm bảo an toàn được giải quyết và tôn trọng suốt quá trình thực thi các hoạt động REDD+ (tức là một "SIS").

- Thêm hướng dẫn về thiết kế SIS đã được cung cấp tại COP 17 tại Durban và COP 19 tại Warsaw, đáng chú ý là:
- Thống nhất với hướng dẫn Cancun;
- Cung cấp khả năng tiếp cận và định kỳ về thông tin; cung cấp thông tin minh bạch và nhất quán có thể tiếp cận được bởi tất cả các bên liên quan và được cập nhật trên cơ sở đều đặn;
- Cải thiện theo thời gian: tính minh bạch và linh hoạt để cho phép cải tiến theo thời gian;
- Tính toàn diện: cung cấp thông tin về cách thức để toàn bộ các biện pháp đảm bảo an toàn Cancun được giải quyết và được tôn trọng;
- Định hướng quốc gia: được định hướng bởi một quốc gia và được thực thi ở cấp quốc gia; và
- Sử dụng các hệ thống hiện hành: xây dựng dựa trên hệ thống khi thích hợp.

SIS nên, bất cứ nơi nào có thể, xây dựng trên cơ sở hệ thống thông tin hiện có để cung cấp thông tin về cách thức để các biện pháp đảm bảo an toàn được giải quyết và tôn trọng trong suốt quá trình thực thi các hoạt động REDD+. SIS được chấp thuận, ví dụ, trong quyết định 11/CP.19, hệ thống giám sát rừng quốc gia của một nước REDD+ cho REDD+ có thể cung cấp các thông tin liên quan cho SIS.



Hình 7.1: Các bước chung để xây dựng phương pháp tiếp cận quốc gia đối với các biện pháp bảo đảm an toàn

Nguồn: UN-REDD 2015. Các biện pháp đảm bảo an toàn

Các bước tiềm năng để xây dựng SIS

Xác định mục tiêu của SIS, nhu cầu thông tin quốc tế và trong nước khác nhau mà SIS nên phản hồi –trong đó mức tối thiểu sẽ là yêu cầu của UNFCCC về việc cung cấp thông tin về cách thức để các biện pháp đảm bảo an toàn được giải quyết và tôn trọng trong suốt quá trình thực thi các hoạt động REDD+. Thông tin về cách thức mà lợi ích và rủi ro về môi trường và xã hội đang được quản lý trong lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất cũng có thể đóng góp cho một chuỗi các mục tiêu trong nước khác, chẳng hạn như:

- Tiếp cận quỹ: ngoài đủ điều kiện cho việc chi trả dựa trên kết quả theo REDD+, sự đầu tư vào các hoạt động REDD+ có thể được tăng cường thông qua việc cung cấp thông tin về sự tăng cường quản lý rủi ro/lợi ích có thể được sử dụng để thu hút các nhà đầu tư (nhà nước và tư nhân).
- Cải thiện việc thực thi kế hoạch hành động hoặc chiến lược quốc gia REDD+: thông qua việc thông tin hình thành trên cơ sở các hoạt động cải tiến để giải quyết nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng và các rào cản đến các hoạt động “cộng”, tức là có thể đóng góp vào quản lý thích ứng.
- Tăng tính hợp pháp của REDD+: tính minh bạch được cải thiện, sự tham vấn và sự tham gia của các bên liên quan và cung cấp thông tin cho các bên liên quan trong nước.
- Cải cách chính sách dựa trên bằng chứng: thông qua việc sử dụng các thông tin của các biện pháp đảm bảo an toàn để thông báo cho quá trình ra quyết định ở cấp quốc gia, vùng và địa phương.

Các quốc gia có thể xem xét việc đầu tư vào việc xây dựng và vận hành SIS ở quy mô tương xứng với mục tiêu được lựa chọn cho SIS.

Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ (FPIC)

Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ (FPIC) dựa trên nguyên tắc tự quyết định. Đó là quyền tập thể của người dân bản địa và cộng đồng địa phương trong các thương thuyết về những chính sách, chương trình và dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế và sự thịnh vượng của họ.

FPIC xuất phát từ đâu?

FPIC không phải là khái niệm mới. FPIC được hình thành từ các thảo luận về phát triển, mà theo đó mọi ý kiến nhất trí cho rằng tất cả mọi người có quyền quyết định sự phát triển của bản thân họ. Điều này cũng có thể hiểu là họ có quyền nói “có” hoặc “không” đối với các đề xuất dự án hoặc các can thiệp từ

bên ngoài. Trong nhiều năm qua FPIC đã và đang được xem là một biện pháp an toàn xã hội quan trọng đối với nhiều dự án khai thác mỏ và cơ sở hạ tầng, đặc biệt là để bảo vệ quyền và lãnh thổ của người dân bản địa. Mặc dù người dân bản địa đã bắt đầu đấu tranh đòi quyền FPIC từ lâu nhưng FPIC không chỉ áp dụng cho riêng họ. FPIC đã được áp dụng trong lĩnh vực lâm nghiệp nhưng không sâu sắc, mặc dù những yếu tố của FPIC đã được lồng ghép vào quá trình cấp chứng chỉ rừng quốc tế.

FPIC không phải là...

Trước khi định nghĩa các yếu tố của FPIC, cần thiết phải giải thích rõ những vấn đề không phải là FPIC. FPIC không phải là một quá trình có sự tham gia, không phải là sự tham vấn hay thương thuyết bởi vì đây chỉ là những biện pháp và công cụ mà thông qua đó chúng ta có thể đạt được FPIC.

Quá trình tham vấn và sự tham gia rộng rãi của cộng đồng không đồng nghĩa với sự đồng thuận. Về khái niệm lý thuyết cũng như thực tiễn thì tham vấn, thương thuyết và sự tham gia thông thường là không đủ để nắm bắt những vấn đề mà cộng đồng thực sự quan tâm và không đủ để bảo vệ quyền của các thành viên cộng đồng. Từ thực tế là quá trình tham vấn và thương thuyết thường bị đo bởi các nhà tài trợ dự án và bị ảnh hưởng từ bên ngoài cho nên tốt nhất là phải đạt được sự đồng thuận theo như cách định nghĩa và đồng ý của chính cộng đồng như đã được cộng đồng quốc tế công nhận trong UN-DRIP (Tuyên bố của Liên hiệp Quốc về Quyền của Người dân bản địa) và những công ước khác.

Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ (FPIC) là gì?

Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ (FPIC) là khái niệm về cộng đồng bản địa và cộng đồng địa phương, những người có các quyền đặc biệt cần phải được người khác tôn trọng. Đây là quyền tập thể. Điều này có nghĩa là cộng đồng địa phương là một tập thể có quyền đồng ý hoặc từ chối FPIC.

Mỗi phần của thuật ngữ mang ý nghĩa quan trọng đối với cộng đồng. Sau đây là phần giải thích nghĩa của mỗi thuật ngữ:

Tự nguyện: Tự nguyện tức là không bị ép buộc bằng vũ lực, đe dọa, áp bức hay áp lực từ bất cứ người nào (có thể là từ chính phủ, công ty hay bất cứ tổ chức nào).

Trước: Trước có nghĩa là sự đồng thuận đạt được trước khi được cấp phép hay bắt đầu thực hiện bất cứ dự án nào. Đồng thời, cộng đồng địa phương cần có đủ thời gian để cân nhắc tất cả các thông tin và ra quyết định.

Được thông tin đầy đủ: Được thông tin đầy đủ có nghĩa là cộng đồng sẽ được cung cấp tất cả các thông tin phù hợp để họ ra quyết định có nên chấp nhận dự án hay không.

Sự đồng thuận: Sự đồng thuận đòi hỏi những người tham gia vào dự án phải để cho cộng đồng người dân bản địa nói “có” hoặc “không” đối với dự án. Điều này phải tuân thủ đúng quy trình ra quyết định do chính họ lựa chọn.

Tại sao cần tôn trọng FPIC trong dự án REDD+?

Ban đầu FPIC được phát triển trong bối cảnh cần bảo vệ quyền của người dân bản địa và dần dần được áp dụng nhằm bảo vệ quyền của tất cả mọi người đối với đất và lãnh thổ của họ dựa trên những mối quan hệ, phong tục tập quán và lịch sử. Trọng tâm của FPIC được phát triển dựa trên mối quan tâm rằng những người dân bản địa thiếu quyền lực chính trị, nghĩa là mối quan tâm của họ thường không được đáp ứng khi các tổ chức quốc tế, chính phủ các nước và các nhà đầu tư tư nhân quyết định về những tài nguyên thuộc quyền sở hữu của người dân bản địa do tổ tiên của họ để lại.

Vì vậy, để dự án REDD+ có được sự tín nhiệm của địa phương, thương lượng cần đạt được thỏa thuận lâu dài về sử dụng tài nguyên, phải công nhận quyền của người dân bản địa và quyền của cộng đồng địa phương, những người mà sinh kế của họ dựa vào một khu rừng nào đó. Không làm như vậy có thể dẫn đến xung đột hoặc không đạt được tất cả các kết quả bởi vì các hoạt động sinh kế và cơ hội tiếp cận tài nguyên của người dân bị ngăn chặn.

Người dân bản địa và cộng đồng địa phương đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện hiệu quả dự án REDD+. Họ đóng vai trò quan trọng khi đánh giá những tiêu chí liên quan đến tiêu chuẩn xã hội hoặc bảo đảm an toàn xã hội do cơ quan đánh giá độc lập đại diện cho các nhà đầu tư tín chỉ carbon đảm nhận.

Những rủi ro tiềm năng của dự án REDD+ đối với người dân bản địa và cộng đồng địa phương là gì?

Dù các dự án REDD+ và các chính sách có liên quan có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng nông thôn nhưng cũng có một số rủi ro tiềm năng từ các dự án REDD+ đã được xác định, bao gồm:

- Động chạm đến phong tục tập quán của người dân bản địa và có các biện pháp thực hiện mang tính vũ lực. Điều này có thể làm mất quyền tiếp cận tài nguyên rừng và nhu cầu tự cung tự cấp và tạo thu nhập của người dân, xung đột về sử dụng đất và ép buộc người dân phải di chuyển khỏi rừng.
- Làm cho đời sống của người dân càng khó khăn hơn do quy hoạch sử dụng đất mới: Chính phủ các nước có thể tận dụng nguồn thu từ tín chỉ

Phần 8: Nhận thức công chúng và lôi cuốn sự tham gia của các bên liên quan

carbon rừng cho nhà nước, ngăn chặn hoặc làm chậm xu thế phân quyền và giao trách nhiệm quản lý rừng cho cộng đồng như trong thời gian gần đây nhiều nơi đã làm.

- Tách quyền sử dụng tín chỉ carbon rừng với quyền quản lý và sở hữu rừng, từ đó ảnh hưởng quyền của cộng đồng trong việc hưởng lợi từ nguồn thu từ tín chỉ carbon.
- Các hợp đồng khai thác tín chỉ carbon có thể làm cho cộng đồng mất quyền sử dụng đất, phải chịu trách nhiệm khi bị mất rừng, hoặc chấp nhận số tiền chi trả thấp hơn chi phí cơ hội.
- Những cá nhân có quyền lực (bên trong hoặc ngoài cộng đồng) sẽ hưởng hết lợi ích từ dự án REDD+ do hệ thống quản lý không hiệu quả.
- Sản xuất lương thực tại địa phương giảm, dẫn đến rủi ro về an ninh lương thực và tăng sự nghèo đói.

Những rủi ro đối với bên đề xuất dự án nếu họ không đạt được FPIC?

- Nếu không đạt được FPIC, các bên đề xuất dự án sẽ đối mặt với:
- Tăng chi phí và chậm tiến độ thực hiện dự án khi xung đột xảy ra.
- Thiếu sự tín nhiệm với các bên liên quan khác và các nhà đầu tư tiềm năng.
- Không thỏa mãn được các tiêu chuẩn quốc tế về xã hội.
- Cuối cùng là thất bại của dự án khi người dân không quan tâm đến các điều kiện cần phải có để chi trả tín chỉ carbon.

Cộng đồng và các bên đề xuất dự án có những cơ hội nào trong quá trình FPIC? Thông qua quá trình tìm kiếm FPIC, các cơ hội sẽ được tạo ra:

- Quá trình tìm kiếm sự đồng thuận sẽ cho phép cộng đồng tác động trực tiếp đối với thiết kế và thực hiện dự án REDD+, có thể cho phép họ tăng lợi ích từ dự án và định hướng các khoản lợi ích này gắn chặt hơn với nhu cầu của chính họ.
- Đối với các nhà đầu tư, FPIC cung cấp cơ hội đối thoại bài bản với cộng đồng và thông tin rõ ràng với cộng đồng về mục tiêu và kế hoạch của họ. Điều này có thể sẽ giúp cải thiện mối quan hệ với cộng đồng và làm tăng khả năng thành công của dự án trong thời gian dài.
- Có đủ bằng chứng về thực hiện đầy đủ quá trình tìm kiếm FPIC có thể là một thuận lợi cho các bên đầu tư dự án vì điều đó sẽ tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư dự án tiềm năng hoặc các tổ chức mua tín chỉ carbon. Bằng chứng thực hiện đầy đủ quá trình tìm kiếm FPIC chứng minh rằng các hoạt động giảm rủi ro đối với dự án đã được thực hiện và các nhu cầu, quan ngại của cộng đồng đã được cân nhắc đầy đủ và đây là những yếu tố được các nhà đầu tư tiềm năng đánh giá rất cao.

Thời gian:

- 120 phút

Phương pháp:

- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình
- Đặt câu hỏi

Học liệu:

- Giấy A0
- Bút dạ
- Thẻ màu
- Băng dính
- Bảng lật

Mục tiêu:

Cuối học phần này tham dự viên có thể:

- Mô tả tầm quan trọng của việc lôi cuốn sự tham gia của các bên liên quan
- Hiểu được các nguyên tắc của tham vấn, tham gia và hòa nhập xã hội
- Sử dụng được các công cụ và các hoạt động lôi cuốn sự tham gia của các bên liên quan.

Các bước:

1. Bên liên quan là gì?
 - a. Viết chữ “bên liên quan” lên bảng lớn và yêu cầu tham dự viên giải thích ý nghĩa của cụm từ này.
 - b. Trong phần thảo luận chung, yêu cầu tham dự viên liệt kê các bên liên quan (bao gồm cả cá nhân, cơ quan, tổ chức và các nhóm) trực tiếp và gián tiếp ở các cấp khác nhau có liên quan đến REDD+.
 - c. Ghi các ý kiến của học viên lên bảng hoặc chỉ định một học viên hỗ trợ việc ghi chép này.
 - d. Phản hồi và trình bày trên giấy khổ lớn về tầm quan trọng và quá trình phân tích các bên liên quan. Làm rõ quá trình phân tích và tầm quan trọng của từng phương pháp.

- e. Chia lớp học thành 2-3 nhóm. Yêu cầu học viên liệt kê các vai trò và trách nhiệm của từng bên liên quan theo pháp luật hiện hành. Ngoài ra, liệt kê các tác động đến các vai trò, trách nhiệm và quyền này nếu REDD+ được thực hiện.
 - f. Yêu cầu mỗi nhóm trình bày kết quả của họ cho cả lớp nghe. Khuyến khích các thành viên trong nhóm khác đóng góp hoặc nhận xét.
2. Ý nghĩa của sự tham gia
- a. Giải thích từ “tham gia” bằng cách cho 1 ví dụ và tìm các từ đồng nghĩa để thay thế.
 - b. Vẽ khung thang cấp độ tham gia trên giấy A0.
 - c. Chia lớp thành 3 nhóm.
 - d. Phát cho mỗi nhóm một bộ thẻ có ghi sẵn các cấp độ tham gia (từ tham gia thụ động đến tự quyết định – xem tài liệu đọc).
 - e. Cho mỗi nhóm 10-15 phút để thảo luận và sắp xếp các thẻ đã được ghi sẵn theo thứ tự đúng.
 - f. Yêu cầu các nhóm trưng bày sản phẩm và giải thích tại sao nhóm lại sắp xếp như vậy.
 - g. Thảo luận chung về ý nghĩa các cấp độ tham gia và đề nghị các nhóm xem lại cách sắp xếp của họ.
 - h. Chuyển sang phần thảo luận về giá trị của sự tham gia bằng cách yêu cầu mỗi tham dự viên cho 1 ý kiến trên một thẻ màu với câu hỏi: “Sự tham gia mang lại ích lợi gì?”
 - i. Tập hợp các ý kiến và tổng hợp lại.
 - j. Trình bày giá trị cốt lõi của sự tham gia trên giấy A0, bắt đầu bằng giải thích khái niệm giá trị cốt lõi sau đó gắn các giá trị khác lên sơ đồ theo hình cánh hoa (xem tài liệu đọc).
3. Giới trong REDD+
- a. Chia lớp học thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận trong vì sao cần phải lồng ghép giới trong quá trình thực hiện REDD+.
 - b. Cho các nhóm thời gian để thảo luận và ghi kết quả lên giấy A0 hoặc thẻ màu
 - c. Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả và thảo luận chung
4. Phát tài liệu và dành thời gian để các tham dự viên đọc và giải đáp các câu hỏi của họ.
5. Kết thúc học phần bằng cách nhấn mạnh rằng để thực hiện REDD+ thành

công, nhất định phải lôi cuốn sự tham gia của các bên liên quan. Cả nam giới và phụ nữ đều có quyền và trách nhiệm tham gia vào những giai đoạn khác nhau của tiến trình REDD+. Vì nam giới và phụ nữ có những đặc điểm khác nhau về đặc điểm sinh học, chính trị, văn hóa và xã hội nên cần phải lôi kéo sự tham gia của cả hai giới để đảm bảo sự công bằng, bình đẳng và thành công của REDD+.

NHỮNG ĐIỂM TẬP HUẤN VIÊN CẦN LƯU Ý:

Học phần này đòi hỏi tập huấn viên, hoặc một số người trong số tham dự viên phải có một số kiến thức kỹ thuật nhất định về sự tham gia. Trong trường hợp này, tập huấn viên hoặc có thể đóng vai trò của một chuyên gia để giải thích về chủ đề này, hoặc xác định một người nào đó trong số những người tham gia có thể giúp giải thích về các chủ đề này. Nếu không, nên mời sẵn một cán bộ nguồn với sự hiểu biết vững chắc về các chủ đề này cho việc đào tạo được hiệu quả.

Tùy theo đối tượng tham gia và thời gian cho phép, tập huấn viên bố trí thời gian cho các bước thực hiện cho phù hợp và học phần đạt được các mục tiêu đề ra.

TÀI LIỆU ĐỌC

Bên liên quan là ai hoặc là gì?

Trong bối cảnh của REDD+, các bên liên quan là các cá nhân hoặc các nhóm có quyền lợi, lợi ích hoặc quyền đối với rừng sẽ bị ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực bởi các hoạt động REDD+. Khi danh sách dưới đây chưa đầy đủ và có thể thay đổi từ nước này sang nước khác, một số ví dụ về các nhóm bên liên quan bao gồm:

- Cơ quan chính phủ có liên quan

Khi một cam kết đã được thực hiện hướng đến kết quả REDD+, chính phủ trở thành cơ quan chủ chốt khẳng định rằng nước này có thể theo đuổi hướng dẫn của Công ước;

REDD+ bao gồm các vấn đề liên quan đến kỹ thuật và chính sách, trên nhiều lĩnh vực và giữa các cấp trung ương và địa phương. Các hoạt động REDD+ bền vững thường đòi hỏi sự hợp tác chéo và giữa các bộ khác nhau như tài chính, kế hoạch, nông nghiệp, đất đai, tài nguyên, lâm nghiệp.

- Các thực thể của khu vực tư nhân

Các đối tượng thực thi trong các lĩnh vực sau có thể có liên quan đến REDD+: nông nghiệp, gỗ, khai thác mỏ, cơ sở hạ tầng và carbon rừng, nói cách khác, những ngành có tác động tiềm năng lớn đến động lực sử dụng đất và thay đổi sử dụng đất.

- Các tổ chức xã hội dân sự (CSO)

Liên Hiệp Quốc xác định CSO là các đối tượng thực thi ngoài nhà nước với mục đích không phải tạo ra lợi nhuận và cũng không phải để tìm kiếm sự chi phối quyền lực. CSO đoàn kết mọi người để tiến đến mục tiêu và lợi ích chung. Cuối cùng, REDD+ đến từ và được sở hữu bởi một quốc gia và công dân của họ. Do đó CSO có vai trò như những đối tượng tham gia, pháp lý và thi hành chính sách và hoạt động của chính phủ, là cơ quan giám sát các hoạt động của các bên liên quan REDD+ công và tư khác và là cơ quan phối hợp vào nỗ lực REDD+.

- Người dân bản địa (phụ nữ, đàn ông và thanh niên)

Ghi nhận đa dạng của các dân tộc bản địa, Liên Hợp Quốc vẫn chưa có một định nghĩa chính thức và thay vào đó là liệt kê các tiêu chí để mô tả các dân tộc bản địa. Điều cơ bản để xác định các dân tộc bản địa là tiêu chí tự nhận

dạng. Người bản địa có quan hệ lịch sử phức tạp với vùng đất, vùng lãnh thổ và tài nguyên của họ. Như vậy, nỗ lực REDD+ cần ghi nhận rừng có giá trị và vai trò đa chức năng và đối với người dân bản địa.

- Cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng

Hướng dẫn của Chương trình UN-REDD về Đồng thuận tự do, trước và được cung cấp thông tin xác định các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng là những người không đáp ứng tiêu chí trong danh sách đối với người dân bản địa. Tuy nhiên, điều được ghi nhận là các cộng đồng này cũng có thể có mối quan hệ kinh tế và phi kinh tế với rừng và bị ảnh hưởng bởi các chức năng hệ sinh thái mà rừng cung cấp, chẳng hạn như nước sạch;

Người sử dụng rừng chính thức và phi chính thức (phụ nữ, đàn ông và thanh niên). FAO định nghĩa người sử dụng rừng chính thức là những người được thừa nhận một cách rõ ràng bởi nhà nước và được bảo vệ bằng cách sử dụng các công cụ pháp lý hoặc các quyền pháp lý. Ngược lại, người sử dụng rừng không chính thức là những người không có sự thừa nhận và bảo vệ chính thức.

- Chủ sở hữu quy mô nhỏ;

FAO định nghĩa chủ sở hữu nhỏ là những người sở hữu, quản lý hoặc sử dụng rừng hoặc có tài sản tài nguyên giới hạn, được xem là nhỏ so với các đối tượng khác trong khu vực của họ.

Bốn nhóm và cá nhân mới nhất là những người có tiềm năng để có được hay mất đi thông qua REDD+.

Cơ sở cho việc thu hút sự tham gia của các bên liên quan vào REDD+

Tầm quan trọng của việc thu hút sự tham gia của các bên liên quan đã bám sâu trong các quyết định của UNFCCC: Quyết định số 4/ CP.15 (2009) tại Copenhagen, Quyết định 1/ CP.16 (2010) ở Cancun, Quyết định 12/ CP.17 (2011) tại Durban và Quyết định 15/ CP.19 (2013) tại Warsaw. Đặc biệt, khoản 71 của Quyết định 1/ CP.16, còn được gọi là các Thỏa thuận Cancun, yêu cầu các nước phải có các yếu tố phù hợp sau đây cho việc thực thi REDD+ và tiếp cận các khoản chi trả dựa vào kết quả hoặc tài chính dựa vào kết quả:

- Chiến lược quốc gia (NS) hoặc kế hoạch hành động (AP)
- Mức phát thải tham chiếu rừng (FREL) và/ hoặc Mức tham chiếu rừng (FRL) của quốc gia
- Hệ thống giám sát rừng quốc gia mạnh mẽ và minh bạch (NFMS) để theo dõi và báo cáo về năm hoạt động REDD+
- Hệ thống thông tin các biện pháp bảo đảm an toàn (SIS)

Lồng ghép giới trong REDD+

Lồng ghép giới là một chiến lược nhằm đưa các vấn đề quan tâm, kinh nghiệm của nam giới và phụ nữ thành một phần không thể thiếu trong việc triển khai, giám sát, và đánh giá chiến lược, chính sách, chương trình, dự án trong tất cả các lĩnh vực, kinh tế, chính trị, xã hội, từ đó khiến nam giới và phụ nữ đều được hưởng lợi một cách bình đẳng. Mục tiêu cơ bản của việc lồng ghép giới là tiến tới bình đẳng giới (Tháng 7, 1997, Hội đồng Kinh tế và Xã Hội của Liên Hiệp Quốc).

Lồng ghép giới không chỉ đơn thuần là làm tăng sự tham gia của phụ nữ, mà quá trình này có nghĩa là sự thừa nhận và tích hợp các kinh nghiệm, kiến thức và các mối quan tâm của phụ nữ và nam giới trong quá trình ra quyết định.

Như vậy, mục tiêu cuối cùng của lồng ghép giới là để tạo ra những sự thay đổi tích cực trong các cấu trúc xã hội và thể chế vì một xã hội công bằng mà trong đó các lợi ích và quá trình ra quyết định không bị phân biệt đối xử đối với cả hai giới.

Ý nghĩa của sự tham gia

“Tham gia” bao trùm nhiều mức độ. Việc phân biệt được sự khác biệt giữa các mức độ đó là rất quan trọng vì các mức độ khác nhau đòi hỏi các cách tiếp cận khác nhau. Việc hướng tới mức độ tham gia ở mức cao hơn không phải lúc nào cũng khả thi và cần thiết.

Mức độ tham gia nào mà bạn sẽ hướng tới phụ thuộc vào các yếu tố như:

- Mục tiêu của chủ thể hành động
- Khung thời gian của chủ thể hành động
- Môi trường hỗ trợ trong tổ chức của bạn
- Môi trường chính trị, các chính sách và luật pháp của quốc gia

• Các nguồn lực con người và tài chính có sẵn

Các mức độ của sự tham gia bao gồm:

- *Tự quyết định*: bên tham gia thực hiện các hành động dựa trên nguyên tắc tự quyết định.
- *Quan hệ đối tác*: các bên tham gia có quyền quyết định ngang bằng.
- *Thực hiện chức năng*: bên tham gia thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao bởi cấp có thẩm quyền cao hơn.
- *Được tham vấn*: bên tham gia được tham khảo ý kiến, quan điểm về vấn đề nào đó, nhưng quyết định cuối cùng không thuộc về họ mà là của những người khác.

- *Cung cấp thông tin*: bên tham gia được trả lời một số câu hỏi để cung cấp thông tin còn thiếu.
- *Tham gia thụ động*: tham gia theo kiểu hình thức, bên tham gia có mặt để có đủ con số.

Các giá trị cốt lõi của tiến trình tham gia

Các giá trị cốt lõi này chỉ có thể có được khi các bên liên quan tham gia một cách bình đẳng vào tiến trình ra quyết định:

- *Hiểu biết lẫn nhau*: Để một nhóm những bên có liên quan đạt được một thỏa thuận bền vững, các thành viên cần hiểu và chấp nhận những lý lẽ đằng sau các nhu cầu và mục tiêu của người khác.
- *Trách nhiệm được chia sẻ*: Trong tiến trình tham gia, các bên có liên quan có trách nhiệm cao trong việc tạo ra và phát triển các thỏa thuận bền vững. Họ nhận thấy rằng họ phải sẵn sàng và có khả năng thực thi các đề xuất mà họ đưa ra.
- *Giải pháp hài hòa*: Các giải pháp hài hòa là những giải pháp sáng suốt. Sự sáng suốt này xuất phát từ việc hợp nhất các quan điểm và nhu cầu của mọi người.
- *Tính trọn vẹn*: Trong tiến trình tham gia, tất cả các bên liên quan đều được khuyến khích tham gia tích cực và nói ra các nhu cầu và quan điểm của mình. Và trong tiến trình này, họ học để khám phá và chấp nhận sự đa dạng.

Sự khác biệt giữa tham vấn, tham gia và sự tham gia của các bên liên quan là gì?

Thu hút sự tham gia của các bên liên quan thường đề cập đến các quá trình và phương pháp làm tăng mức tham gia dẫn đến việc ra quyết định, sở hữu và thực thi. Tham vấn và tham gia thường được sử dụng để thay thế nhau. Như hình minh họa dưới đây, tham vấn là một trong số rất nhiều loại hình cuốn hút sự tham gia, điển hình như một phương tiện để trao đổi thông tin và quan điểm. Trong khi được xếp quy mô tham gia cao hơn chia sẻ thông tin, điều này thường không mang lại bất kỳ hình thức ra quyết định nào. Sự tham gia đầy đủ và hiệu quả đo đó mang hàm ý làm tăng cơ hội cũng như năng lực tham gia vào việc ra quyết định trực tiếp.

Công cụ hữu ích để thu hút sự tham gia của các bên liên quan

Có một số công cụ hữu ích trong việc thực hiện quá trình thu hút sự tham gia của các bên liên quan. Phần này sẽ xem xét vấn đề này.

Lập bản đồ và phân tích các bên liên quan

Lập bản đồ và phân tích các bên liên quan là một công cụ hữu ích có thể sử dụng để xác định ai sẽ được thu hút tham gia liên quan đến REDD+ và ở mức độ nào.

Hoạt động này thường xem xét hai cấu thành, lợi ích và ảnh hưởng. Tùy thuộc vào kết quả mong muốn, việc lập bản đồ và phân tích các bên liên quan có thể rộng hay hẹp khi cần; và có thể được sử dụng để xác định các bên liên quan ở tất cả cấp độ.

Kết quả từ việc lập bản đồ và phân tích có thể được sử dụng để:

- Xác định các bộ quan trọng của chính phủ sẽ cần được thu hút tham gia;
- Xác định các bên liên quan chủ chốt khác và các tổ chức đại diện của họ;
- Xây dựng kế hoạch để giải quyết các vấn đề về nền tảng và các cơ quan đại diện hợp pháp;
- Đánh giá địa phương nào tiếp cận các quyền cơ bản của cộng đồng địa phương và IP cần được tăng cường;
- Xây dựng một kế hoạch tham vấn và tham gia.

Phân tích về giới

Một phân tích về giới (được tiến hành vừa như là một phân tích riêng biệt hoặc như là một phần của một nghiên cứu về kinh tế-xã hội lớn hơn hoặc

phân tích các bên liên quan) được thực thi một cách lý tưởng trong suốt quá trình thiết kế chương trình để xác định các chính sách và chiến lược quốc gia và bối cảnh địa phương trong đó các bên liên quan vận hành, xoay quanh các hoạt động REDD+ khác nhau.

Một đánh giá như vậy cũng sẽ giúp phân tích vai trò, nhu cầu, ưu tiên và cơ hội của các bên liên quan (kể cả phụ nữ, đàn ông và thanh niên) trong bối cảnh chính trị, kinh tế xã hội cụ thể của họ.

Tùy thuộc vào phạm vi và chiều sâu, phân tích giới sẽ giúp xác định sự khác biệt giới được xác định trong quá trình tiếp cận và kiểm soát nguồn tài nguyên, các động lực về quyền giữa phụ nữ và nam giới, và những cơ hội và sự bất bình đẳng xã hội, kinh tế và chính trị khác nhau mà phụ nữ và nam giới phải đối mặt trong nhiều lĩnh vực tiềm năng và/ hoặc bị ảnh hưởng bởi bất kỳ chiến lược hoặc can thiệp cụ thể nào. Phân tích sẽ giúp cung cấp dữ liệu đường cơ sở tách biệt về giới để giám sát.

Tại sao phải lồng ghép giới trong REDD+?

- Đảm bảo chính sách và chương trình/dự án đáp ứng nhu cầu, mối quan tâm của phụ nữ và nam giới, phân bổ lợi ích một cách công bằng giữa nam giới và phụ nữ.
- Nam giới và phụ nữ đều có quyền tham gia vào các chương trình/dự án và các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội.
- Phân chia công việc phù hợp cho nam giới và phụ nữ nhằm gia tăng tối đa hiệu quả và hiệu suất của hoạt động.
- Nâng cao vai trò, tiếng nói và vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội

Mục đích của lồng ghép giới trong hoạt động dự án

- Giảm bất bình đẳng giới.
- Đảm bảo sự tác động tích cực của dự án đến đời sống của cả nam giới và phụ nữ.
- Đảm bảo rằng dự án giải quyết được các vấn đề và nhu cầu khác nhau của nam giới và phụ nữ.
- Tạo điều kiện cho phụ nữ và nam giới có quyền ngang nhau trong việc tiếp cận và hưởng lợi từ dự án.
- Tạo điều kiện cho sự tham gia bình đẳng của phụ nữ và nam giới trong việc triển khai dự án và quá trình ra quyết định.

Tại sao cần lưu ý tới vấn đề giới trong Biến đổi khí hậu và REDD+?

- Phụ nữ nhạy cảm hơn với các tác động của biến đổi khí hậu.
- Ngoài việc cung cấp dịch vụ lưu trữ carbon, rừng còn tạo ra sinh kế và thu nhập cho trên 1,6 tỷ người nghèo trên toàn cầu: phụ nữ chiếm trên 70% người nghèo toàn cầu.
- Vai trò, quyền hạn và trách nhiệm cũng như cách thức sử dụng rừng và kiến thức về rừng của phụ nữ và nam giới tạo ra các kinh nghiệm của hai giới theo các cách khác nhau.
- Các nhu cầu, cách sử dụng và hiểu biết khác biệt của giới đối với rừng là đầu vào đặc biệt quan trọng trong các can thiệp bằng chính sách và chương trình để đảm bảo thành công lâu dài của REDD+.
- Sự bình đẳng giới trong chính sách và thực hành REDD+ cần được thúc đẩy để đảm bảo hiệu quả và sự công bằng nhiều hơn.

Đánh giá nhu cầu xây dựng năng lực (CBNA)

- CBNA dùng để xác định năng lực tổ chức và cá nhân nòng cốt, bao gồm kiến thức, kỹ năng và khả năng mà nhóm bên liên quan chủ chốt cần để thu hút sự tham gia hiệu quả vào REDD+.
- CBNA cần dựa vào kết quả từ việc lập bản đồ và phân tích các bên liên quan và đánh giá giới, đặc biệt là những đối tượng liên quan đến các nhóm bên liên quan ưu tiên.
- Kết quả từ CBNA có thể bổ sung vào chiến lược truyền thông bằng cách xác định những thông tin nào cần thiết và khi nào và làm thế nào để CBNA được truyền thông một cách tốt nhất.

Thời gian:

- 90 phút

Phương pháp:

- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình
- Đặt câu hỏi

Học liệu:

- Giấy A0
- Bút dạ
- Thẻ màu
- Bảng dính
- Bảng lật

Mục tiêu:

Cuối học phần này tham dự viên có thể:

- Hiểu được ba thành phần của quản trị
- Hiểu được các nguyên tắc của quản trị
- Mô tả sự tương tác giữa các thành phần và các nguyên tắc của quản trị tốt trong bối cảnh REDD+.

Các bước:

1. Giới thiệu học phần bằng cách hỏi học viên “quản trị tốt là gì” và lấy một số ý kiến ghi lên giấy A0 hoặc bảng lớn.
2. Khái quát rằng với học viên quản trị tốt được nhận biết như là sự minh bạch, tham gia đầy đủ và hiệu quả, và tôn trọng kiến thức và quyền. Tuy, quản trị tốt không được định nghĩa trong các quyết định của UNFCCC, nhưng nó được hiểu như là các tiêu chuẩn, các quy trình, thể chế, và con người kiểm soát cách người ta tương tác với rừng, bao gồm cả luật và các cơ quan đơn vị thiết lập và thực hiện luật hoặc những chuẩn mực khác.
3. Bây giờ chia học viên thành nhóm nhỏ với mỗi nhóm gồm 5-8 người.
4. Cho họ khoảng 30 phút để thảo luận “điều gì tạo thuận lợi cho việc thực hiện quản trị tốt.”

5. Dành 3-5 phút cho mỗi nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.
6. Bắt đầu thảo luận chung bằng cách tìm ra các điểm khác biệt và tương đồng trong các phần trình bày và đề cập các câu hỏi của học viên trong quá trình thảo luận.
7. Đưa học viên tới một hiểu biết chung rằng quản trị tốt có thể được mô tả gồm 3 hợp phần: (i) ai có quyền ra quyết định có ảnh hưởng tới tài nguyên thiên nhiên và những người sử dụng tài nguyên thiên nhiên, và ra quyết định như thế nào, (ii) ai có quyền và trách nhiệm thực hiện các quyết định đó và thực hiện như thế nào, (iii) ai chịu trách nhiệm giải trình về thực hiện và chịu trách nhiệm giải trình như thế nào?
8. Nhấn mạnh rằng những gì làm cho quản trị tốt thực hiện được có thể khái quát hóa thành các nguyên tắc của quản trị tốt, và sử dụng kết quả thảo luận nhóm vừa thực hiện để đưa ra một số nguyên tắc cơ bản.
9. Hỏi học viên xem họ còn có câu hỏi và ý kiến gì nữa.
10. Phát tài liệu đọc và kết thúc học phần.

NHỮNG ĐIỂM TẬP HUẤN VIÊN CẦN LƯU Ý:

Học phần này đòi hỏi tập huấn viên, hoặc một số người trong số tham dự viên phải có một số kiến thức kỹ thuật nhất định về quản trị tốt. Trong trường hợp này, tập huấn viên hoặc có thể đóng vai trò của một chuyên gia để giải thích về quản trị tốt, hoặc xác định một người nào đó trong số những người tham gia có thể giúp giải thích về các chủ đề này. Nếu không, nên mời sẵn một cán bộ nguồn với sự hiểu biết vững chắc về các chủ đề này cho việc đào tạo được hiệu quả.

Tùy theo đối tượng tham gia và thời gian cho phép, tập huấn viên bố trí thời gian cho các bước thực hiện cho phù hợp và học phần đạt được các mục tiêu đề ra.

TÀI LIỆU ĐỌC

QUẢN TRỊ THEO CÁC QUYẾT ĐỊNH REDD+ CỦA UNFCCC

Định nghĩa

Giống như rất nhiều từ thông dụng khác, quản trị có ý nghĩa lớn đối với nhiều người. Khái niệm về quản trị là một trong những khái niệm không ngừng thay đổi mà nhiều người và nhiều đối tượng thực thi có thể có tiếng nói.

Mặc dù rất nhiều nỗ lực đã được tạo ra để định nghĩa quản trị và hầu hết là quản trị tốt, khó có thể diễn đạt hết tầm quan trọng, khía cạnh và sự thay đổi của quản trị trong một định nghĩa cô đọng và duy nhất. Tuy nhiên, quản trị nói chung được mô tả là bao gồm sự kết hợp của các quy định, quy tắc, thể chế và quá trình trong một xã hội; các quyết định được tạo ra như thế nào; cũng như phương pháp và khi những đối tượng thực thi có trách nhiệm và những người ra quyết định nắm giữ trọng trách (nếu toàn bộ).

Quản trị được mô tả là cách thức:

- Một xã hội (con người) thiết lập cách để họ sống với nhau;
- Quản trị giải quyết những lợi ích và lựa chọn khác biệt được truyền vào trong những quy tắc và giá trị;
- Quản trị giải quyết phân bổ nguồn lực;
- Điều này được chuyển thành những quy tắc, quy định, thể chế và điều kiện duy trì sự ổn định và hiện hữu cùng có lợi cho tất cả các thành viên của xã hội.

Quản trị cũng bao gồm những ai:

- Có quyền ra quyết định có ảnh hưởng đến tài nguyên thiên nhiên và người sử dụng tài nguyên và cách thức để các quyết định này được tạo ra;
- Có quyền và trách nhiệm thực thi các quyết định đó và quyết định về cách thức để thực thi những quyết định này.
- Nắm giữ - hoặc được nắm giữ - trách nhiệm và cách thức, cho việc thực thi.

Chương trình nghị sự nhân quyền đưa ra nền tảng cơ sở cho các nguyên tắc quản trị của UN. Liên Hợp Quốc đã làm việc trên cơ sở xác định về quản trị dân chủ cho Chương trình nghị sự phát triển sau 2015. Tuy nhiên, không có định nghĩa chung có thể áp dụng đồng đều đối với tất cả mọi người, mọi xã hội và

mọi nền văn hóa, bởi vậy sự hiểu biết chung và ưu tiên tập trung vào hoạt động trong nước là quan trọng hơn. Vì vậy quản trị tốt thường là sự hiểu biết thông qua các nguyên tắc quan trọng của nó, bao gồm:

- Quy định của pháp luật;
- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin;
- Trách nhiệm;
- Tôn trọng các quyền cơ bản;
- Sự tham gia/ tính toàn diện;
- Hiệu suất/ hiệu quả;
- Tìm kiếm sự đồng thuận;
- Năng lực;
- Chống tham nhũng;
- Bình đẳng giới.

QUẢN TRỊ TRONG VĂN KIẾN CỦA UNFCCC

Trong tất cả 13 quyết định của UNFCCC có liên quan đến REDD+, từ Bali đến Warsaw, từ “quản trị” chỉ được đề cập đến trong một: Quyết định 1/CP.16, “Thỏa thuận Cancun: Kết quả công tác của Nhóm công tác đặc biệt về hoạt động hợp tác dài hạn theo công ước”, trong đó:

“Yêu cầu các bên là các nước đang phát triển... giải quyết các động lực mất rừng và suy thoái rừng, các vấn đề về sở hữu đất đai, **vấn đề quản trị rừng**, chọn giống... đảm bảo sự tham gia đầy đủ và có hiệu quả của các bên liên quan, người dân bản địa và cộng đồng địa phương (khoản 72).

“Khi thực thi các hoạt động nêu tại khoản 70 của Quyết định này, các biện pháp bảo đảm an toàn sau đây cần được thúc đẩy và hỗ trợ:

a. ... Cấu trúc quản trị rừng quốc gia hiệu quả và minh bạch, có tính đến các quy định và chủ quyền quốc gia; (phụ lục 1, khoản 2 [b]).

“Trong khi bản thân từ này chỉ được đề cập hai lần, các khái niệm về quản trị tốt thực tế được tìm thấy trong bốn trong bảy biện pháp bảo đảm an toàn Cancun đầu tiên:

- Tính nhất quán với các chương trình lâm nghiệp quốc gia và các công ước quốc tế;
- Tính minh bạch và hiệu quả;

- Tôn trọng kiến thức và quyền;
- Sự tham gia đầy đủ và hiệu quả.

Khái niệm quản trị tốt và những nguyên tắc của khái niệm này cần thiết để giải quyết và tôn trọng ba biện pháp bảo đảm an toàn còn lại:

- Ngăn chặn chuyển đổi rừng tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học;
- Đảm bảo lợi ích xã hội và môi trường;
- Giải quyết nguy cơ đảo chiều và làm giảm chuyển dịch phát thải.

Quản trị tốt và REDD+



Hình 9.1: Tầm quan trọng của việc tập trung vào quản trị trong quá trình REDD+

Nguồn: Chương trình UN-REDD

Hình 9.1 cho thấy thời điểm để giải quyết các vấn đề quản trị trong quá trình REDD+ quốc gia.

1. Hiểu được những yếu tố cơ bản có thể dẫn đến các động lực mất rừng và suy thoái rừng, hoặc cản trở việc bảo tồn, quản lý rừng bền vững và nâng cao trữ lượng các bon rừng một cách hiệu quả.

- Ví dụ, các phân tích quản trị có thể chỉ ra những hạn chế về năng lực thực thi và tham nhũng dẫn đến khai thác gỗ bất hợp pháp.

2. Xây dựng thành công và hiệu quả chiến lược, chính sách và biện pháp REDD+ quốc gia;

- Ví dụ, làm thế nào để những điểm yếu kém và điểm mạnh của quản trị có thể cho biết tính khả thi của các biện pháp để giải quyết các động lực.

3. Thực thi và giám sát các chiến lược, chính sách và biện pháp;

- Ví dụ bằng cách tăng cường năng lực thể chế và phối hợp của các cơ quan nhà nước thực thi REDD+, hoặc để cho phép giám sát tính hiệu quả, hiệu suất và bền vững các chính sách và biện pháp đó, cũng như cho phép điều chỉnh PAM đã thực thi mà không vận hành theo kết quả dự kiến.

4. Đảm bảo rằng các biện pháp bảo đảm an toàn được giải quyết và được tôn trọng;

5. Quản lý quỹ REDD+ một cách minh bạch và có trách nhiệm, tránh những nguy cơ như gây ảnh hưởng quá mức, tham nhũng, gian lận hoặc quan liêu.

Các nguyên tắc quản trị như đã nêu ở phần trước rất quan trọng đối với một quốc gia để “quản trị”, hoặc quản lý quá trình REDD+ của họ và tính năng quan trọng góp phần vào sự bền vững của REDD+.

Do đó, các nguyên tắc quản trị tốt được áp dụng ở nhiều cấp độ (toàn cầu/ quốc tế, quốc gia, tiểu quốc/bang, tỉnh và vùng) nhưng cũng được tôn trọng trong suốt các bước thực thi REDD+ khác nhau. Tóm lại, quản trị tốt đối với REDD+ có thể tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc “quản trị” quá trình REDD+ một cách thành công, giúp bảo đảm sự tham gia đầy đủ và có ý nghĩa vào quá trình ra quyết định và thúc đẩy bình đẳng, công bằng, minh bạch và pháp lý trong tất cả các giai đoạn của REDD+.

:

Chương 4

TÀI CHÍNH TRONG REDD+

Phần 10: Nguồn tài chính của REDD+: Quỹ và cơ chế thị trường

Thời gian:

- 120 phút

Phương pháp:

- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình
- Đặt câu hỏi

Học liệu:

- Giấy A0
- Bút dạ
- Thẻ màu
- Băng dính
- Bảng lật

Mục tiêu:

Cuối học phần này tham dự viên có thể:

- Hiểu được sự khác biệt giữa đầu tư và tài chính dựa trên kết quả;
- Mô tả các nguồn và loại tài chính khác nhau cho REDD+, bao gồm:
 - o Các nguồn đa phương quốc tế
 - o Các nguồn song phương quốc tế
 - o Các loại tài chính trong nước
 - o Thị trường.

Các bước:

1. Kích hoạt học phần bằng cách yêu cầu một vài người tham gia cho biết tài chính dựa trên kết quả là gì và liệt kê ý kiến của họ trên một bảng lật.
2. Yêu cầu học viên liên hệ kết quả thảo luận với REDD+.
3. Hỏi xem ai là quen thuộc với khái niệm về đầu tư, tài chính REDD+. Nếu có, mời họ đưa ra một vài ví dụ.
4. Chia người tham gia thành 2 hoặc 3 nhóm nhỏ tùy thuộc vào số lượng học viên và phân phát tài liệu đọc về tài chính REDD+.

5. Dành cho họ khoảng 30 phút để đọc và chuẩn bị một bài trình bày phút 5-7 với những điểm chính mà họ đã rút ra được từ phần tài liệu đọc họ đã tập trung vào.

6. Yêu cầu một nhóm chia sẻ kết quả.

7. Yêu cầu các nhóm còn lại cho ý kiến xem có điểm trình bày nào không đúng, điểm nào còn thiếu cần phải bổ sung.

8. Tổng kết phần thảo luận này bằng cách nhấn mạnh sự khác biệt giữa đầu tư và tài chính dựa trên kết quả trong REDD+ và nêu rõ các nguồn và loại tài chính khác nhau cho REDD+.

NHỮNG ĐIỂM TẬP HUẤN VIÊN CẦN LƯU Ý:

Học phần này đòi hỏi tập huấn viên, hoặc một số người trong số tham dự viên phải có một số kiến thức kỹ thuật nhất định về các chủ đề tài chính REDD+. Trong trường hợp này, tập huấn viên hoặc có thể đóng vai trò của một chuyên gia để giải thích về các chủ đề đó, hoặc xác định một người nào đó trong số những người tham gia có thể giúp giải thích về các chủ đề này. Nếu không, nên mời sẵn một vài cán bộ nguồn với sự hiểu biết vững chắc về các chủ đề này cho việc đào tạo được hiệu quả.

Tùy theo đối tượng tham gia và thời gian cho phép, tập huấn viên bố trí thời gian cho các bước thực hiện cho phù hợp và học phần đạt được các mục tiêu đề ra.

TÀI LIỆU ĐỌC

REDD+ là một khái niệm tặng thưởng về mặt tài chính cho các nước đang phát triển vì làm giảm phát thải hoặc loại bỏ khí nhà kính được xác nhận của họ so với mức phát thải tham chiếu rừng hoặc mức tham chiếu rừng (FREL/FRL) tuân thủ các biện pháp bảo đảm an toàn có liên quan. Tuy nhiên, để cho REDD+ vận hành trên thực tế, điều quan trọng là phải gắn REDD+ với các kế hoạch rộng lớn của quốc gia nhằm chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp, công bằng, hiệu quả về mặt tài nguyên hơn.

REDD+ và kinh tế xanh

Biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường (chất lượng nước, mất rừng, v.v.) đang buộc chính phủ, doanh nghiệp và người tiêu dùng thay đổi cách ra quyết định, bằng cách cân bằng tốt hơn về tăng trưởng về kinh tế với bảo vệ môi trường. Sự tăng trưởng kinh tế chưa từng có trong thế kỷ 20, dựa vào khai thác tài nguyên và khu vực tăng trưởng kinh tế tách rời với những tác động hệ sinh thái rộng lớn và phát thải carbon chẳng hạn như mất đa dạng sinh học, cần sự thay đổi hình mẫu, đến một nền kinh tế toàn cầu được xây dựng xoay quanh việc sử dụng hiệu quả tài nguyên đất và nước.

Quá trình chuyển đổi này sẽ bao gồm một động thái hướng tới một “nền kinh tế xanh”, được định nghĩa bởi UNEP là: “một nền kinh tế sẽ dẫn đến việc cải thiện sức khỏe con người và công bằng xã hội, đồng thời làm giảm đáng kể rủi ro môi trường”. Để lĩnh vực sử dụng đất (bao gồm lĩnh vực lâm nghiệp, nông nghiệp và các ngành khác) đóng góp vào quá trình chuyển đổi sang nền Kinh tế xanh, nguồn vốn quan trọng cần thiết để kích thích các nền kinh tế mới nổi làm giảm tốc độ mất rừng và suy thoái rừng cũng như khuyến khích quản lý bền vững rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng carbon rừng (REDD+).

REDD+ là một phần không thể thiếu của quá trình chuyển đổi kinh tế này và là phương pháp tiếp cận tài chính dựa vào kết quả có khả năng hoạt động như một chất xúc tác cho các nước đang chuyển đổi sang một nền kinh tế carbon thấp. Tuy nhiên, để cho REDD+ trở thành một đề nghị hấp dẫn đối với các nền kinh tế mới nổi, thì sự cân bằng sẽ phải được tìm kiếm giữa nhu cầu làm giảm hoặc loại bỏ phát thải carbon rừng, hỗ trợ các cộng đồng sống dựa vào rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và nhu cầu cấp thiết về kinh tế, xã hội, như an ninh lương thực, duy trì sự sẵn có của lâm sản ngoài gỗ (ví dụ như cao su, trái cây, các loại hạt, v.v.) và nông nghiệp năng suất cao, khai thác mỏ. Do đó, mối quan hệ không thể thiếu này, REDD+ là chất xúc tác cho quá trình chuyển đổi kinh tế thông qua cơ chế tài chính dựa vào kết quả.

Để nhận được sự chi trả dựa vào kết quả, một quốc gia cần phải giải quyết các động lực trực tiếp và gián tiếp của việc mất rừng và xác định các cơ cấu

khuyến khích, các biện pháp ứng phó tốt nhất để đạt được điều đó ở cấp quốc gia (hoặc địa phương). Vì vậy, quan điểm rộng hơn về tài chính REDD+ còn bao gồm cả sự hiểu biết và giải quyết các động lực kinh tế và tài chính đóng góp vào mất rừng hiện nay, cũng như đánh tác động của tốc độ mất rừng (thay đổi) đến tổng sản phẩm quốc nội (GDP) để xây dựng “chính phủ và trường thương mại” để chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.

Tài chính REDD+ trong bối cảnh của UNFCCC

Tại COP 19 ở Warsaw, 7 quyết định đã được thông qua và được gọi là “Khung Warsaw về REDD+” đã hoàn thành “Bộ quy tắc REDD+”. “Khung Warsaw” bao gồm quyết định về việc tăng cường sự phối hợp trong việc hỗ trợ thực thi các hoạt động, bao gồm thu xếp thể chế. Quyết định đầu tiên về các khía cạnh liên quan đến tài chính đối với các hoạt động dựa vào kết quả (RBA) cũng đã được thông qua. UNFCCC đã đề ra quy trình đối với các nước đang phát triển nhằm đạt được kết quả từ các hoạt động của REDD+ có ghi nhận sự chi trả dựa vào kết quả (RBP) và tài chính dựa vào kết quả (RBF).

Hoạt động dựa vào kết quả (RBA) được đề cập đến một số lần trong văn kiện của UNFCCC, ví dụ:

- Quyết định 1/CP.16, khoản 73: Hoạt động dựa vào kết quả phải được đo lường, báo cáo và xác minh một cách đầy đủ.
- Quyết định 1/CP.16, khoản 77: Nhóm công tác đặc biệt về Hoạt động hợp tác dài hạn theo công ước đã tìm ra lựa chọn tài chính cho việc thực thi một cách đầy đủ các hoạt động dựa vào kết quả [những hoạt động đòi hỏi chiến lược giám sát quốc gia];
- Quyết định 2/CP.17, khoản 64: Đối với Các bên là các quốc gia đang phát triển thực thi các hoạt động dựa vào kết quả được nêu trong quyết định 1/CP.16, khoản 73 và 77, để đạt được và nhận được các khoản tài chính dựa vào kết quả thì những hoạt động này cần được đo lường, báo cáo và xác nhận đầy đủ;
- Quyết định 9/CP.19, các tiến bộ của các bên là các quốc gia đang phát triển hướng đến hoạt động dựa vào kết quả xảy ra trong bối cảnh được cung cấp các hỗ trợ thích hợp và có kế hoạch cho toàn bộ các giai đoạn hành động và hoạt động đã nêu tại Quyết định 1/CP.16, khoản 70 và 73;

Tài chính/ các khoản chi trả dựa vào kết quả (RBP/ RBF) cũng được đề cập trong một số lần, ví dụ:

- Quyết định 9/CP.19, tài chính dựa vào kết quả đã cung cấp cho các Bên là các quốc gia đang phát triển trong việc thực thi đầy đủ các hoạt động nêu tại Quyết định 1/CP.16, khoản 70, đây là điều mới, bổ sung và có kế hoạch xuất phát từ nhiều nguồn, công và tư, song phương và đa phương, bao gồm cả các nguồn thay thế;

- Quyết định 9/CP.19 các Bên thực thi các hoạt động dựa vào kết quả nêu trong quyết định 1/CP.16, khoản 73, để đạt được và nhận được các khoản tài chính dựa vào kết quả thì các hoạt động này cần được đo lường, báo cáo và xác minh một cách đầy đủ, theo quyết định 13/CP.19 và 14/CP.19., và các Bên là các nước đang phát triển cần hội đủ tất cả các yếu tố đã đề cập tại Quyết định 1/CP.16, khoản 71, có hiệu lực, theo quyết định 12/CP.17 và 11/CP.19.

Tài chính REDD+ cho các nước có thể được đề cập đến các khoản chi trả hoặc tài chính mà một quốc gia nhận được từ việc làm giảm hoặc loại bỏ thành công phát thải carbon rừng (RBF/ RBP) đã được kiểm chứng theo quy trình của UNFCCC dựa vào FREL/FRL đã thiết lập bằng cách sử dụng các biện pháp bảo đảm an toàn có liên quan. Điều quan trọng là nhận ra rằng nguồn tài chính nói chung sẽ được cung cấp cho kết quả (sau khi xảy ra) và không hoạt động (trước khi xảy ra).

Sự kết hợp giữa chính sách và biện pháp (PAM) là cần thiết để đạt được kết quả REDD+. Tuy nhiên, điều quan trọng để nhận ra rằng khi RBF được tạo ra cho giảm phát thải thực tế (ER) đã đạt được thì không phải toàn bộ chính sách và biện pháp đạt được phát thải này một cách trực tiếp. Ví dụ, có một cấu trúc quản trị tốt phù hợp và đặt Quỹ REDD+ quốc gia hoặc cơ chế thể chế khác đúng chỗ là một chính sách và biện pháp quan trọng mà chính cấu trúc quản trị này sẽ không thể đạt được giảm phát thải thực tế (và do đó sẽ là các khoản chi trả).

Tài trợ và tài chính REDD+

Tài trợ REDD+

Có thể nói về “tài trợ” là khi tiền không phải trả lại và nói chung là không có hoàn lại. Trong trường hợp này, việc tạo ra tiền - hay chính xác hơn các việc tạo ra sự khuyến khích đầu tư tài chính - cho một hoạt động cụ thể sẽ giúp tạo ra một khoản đầu tư đứng vững về mặt thương mại và/ hoặc mang tính cạnh tranh với một trong nhiều khả năng đầu tư thông thường. Ví dụ, nếu một chủ thể lập một giá sàn về carbon (ví dụ 3 USD cho mỗi tấn CO₂ lên đến 200.000 tấn) điều đó sẽ khuyến khích ví dụ các công ty lâm nghiệp và các nhà đầu tư của họ nhằm thay đổi hoặc mở rộng mô hình kinh doanh hướng tới mô hình mà ở đó carbon rừng là một trong (hoặc duy nhất) những dòng doanh thu. Nếu công ty đã thành công trong việc bán tín chỉ carbon rừng cho người mua tiềm năng với mức giá cao hơn giá sàn (ví dụ công ty đó sẽ bán tín chỉ với 7USD mỗi tấn CO₂ cho lượng carbon rừng nhất định), giá sàn sẽ không cố định. Tuy nhiên, nếu công ty không thuận lợi trong việc bán carbon rừng thì họ có thể bán tín chỉ cho pháp nhân đã đưa ra giá sàn để đảm bảo dòng doanh thu tối thiểu từ carbon rừng đối với việc kinh doanh quản lý

rừng bền vững (và các nhà đầu tư của họ). Vì vậy, giá carbon sàn có thể được coi là “tài chính REDD+” trong trường hợp này bởi vì khoản tài chính này sẽ tạo ra động lực cho đầu tư khả thi về mặt thương mại. Tuy nhiên, điều này cần được coi là “tài trợ”, bởi vì bất cứ khoản tiền nào nhận được bởi các công ty quản lý rừng bền vững thông thường sẽ không phải hoàn lại.

Tài chính REDD+

Xét trên phương diện khác, “Tài chính” có nghĩa là tạo ra khoản tiền sẵn có trả trước (xảy ra trước) để đầu tư. Về cơ bản tiền sẽ được hoàn trả từ các hoạt động đang diễn ra và dòng tiền mặt đầu tư (xảy ra sau). Hai loại tài chính quan trọng là các khoản nợ (thường là các khoản vay) và các khoản đầu tư tài sản. Ví dụ, một ngân hàng cung cấp khoản vay cho một công ty quản lý rừng để mở rộng kinh doanh của họ bằng các thiết bị quản lý rừng bền vững sẽ phải hoàn trả bằng lãi suất. Trong trường hợp này “tài chính REDD+” là nguồn “tài chính” thực tế bởi vì trên nguyên tắc thì sẽ phải trả lại cho pháp nhân (một ngân hàng) với lãi suất.

Quy mô toàn cầu về tài chính REDD+

UNEP ước tính trong một báo cáo của Ủy ban tài nguyên quốc tế rằng mỗi năm sẽ cần khoảng 30 tỷ USD cho các khoản chi trả dựa vào kết quả từ năm 2020 (UNEP, 2014).

Tính đến nay, các cam kết và đầu tư tập hợp đáng kể từ cả khu vực công và tư, ở mức hơn 9,8 tỷ USD cho giai đoạn 2006 và cuối 2014 (Norman và Nakhooda, 2015), thấp hơn ước tính của UNEP 30 tỷ USD/ năm. Na Uy, Mỹ, Đức, Nhật Bản và Anh đã cung cấp khoảng 75% tổng tài trợ. Khoảng 89% tiền tài trợ đến từ các nguồn công và 11% còn lại đến từ khu vực tư nhân (bao gồm quỹ tài trợ).

Từ sẵn sàng tới thực thi: cấu trúc một kế hoạch tài chính REDD+

Một kế hoạch tài chính cho các loại hình REDD+ là một yếu tố quan trọng trong việc chuyển từ Sẵn sàng sang Thực thi. Phần này đưa ra một cái nhìn sơ lược về sự tương tác giữa tài chính và thực thi, như thể hiện trong hình 10.1 và giới thiệu “tại sao”, “cái gì” và “làm thế nào” của việc thực thi REDD+ ở cấp quốc gia. Yếu tố quan trọng mà một quốc gia cần phải tính đến việc xem xét ở điểm này bao gồm:

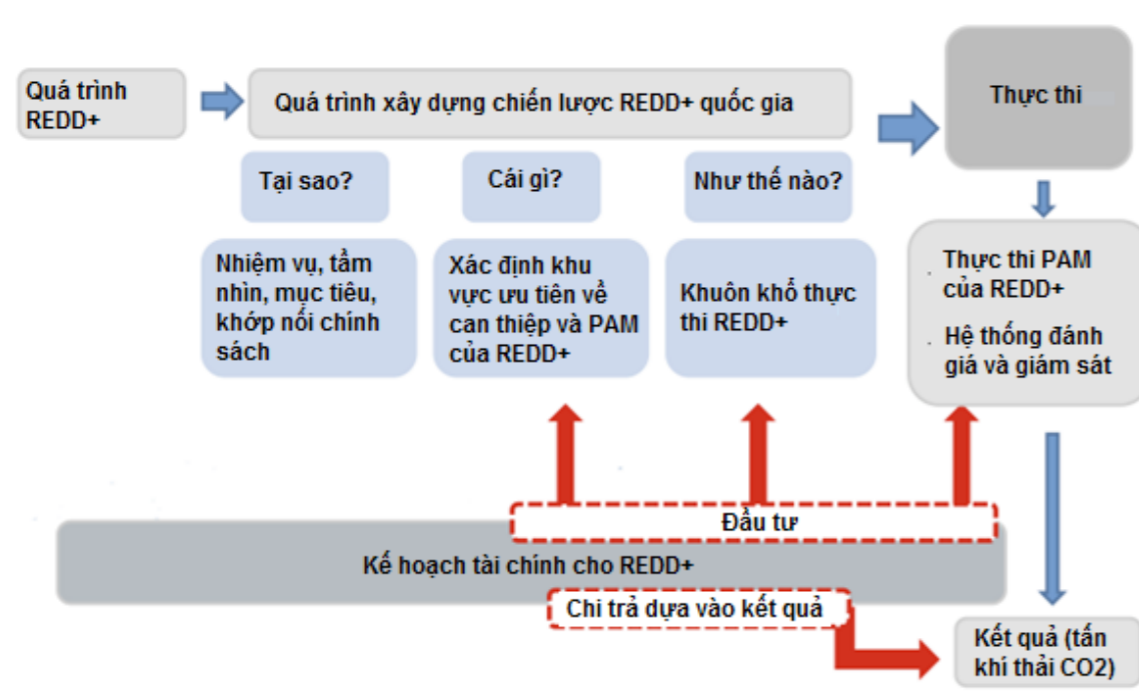
Chính sách và biện pháp (PAM) nào sẽ ưu tiên dựa trên tác động dự kiến của việc giải quyết cả động lực trực tiếp và/ hoặc cơ bản để đạt được kết quả REDD+;

Nhu cầu tài chính cho việc thực thi PAM này là gì? Một số PAM có thể không đòi hỏi vốn trả trước do những thay đổi về công cụ tài chính. Các hoạt động khác yêu cầu vốn trả trước, chẳng hạn như khuyến khích các hộ gia đình nhỏ

lẽ chuyển đổi và cơ cấu lại cây trồng (ví dụ như cây dầu cọ) có năng suất cao hơn cho mỗi ha. Chương trình đầu tư rừng (FIP), 785 triệu USD tài trợ nằm trong 8,1 tỷ USD của Quỹ đầu tư khí hậu (CIF), là một ví dụ về một cơ sở vật chất có ý nghĩa hỗ trợ các quốc gia về mặt tài chính bằng các hoạt động dựa vào kết quả.

Khả năng tạo ra nguồn tài chính trả trước REDD+ (xảy ra trước) để trang trải chi phí và nguồn tài chính dựa vào kết quả REDD+ là sẵn có giả sử là chính sách và biện pháp sẽ mang lại việc làm giảm hoặc loại bỏ tấn CO₂ carbon rừng dự kiến;

Thu xếp thể chế, pháp lý và các loại khác nào cần được đưa ra nhằm giải phóng nguồn tài chính REDD+?



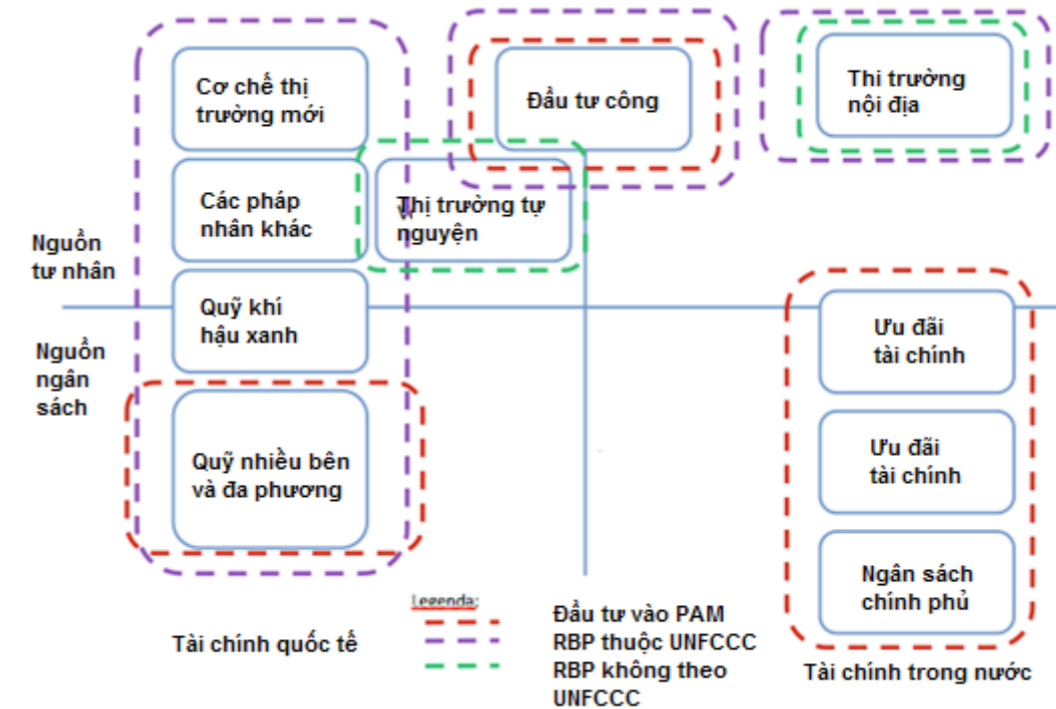
Hình 10.1: Các bước cần chú ý khi chuyển từ sẵn sàng REDD+ đến quá trình thực thi

Nguồn: Chương trình UN-REDD

Nguồn tài chính của REDD+ và cấu trúc để chuyển quỹ

Như đã trình bày trước đây, cho đến nay các nguồn tài chính công song và đa phương đã cung cấp phần lớn nhất nguồn tài chính của REDD+. Quỹ khí hậu

xanh (GCF) dự kiến sẽ là một nguồn tài chính quan trọng của biến đổi khí hậu trong những năm tới, bao gồm cả REDD+. Ngày 20 tháng 11 năm 2014, 9,3 tỷ USD đã được cam kết bởi nhiều chính phủ để cung cấp cho quỹ. Một nguồn tài trợ quan trọng khác đến từ khu vực tư nhân, tùy thuộc vào khuôn khổ khuyến khích mà một chính phủ đặt ra để mở khóa nguồn tài chính tư nhân bằng cách tạo ra các cơ chế thị trường mới. Hình 10.2 thể hiện một cái nhìn tổng quan về bối cảnh tài chính của REDD+.



Hình 10.2: Tổng quan về nguồn tài chính REDD+ công và tư dành cho việc đầu tư vào pam và chi trả dựa vào kết quả (theo UNFCCC)

Nguồn: Chương trình UN-REDD

Các quốc gia đối mặt với các lựa chọn khác nhau khi quyết định cách thức để xác định, tạo ra và quản lý các quỹ REDD+. Họ có thể xem xét:

- I. Khi họ sẽ sử dụng những thu xếp hiện có và tạo ra những thu xếp mới;
- II. Khi họ tạo ra những thu xếp mới, hình thức mà họ sẽ thực hiện là gì;
- III. Liệu rằng chính phủ có thể sử dụng hệ thống ngân sách, ngoài ngân sách, các công cụ dựa vào thị trường hoặc kết hợp tất cả các lựa chọn đó.

Điều này được nhấn mạnh trong ba bước sau:

Bước 1: Nhu cầu quốc gia là gì?

Các nguồn tài chính nào dự kiến được huy động;

Loại giải ngân nào được xem xét (hoàn lại hoặc không, mức độ giải ngân);

Ai sẽ được hưởng lợi (hộ gia đình, cộng đồng, các công ty, chính phủ, phi chính phủ, các cơ quan viện trợ);

Khâu trung gian có thật cần thiết;

Các loại dự án sẽ được hỗ trợ là gì (xây dựng năng lực, cải cách chính sách, đầu tư vào hoạt động sản xuất, carbon).

Bước 2: Đánh giá về những thu xếp hiện tại

Làm thế nào để các phương thức đảm bảo sự phối hợp với các chính sách quốc gia?

Các phương thức có minh bạch không?

Nguồn quỹ đến từ đâu?

Năng lực giải ngân (cho ai, phạm vi giải ngân, loại thanh toán);

Làm thế nào để các thủ tục phát huy hiệu quả (tính phức tạp, thời gian làm thủ tục, VfM)?

Làm thế nào để các phương thức phát huy hiệu quả (để dành, kết chuyển, ngân sách kéo dài nhiều năm, hàng rào, lỗ hổng, bổ sung, lâu dài)?

Đồng lợi ích.

Bước 3: Đánh giá các thu xếp có thể được tạo ra

Giải thích về thiếu sót cụ thể trong các phương thức mô tả;

Phương thức hiện tại có thể đã được thông qua;

Hoặc cấu trúc mới hoàn toàn được tạo ra;

Các tác động về chi phí/ thời gian của các quyết định là gì?

CHƯƠNG 5

CÁCH TIẾP CẬN PHÂN BỐ CÁC ƯU ĐÃI

Phần 11: Cách tiếp cận phân bổ các ưu đãi

Thời gian:

- 120 phút

Phương pháp:

- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình
- Đặt câu hỏi

Học liệu:

- Giấy A0
- Bút dạ
- Thẻ màu
- Băng dính
- Bảng lật

Mục tiêu:

Học phần này thảo luận về các phương pháp tiếp cận phân bổ ưu đãi, còn gọi là hệ thống chia sẻ lợi ích, như là một cách để khuyến khích hoạt động của các bên liên quan. Cuối học phần này tham dự viên có thể hiểu được:

- Hệ thống phân bổ ưu đãi là gì.
- Các nguyên tắc chính phải tuân thủ trong quá trình thiết lập Hệ thống phân bổ ưu đãi.
- Các vấn đề cần để giải quyết trong một Hệ thống phân bổ ưu đãi.

Các bước:

1. Bắt đầu học phần bằng cách yêu cầu một vài người tham gia cho biết hệ thống chia sẻ lợi ích trong là gì và liệt kê ý kiến của họ trên một bảng lật.
2. Yêu cầu học viên liên hệ kết quả thảo luận với REDD+.
3. Hỏi xem ai là quen thuộc với khái niệm phân bổ ưu đãi trong REDD+. Nếu có, mời họ đưa ra một vài ví dụ.
4. Giới thiệu với họ về Hệ thống phân bổ ưu đãi (IAS) như là những cấu trúc được một quốc gia sử dụng để khuyến khích các bên liên quan thông qua các hoạt động phù hợp với các mục tiêu quốc gia về REDD+. Hệ thống này cũng có thể được biết đến như là “Hệ thống chia sẻ lợi ích” hoặc “Hệ thống phân phối lợi ích” (xem tài liệu đọc).

5. Chia người tham gia thành 2 hoặc 3 nhóm nhỏ tùy thuộc vào số lượng học viên và phân phát tài liệu đọc.
6. Dành cho họ khoảng 30 phút để đọc và chuẩn bị một bài trình bày phút 5-7 với những điểm chính mà họ đã rút ra được từ phần tài liệu đọc họ đã tập trung vào.
7. Yêu cầu một nhóm chia sẻ kết quả.
8. Yêu cầu các nhóm còn lại cho ý kiến xem có điểm trình bày nào không đúng, điểm nào còn thiếu cần phải bổ sung.
9. Tổng kết phần thảo luận này bằng cách nhấn mạnh rằng sử dụng khái niệm hệ thống phân bổ ưu đãi (IAS) thay cho khái niệm hệ thống phân bổ lợi ích (BDS) là thích hợp để tránh khả năng nhầm lẫn với “đa lợi ích” là một vấn đề rất khác biệt.

NHỮNG ĐIỂM TẬP HUẤN VIÊN CẦN LƯU Ý:

Học phần này đòi hỏi tập huấn viên, hoặc một số người trong số tham dự viên phải có một số kiến thức kỹ thuật nhất định về các chủ đề phân bổ ưu đãi hay hệ thống chia sẻ lợi ích trong REDD+. Trong trường hợp này, tập huấn viên hoặc có thể đóng vai trò của một chuyên gia để giải thích về các chủ đề đó, hoặc xác định một người nào đó trong số những người tham gia có thể giúp giải thích về các chủ đề này. Nếu không, nên mời sẵn một vài cán bộ nguồn với sự hiểu biết vững chắc về các chủ đề này cho việc đào tạo được hiệu quả.

Tùy theo đối tượng tham gia và thời gian cho phép, tập huấn viên bố trí thời gian cho các bước thực hiện cho phù hợp và học phần đạt được các mục tiêu đề ra.

TÀI LIỆU ĐỌC

Cách tiếp cận phân bổ các ưu đãi

Hệ thống phân bổ các ưu đãi (IAS) là gì?

Hệ thống phân bổ ưu đãi (IAS) là những cấu trúc được một quốc gia sử dụng để khuyến khích các bên liên quan thông qua các hoạt động phù hợp với các mục tiêu quốc gia về REDD+. Hệ thống này cũng có thể được biết đến như là “Hệ thống chia sẻ lợi ích” hoặc “Hệ thống phân phối lợi ích”. Thuật ngữ “IAS” có thể là thích hợp nhất, để tránh khả năng nhầm lẫn với “đa lợi ích” là một vấn đề rất khác biệt và làm giảm rủi ro của việc giả định phương pháp tiếp cận dựa vào dự án được đề xuất. Ngoài ra, thuật ngữ “lợi ích” ngụ ý là một phần thưởng cho những hoạt động đã được thực hiện; nhưng cách tiếp cận thay thế là để cung cấp các khoản đầu tư cho các hoạt động trong tương lai. Thuật ngữ “ưu đãi” đạt được cả hai quan điểm.

Ưu đãi

Trong trường hợp của REDD+, ưu đãi là các chính sách và biện pháp (PAM) được thiết kế để khuyến khích các hoạt động cụ thể từ các bên liên quan. Có các loại ưu đãi khác nhau:

- Ưu đãi trực tiếp ví dụ như chuyển tiền mặt, quản lý có sự tham gia v.v.
- Ưu đãi chính sách và quản trị ví dụ như phân loại sở hữu, hỗ trợ nông nghiệp v.v.

Các ưu đãi có thể được coi là các khoản đầu tư nhằm làm giảm phát thải (ER), hoặc có thể thực hiện hình thức tái phân bổ nguồn Tài chính dựa vào kết quả (RBF) đạt được từ giảm phát thải được đo đếm.

IAS thuộc UNFCCC

Chưa có hướng dẫn hoặc yêu cầu nào của UNFCCC đối với các quốc gia để thiết kế và thực thi phương pháp tiếp cận phân bổ ưu đãi. Mới chỉ có một quyết định COP liên quan đến phân bổ ưu đãi:

1/ CP.16; Phụ lục 1; khoản 2 (e)

“... những hoạt động nêu tại khoản 70 của quyết định này [tức 5 hoạt động REDD+] không được sử dụng cho việc chuyển đổi rừng tự nhiên, nhưng thay vào đó có thể sử dụng để khuyến khích bảo vệ và bảo tồn rừng tự nhiên và dịch vụ hệ sinh thái đồng thời nâng cao lợi ích xã hội và môi trường”.

Chú ý rằng điều này không có nghĩa là nguồn tài chính dựa vào kết quả phải được sử dụng để cung cấp ưu đãi cho các bên liên quan. Tuy nhiên hầu hết

các nước xuất hiện đã quyết định rằng điều này là một phương pháp tiếp cận logic và nhu cầu hướng dẫn về hệ thống phân bổ ưu đãi rất cao.

Không phải tất cả PAM đều cần được liên kết với các ưu đãi đối với các bên liên quan. Mặc dù thiếu hướng dẫn của COP, IAS không minh bạch hoặc phân bổ ưu đãi cho các bên không tham gia trực tiếp vào việc làm giảm phát thải chắc chắn sẽ không thuyết phục. Quỹ khí hậu xanh hoặc các nhà tài trợ rằng các biện pháp bảo đảm an toàn Cancun đang được “giải quyết và tôn trọng”.

Các đặc điểm của IAS đối với REDD+

Hệ thống IAS dành cho REDD+ là:

- Hiệu suất: Các ưu đãi phục vụ cho việc làm giảm phát thải từ rừng và thúc đẩy việc loại bỏ bởi rừng đến mức khả thi lớn nhất.
- Hiệu quả: Các ưu đãi làm giảm phát thải (và thúc đẩy loại bỏ) bằng cách tương tự để giảm thiểu chi phí (trong khi vẫn phù hợp với phương pháp tiếp cận dựa vào quyền).
- Công bằng: Các ưu đãi được chia sẻ bằng cách thức công bằng và hợp lý, đặc biệt là lợi ích của các đối tượng dễ bị tổn thương.

Cách để đảm bảo IAS đưa ra ba đặc điểm này được thể hiện trong các mục tiếp theo của phần này. Như một đóng góp cho các quốc gia trong việc giải quyết và tôn trọng các biện pháp bảo đảm an toàn Cancun, IAS dành cho REDD+ cũng cần:

- Đảm bảo sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của tất cả các bên liên quan (Quyết định 1/ CP.16, Phụ lục 1, khoản 2 [d]);
- Trao quyền minh bạch và hiệu quả cấu trúc quản trị rừng quốc gia (Quyết định 1/ CP.16, Phụ lục 1, khoản 2 [b]);
- Đem lại sự tôn trọng kiến thức và quyền của các dân tộc bản địa và các thành viên của cộng đồng địa phương (Quyết định 1/ CP.16, Phụ lục 1, khoản 2 [b]).

Hiệu suất

Các ưu đãi sẵn có ở một thời điểm thích hợp, với số lượng thích hợp và hình thức tối ưu để thúc đẩy hiệu quả các hoạt động mong muốn và bảo đảm tính bền vững của kết quả hoặc duy trì các hoạt động mong muốn.

Thời điểm thích hợp

Một số ưu đãi có thể được cung cấp trước khi đạt được kết quả, giống như một khoản đầu tư và được thiết lập một cách có thiện chí; các ưu đãi khác có

thể được xem xét như là phần thưởng cho các hoạt động thành quả. Từ khi nguồn tài chính dựa vào kết quả đến chỉ sau kết quả được kiểm chứng, đầu tư ban đầu là cần thiết – điều này cuối cùng có thể hoàn trả từ nguồn tài chính dựa vào kết quả. Ở một số hiệp định song phương, chẳng hạn như Chương trình động lực ban đầu REDD+ của Đức (REM) cũng chi trả đối với kết quả trong quá khứ.

Số lượng tối ưu

Các ưu đãi cũng cần đủ để kích thích và duy trì các hoạt động mong muốn. Cân nhắc chi phí cơ hội có thể cung cấp sự trợ giúp, nhưng xác định số lượng ưu đãi không nên đánh giá như là một bài tập số học đơn giản. Ưu đãi hoàn lại bổ sung cho ưu đãi tài chính. Cuối cùng, một số ưu đãi có thể dưới dạng phi tài chính và đầy đủ; ví dụ, cải thiện tiếp cận đến các dịch vụ khuyến nông, hoặc cải thiện an toàn sở hữu.

Hình thức tối ưu:

Các hình thức ưu đãi cũng cần được xác định rõ ràng và được hiểu bởi cả bên nhận ưu đãi và bên cung cấp ưu đãi - đưa ra đàm phán và thỏa thuận giữa các bên. Các bên liên quan sẽ có những ưu tiên và khi ưu đãi được cung cấp bằng hình thức không đáp ứng được yêu cầu, tính hiệu suất bị tác động bất lợi.

Hiệu quả

Trong một Chương trình quốc gia REDD+, có các yếu tố vận hành nhất định, chẳng hạn như Hệ thống giám sát rừng quốc gia (NFMS) và Hệ thống thông tin các biện pháp bảo đảm an toàn (SIS) cả hai đều có chi phí định kỳ. Các chi phí này chủ yếu là “cố định” do tồn tại độc lập với khối lượng giảm phát thải đã bảo đảm, có thể cần được trang trải từ nguồn quỹ dựa vào kết quả. Điều này sẽ giới hạn số lượng nguồn tài chính dựa vào kết quả sẵn có để sử dụng trong việc cung cấp ưu đãi, do vậy một hệ thống phân bổ ưu đãi cần hiệu quả về mặt tài chính. Hiệu quả tài chính có thể được thúc đẩy bằng cách sử dụng các tổ chức tài chính như các nhà cung cấp dịch vụ. Ví dụ, Quỹ Amazon sử dụng Ngân hàng phát triển Brazil (BNDES) để quản lý hệ thống ưu đãi.

Chi phí hành chính có thể được làm giảm bởi việc ngăn cản sự cần thiết cho quỹ đi qua một số tổ chức trước khi đến đích cuối cùng (Ví dụ, một dòng quỹ đi từ cấp quốc gia, tỉnh/ bang, huyện/ địa phương). Một dòng quỹ cũng làm tăng nguy cơ tham nhũng. Hệ thống cũng cần hiệu quả về mặt tổ chức, đặc biệt đối với liên kết giữa báo cáo, ra quyết định và cung cấp. Khi một báo cáo chỉ ra rằng dấu mốc quan trọng đã đạt được, bắt đầu cung cấp ưu đãi, thì các bên liên quan bị ảnh hưởng cần nhận được ưu đãi kịp thời để duy trì sự tham gia và cam kết.

Công bằng

Hệ thống này cần tạo ra ưu đãi công bằng. Những đối tượng bảo đảm các can thiệp tương đương và đạt được kết quả tương đương cần nhận được các ưu đãi tương đương, không quan tâm đến địa vị xã hội, dân tộc, giới hoặc bất kỳ yếu tố xã hội nào khác. Nếu không có công bằng rõ ràng thì xung đột xã hội sẽ tăng lên và các bên liên quan sẽ không còn được thu hút tham gia nữa. Điều này đòi hỏi sự minh bạch - ưu đãi đồng thuận có thương lượng với các nhóm bên liên quan khác nhau sẽ là kiến thức cộng đồng.

Sự công bằng có thể được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau:

- Dựa trên cơ sở “quyền” (nhưng quyền của cái gì?);
- Dựa trên cơ sở các chi phí phát sinh trong việc thực thi chính sách và biện pháp;
- Dựa trên cơ sở kết quả đạt được (nhưng khó khăn và tổn kém trong việc đo lường ở quy mô có liên quan đến việc phân bổ các ưu đãi).

Do phụ nữ và nam giới sử dụng rừng và thu hút vào hoạt động kinh tế khác nhau, nên việc xem xét các vấn đề về giới khi xác định và chia sẻ lợi ích REDD+ là rất quan trọng. Tuy nhiên, phụ nữ có thể bị thất thế hoặc bị loại ra trong quá trình truyền thống và chính thức, đặc biệt là sở hữu đất, có thể dẫn đến sự bất bình đẳng trong việc họ tiếp cận đến thông tin và quy trình pháp lý, hoặc không được tham gia vào quá trình ra quyết định về cơ chế và cấu trúc chia sẻ lợi ích. Phụ nữ cũng có thể bị loại ra khỏi các lợi ích của REDD+ vì ít có quyền đến đất và cây, hoặc đơn giản là không có tài khoản ngân hàng.

Một số câu hỏi và giúp hướng dẫn công việc này:

- Hệ thống sử dụng tài nguyên và sở hữu đất có quan tâm đến giới một cách công bằng hay không?
- Có sự minh bạch liên quan đến chuyển giao tài chính đến và trong cộng đồng hay không?
- Có một bộ luật quốc gia mạnh mẽ về giới có đánh giá tác động môi trường/xã hội không?
- Có một hệ thống công bằng và dễ tiếp cận để giải quyết bất bình và xung đột thay không?

Thiết kế một IAS

Với các nguyên tắc trình bày ở trên, việc thiết kế IAS phải giải quyết được bảy vấn đề quan trọng, được liệt kê dưới đây:

Vấn đề 1: Ai đủ điều kiện để nhận được ưu đãi?

Để trả lời câu hỏi này đòi hỏi phải xác định đúng các vấn đề bình đẳng giữa

những người phải gánh chịu chi phí, những người có quyền đối với rừng và những người cung cấp kết quả. Nếu đủ điều kiện trên cơ sở các quyền, thì điều quan trọng là phải hiểu được rằng UNFCCC không yêu cầu xác định các quyền carbon, do việc báo cáo về việc làm giảm phát thải là ở cấp quốc gia và trách nhiệm của quốc gia.

Ở Việt Nam, có bảy loại “chủ sở hữu rừng”. Tất cả đều được coi là đủ điều kiện được hưởng ưu đãi ngoại trừ lực lượng vũ trang.

Vấn đề 2: Về cơ sở quyết định về phân bổ ưu đãi cần được tạo ra?

Về lý thuyết, điều này có thể dựa trên hiệu suất của việc tăng cường làm giảm hoặc loại bỏ phát thải. Tuy nhiên, sẽ là vô cùng tốn kém trong việc đo lường lượng giảm/ loại bỏ phát thải ở quy mô có liên quan cho việc phân bổ ưu đãi - chi phí có thể sẽ vượt quá chi trả dựa vào kết quả nhận được. Do đó một biện pháp thực thi thay thế hiệu quả là cần thiết. Đo lường dựa vào kết quả đầu vào dễ hơn rất nhiều so với đánh giá và có thể được giả định có liên quan đến việc làm giảm/ loại bỏ phát thải.

Vấn đề 3: Làm cách nào để dữ liệu dành cho các quyết định sẽ được thu thập, phân tích và chia sẻ?

Để phát huy hiệu quả, các chi phí thu thập dữ liệu, phân tích và chia sẻ kết quả nên được duy trì ở mức thấp. Vai trò của việc thu thập dữ liệu có sự tham gia cần được xem xét. Đối với một số loại hình thu thập dữ liệu, tự báo cáo với việc kiểm tra đột xuất có thể là hiệu quả nhất. Ví dụ, cộng đồng có thể tự báo cáo những khu vực đất trống được trồng cây, hoặc thời gian tuần tra rừng, nhưng cơ quan lâm nghiệp chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của số liệu báo cáo.

Vấn đề 4: Ai sẽ đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu thu thập và phân tích được?

Để đảm bảo tính minh bạch và tránh nguy cơ tham nhũng, các quyết định có thể không được thực hiện bởi các bên liên quan có đủ điều kiện được hưởng ưu đãi. Vì vậy, khi có một ủy ban hoặc ban ra quyết định, các thành viên của ủy ban hoặc ban này (và các tổ chức mà họ có thể đại diện) không đủ điều kiện được hưởng ưu đãi.

Vấn đề 5: Các loại ưu đãi (tiền tệ; các loại phi tiền tệ khác nhau) sẽ được quyết định như thế nào?

Để phát huy hiệu quả, các bên liên quan có thể chỉ ra sự ưu tiên trong loại ưu đãi khi họ sẽ phản hồi một cách tích cực đến các loại ưu đãi phù hợp với mong muốn của họ. Một đăng ký cần thiết để duy trì hồ sơ ưu đãi được cung cấp (và điều kiện được đáp ứng để họ được cung cấp ưu đãi). Đăng ký này sẽ sẵn có cho việc kiểm tra, xác minh, bởi chính các bên liên quan.

Vấn đề 6: Các ưu đãi sẽ được phân bổ như thế nào?

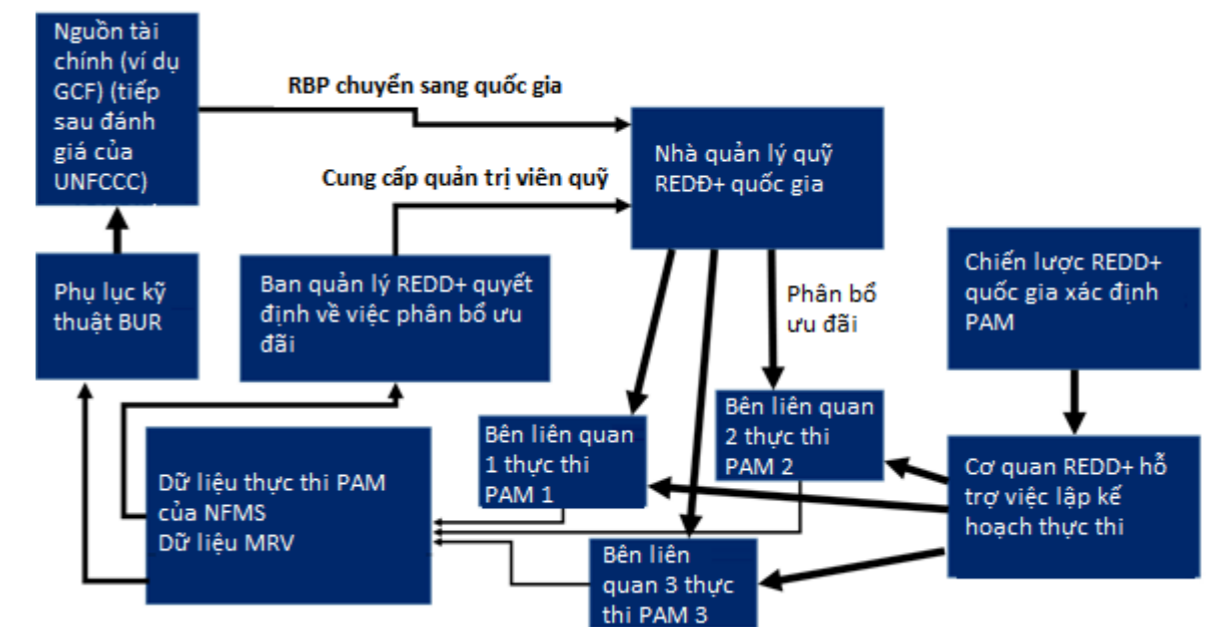
Điều này sẽ phụ thuộc vào bản chất của các ưu đãi. Để phát huy hiệu quả, các cơ chế hiện hành có thể sẵn có để cung cấp các ưu đãi tiền tệ - ví dụ, rất nhiều quốc gia có kinh nghiệm chuyển tiền có điều kiện trong các lĩnh vực y tế và giáo dục. “Quỹ” REDD+ độc lập không nên là lựa chọn mặc định.

Các loại ưu đãi này sẽ đòi hỏi các cơ chế khác nhau. Ưu đãi hỗ trợ kỹ thuật (ví dụ, thâm canh nông nghiệp và lựa chọn sinh kế thay thế) có thể được cung cấp thông qua các cơ quan chính phủ hoặc phi chính phủ chuyên ngành.

Vấn đề 7: Làm thế nào để giám sát hệ thống?

Giám sát hoạt động, thường bắt đầu từ việc cung cấp các khoản ưu đãi, là một phần vai trò của NFMS. Sự thay đổi sử dụng để đánh giá sự hoàn thành của những đối tượng đủ điều kiện nhận ưu đãi sẽ được lồng ghép vào NFMS. Việc giám sát cung cấp các ưu đãi (phù hợp với quy định trong đăng ký) nên là vai trò của cơ quan quản lý REDD+.

Hình 11.1 dưới đây, mô tả IAS giả thuyết và Bảng 11.1 trình bày việc làm thế nào để mỗi nguyên tắc trong bảy nguyên tắc đã thảo luận ở trên được giải quyết trong hệ thống giả thuyết này.



Hình 11.1: Ví dụ về cấu trúc IAS

Nguồn: Chương trình UN-REDD

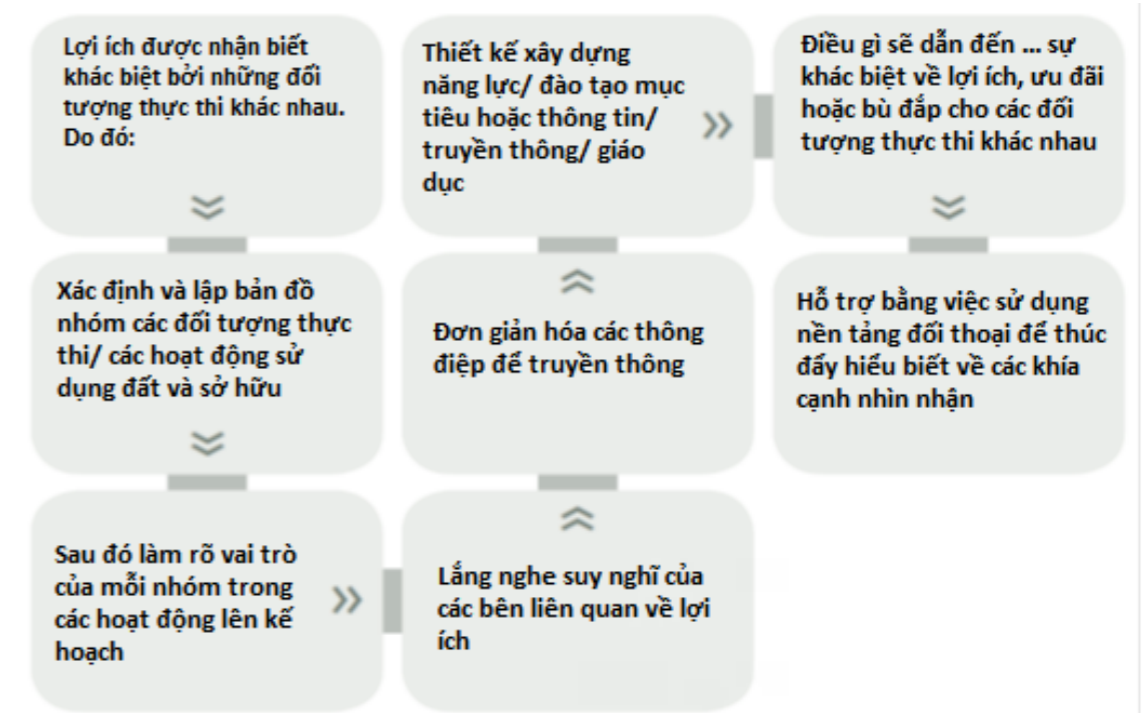
Bảng 11.1: Bảy nguyên tắc của IAS và cách thức giải quyết trong hình 11.1

Nguyên tắc	Ví dụ về cách giải quyết
1. Ai đủ điều kiện nhận ưu đãi?	Việc lập kế hoạch thực thi được hỗ trợ bởi cơ quan REDD+ xác định các bên liên quan tham gia vào việc hình thành PAM cụ thể
2. Quyết định về phân bổ ưu đãi sẽ được tạo ra trên cơ sở nào?	Dữ liệu NFMS đã nộp cho Ban quản lý REDD+
3. Dữ liệu cho các quyết định (cả đầu vào và đầu ra) được thu thập, phân tích và chia sẻ như thế nào?	Trách nhiệm của cơ quan chịu trách nhiệm đối với NFMS
4. Ai là người đưa ra quyết định dựa trên các dữ liệu được thu thập và phân tích?	Ban quản lý REDD+
5. Loại ưu đãi nào (tiền tệ; các loại không phải là tiền khác nhau) được quyết định như thế nào?	Cơ quan REDD+ hỗ trợ lập kế hoạch thực thi
6. Các ưu đãi được cung cấp như thế nào?	Ban quản lý quỹ REDD+ quốc gia cung cấp tài trợ cho các cơ quan được xác định trong quá trình lập kế hoạch thực thi chịu trách nhiệm cung cấp các ưu đãi thỏa thuận.
7. Hệ thống giám sát sẽ như thế nào?	Thông qua báo cáo của cơ quan REDD+, Ban quản lý REDD+ và Ban quản lý quỹ REDD+ quốc gia.

Tầm quan trọng của quá trình có sự tham gia trong thiết kế hệ thống cung cấp ưu đãi REDD+

Thiết kế hệ thống phân bổ ưu đãi hiệu quả và hiệu suất và công bằng, thỏa mãn bảy nguyên tắc đã thảo luận ở trên, là một quá trình phức tạp đòi hỏi tham vấn và phối kết hợp với nhiều bên liên quan rộng lớn. Hình 11.2 dưới đây trình bày một quá trình có thể được sử dụng để đảm bảo rằng quá trình thiết kế có sự tham gia phù hợp. Quá trình bắt đầu bằng việc

ghi nhận các nhóm bên liên quan khác nhau có nhận thức khác nhau và cần có hiểu biết về sự khác biệt đó nhằm xây dựng tầm nhìn chung thông qua đào tạo, nâng cao nhận thức và thiết lập nền tảng cho tham vấn đang diễn ra.



Hình 11.2: Phương pháp thiết kế ưu đãi

Nguồn: Đối thoại Lâm nghiệp (TFD): Sự lựa chọn của các quốc gia về Chia sẻ lợi ích REDD+, Cái nhìn từ Sáng kiến Đối thoại nhiều bên liên quan của TDF (2014)

Ví dụ về hệ thống hiện có cung cấp các ưu đãi REDD+

Mặc dù một số lượng lớn cơ sở dữ liệu, có nhiều một số ví dụ về phân bổ của hệ thống ưu đãi REDD+, ngay trong các đề án thị trường tự do. Tuy nhiên, có nhiều ví dụ về các hệ thống trong Chi trả dịch vụ hệ sinh thái (PES) và Chương trình Quản lý rừng bền vững (SFM).

Có nhiều ví dụ thiếu trong một hoặc nhiều hơn bảy vấn đề quan trọng đã mô tả trước đây. Ví dụ:

- Rất hiếm trong việc xác định bản chất của các ưu đãi có sự tham gia - thường là những ưu đãi được xác định bởi chính phủ (và thường là dựa trên tiền mặt)
- Việc giám sát hiệu suất có thể yếu kém hoặc không có
- Yếu kém trong việc xác định và áp dụng sự công bằng
- Ra quyết định không rõ ràng

Phụ lục

Phụ lục 1: Làm thế nào để duy trì cập nhật chủ đề?

REDD+ vẫn đang trong quá trình diễn biến. Do đó, các chủ đề có thể phải được cập nhật theo thời gian. Một số vấn đề vẫn còn chưa chắc chắn, ví dụ như toàn bộ cơ chế cuối cùng sẽ phát triển như thế nào, có các mô thức thực thi gì và lợi ích sẽ được chia sẻ như thế nào. Do đó, các chủ đề đã được trình bày trong cuốn tài liệu này thường dựa trên hoàn cảnh hiện tại với sự liên hệ tới REDD+. Các tập huấn viên nên duy trì việc cập nhật thông tin về các chương và các học phần khác nhau theo thời gian. Điều cần thiết là hãy để mắt đến những diễn biến mới nhất liên quan đến REDD+ trên trường quốc tế thông qua báo chí, tin tức truyền hình và các ấn phẩm khoa học kỹ thuật khác thông qua nhiều nguồn khác nhau.

Một vài trang web tiềm năng có thể cung cấp thông tin hữu ích về những diễn biến mới nhất liên quan đến REDD+ được liệt kê dưới đây:

1. <http://www.mofsc-redd.gov.np>
2. <http://www.redd-net.org>
3. <http://www.forestcarbonpartnership.org>
4. <http://www.worldagroforestry.org>
5. <http://www.recoftc.org>
6. <http://www.un-redd.org> <http://www.ipcc.ch/index.htm>
7. <http://www-cif.climateinvestmentfunds.org>
8. <http://unfccc.int/2860.php>

Phụ lục 2: Mẫu phiếu đăng ký tham dự tập huấn

Ghi chú: biểu mẫu này chỉ là gợi ý và có thể thay đổi cho phù hợp với đối tượng tham dự cũng như mục tiêu và nội dung tập huấn.

Tên Tập huấn:	
Thời gian:	
Thời lượng:	
Địa điểm:	
Quốc gia:	
Tổ chức đào tạo:	
Đồng thực hiện:	
Loại hình đào tạo:	
1. Thông tin cá nhân	
Họ và Tên:	
Giới tính:	
Năm sinh:	
Trình độ văn hóa:	
Trình độ chuyên môn:	
Điện thoại:	
Email:	
Nơi ở (hoặc nơi làm việc thường ngày):	
Mã số đào tạo:	(do cán bộ RECOFTC điền)
2. Thông tin về đơn vị công tác/cơ quan (nếu có)	
Chức vụ:	
Cơ quan:	
Địa chỉ cơ quan:	
Quốc gia:	Việt Nam

Điện thoại:	
Fax:	
Email:	
3. Thông tin về người quản lý/thủ trưởng đơn vị (nếu có)	
Họ và tên:	
Giới tính:	
Số điện thoại:	
Email:	

1. Hiện tại ông bà tham gia các hoạt động nào? Đánh dấu vào nơi phù hợp

Lĩnh vực	Con người, Rừng và Biến đổi khí hậu	Đảm bảo Lâm nghiệp cộng đồng	Tăng cường Sinh kế và Thị Trường	Chuyển đổi mô hình về rừng
Nghiên cứu				
Xây dựng chính sách				
Quảng bá và truyền thông				
Đào tạo và xây dựng năng lực				
Thực thi				
Khác				

2. Ông/Bà làm việc ở cấp nào?

Cấp	Đánh dấu
Địa phương/ cộng đồng	
Tỉnh hoặc Huyện	
Quốc gia	
Khu vực	
Quốc tế	

3. Ông/ Bà đã bao giờ làm việc về chủ đề được đào tạo (chọn bằng cách Khoanh tròn Có hoặc Không)?

- Có (nếu chọn Có, ông/bà vui lòng trả lời ý 3.1)
- Không, (nếu chọn Không, ông/bà vui lòng trả lời ý 3.2)

3.1 Trách nhiệm chính của Ông/Bà là gì?

3.2 Nếu đây là chủ đề mới đối với ông/bà, kế hoạch ứng dụng những gì lĩnh hội được từ tập huấn là gì?

4. Cá nhân ông/bà mong đợi gì từ tập huấn này?

5. Ông/bà biết đến khóa tập huấn này bằng cách nào ?

6. Ông/bà có muốn đăng ký nhận bản tin hàng tháng của chúng tôi? (Khoanh tròn Có hay Không)

- Có
- Không

Nếu Có, hãy ghi địa chỉ email của ông/bà (bằng chữ in thường) tại đây:

Phụ lục 3: Mẫu phiếu tự đánh giá của học viên trước và sau tập huấn

Ghi chú: biểu mẫu này chỉ là gợi ý và có thể thay đổi cho phù hợp với đối tượng tham dự cũng như mục tiêu và nội dung tập huấn.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Tên tập huấn.....

Địa điểm....., ngày tháng:

Tên người tham dự (không bắt buộc):.....

Mong Ông/Bà phản ánh những kiến thức/kỹ năng của mình liên quan đến chủ đề và đề xuất làm thế nào để nâng cao những kiến thức/kỹ năng đó. Ông/Bà vui lòng đọc kỹ từng phần và đánh chữ **O** vào vị trí phù hợp với Ông/Bà trước khóa đào tạo, đánh dấu **Δ** vào nơi ông/ bà đạt được sau khóa học.

Lĩnh vực/ Chủ đề <i>(liệt kê dưới đây chỉ là ví dụ)</i>	Phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ									Bình luận/ý kiến
	Rất thấp <i>(Không hiểu biết về chủ đề)</i>					Rất cao <i>(Tự tin giải thích và cho các ví dụ minh họa về chủ đề)</i>				
1) Mỗi liên hệ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
3)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
5) Lợi ích và rủi ro của	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
6) Các	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
7) Chủ đề										

Chân thành cảm ơn ông/bà!

Phụ lục 4: Mẫu phiếu đánh giá tập huấn

Ghi chú: biểu mẫu này chỉ là gợi ý và có thể thay đổi cho phù hợp với đối tượng tham dự cũng như mục tiêu và nội dung tập huấn.

ĐÁNH GIÁ TẬP HUẤN

Tên tập huấn.....

Địa điểm....., ngày tháng:

Tên người tham dự (không bắt buộc):

1. Mục tiêu và nội dung khóa học		Rất đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1.1	Mục tiêu khóa học rõ ràng.					
1.2	Nội dung khóa học sắp xếp phù hợp.					
1.3	Nội dung và các hoạt động phù hợp với mục tiêu khóa học.					
1.4	Nội dung khóa học phù hợp với vai trò và trách nhiệm của ông/bà trong công việc.					
1.5	Tiến trình tập huấn đã nâng cao kinh nghiệm học tập của ông/bà.					
1.6	Thời lượng khóa học phù hợp.					

Ý kiến:

2. Tài liệu tập huấn và bài tập		Rất đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Rất không đồng ý
2.1	Đầy đủ, rõ ràng và liên quan.					
2.2	Sẽ có ích cho công việc của ông/bà.					

Ý kiến:

3. Tập huấn viên						
—						
1.1 Tên người thứ nhất						
		Rất đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Rất không đồng ý
3.1.1	Rất có năng lực/ hiểu biết trong lĩnh vực tập huấn.					
3.1.2	Diễn giải rõ ràng và logic.					
3.1.3	Có khả năng tổ chức và chuẩn bị tốt.					
3.1.4	Trình bày thông tin theo nhịp độ vừa phải.					
3.1.5	Khuyến khích sự tham gia.					
3.1.6	Trả lời/ phản hồi nhu cầu và câu hỏi của học viên tốt.					
Ý kiến:						
1.2 Tên người thứ hai...						
		Rất đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Rất không đồng ý
3.2.1	Rất có năng lực/ hiểu biết trong lĩnh vực tập huấn.					
3.2.2	Diễn giải rõ ràng và logic.					
3.2.3	Có khả năng tổ chức và chuẩn bị tốt.					
3.2.4	Trình bày thông tin theo nhịp độ vừa phải.					
3.2.5	Khuyến khích sự tham gia.					
3.2.6	Trả lời/ phản hồi nhu cầu và câu hỏi của học viên tốt					
Ý kiến:						

4. Môi trường (địa điểm tập huấn, nơi ở và hậu cần)		Rất đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Rất không đồng ý
4.1	Địa điểm, bố trí chỗ ngồi, nhiệt độ phòng họp và ánh sáng tốt cho học tập.					
4.2	Các hỗ trợ hành chính và hậu cần đều hài lòng.					
4.3	Chỗ ở hài lòng và gần nơi tập huấn.					
4.4	Bữa ăn và đồ ăn giữa giờ ngon và không gặp vấn đề về sức khỏe.					
Ý kiến:						
5. Đi hiện trường (nếu có)		Rất đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Rất không đồng ý
5.1	Địa điểm được chọn phù hợp và có liên quan tới chủ đề tập huấn.					
5.2	Tương tác với cán bộ nguồn giúp tôi học tập tốt.					
5.3	Chuyến đi hiện trường cho tôi cơ hội để áp dụng các kiến thức và kỹ năng trong bối cảnh thực tế.					
Ý kiến:						
6. Liên quan tới công việc						
		Rất đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Rất không đồng ý
6.1	Môi trường làm việc của ông/bà phù hợp cho việc áp dụng kiến thức và kỹ năng vào công việc.					
Ý kiến:						

7. Mức độ hài lòng					
	Rất cao	cao	Trung bình	Thấp	Rất thấp
7.1 Mức độ hài lòng với khóa học nói chung.					

8. Ông/bà có góp ý gì để khóa tập huấn trở nên hiệu quả hơn?

9. Theo ông/bà các vấn đề giới đã được đề cập đầy đủ trong khóa học này chưa?

10. Ông/bà có gợi ý gì để bao hàm giới trong nội dung và tiến trình của khóa học?

11. Điều gì ông/bà thích nhất về khóa học này?

12. Ông/bà có sẵn sàng tham gia phỏng vấn qua điện thoại hoặc email trong 6 tháng tới sau khi khóa học này kết thúc? *Mục đích của phỏng vấn là đánh giá tính hiệu quả của khóa học và ảnh hưởng của nó tới cách tiếp cận trong công việc của ông/bà*

Nếu có, ông/bà vui lòng cho biết số điện thoại và địa chỉ email để chúng tôi liên hệ (có thể là điện thoại và email của cá nhân ông/bà).

Điện thoại:

Email:

Chân thành cảm ơn ông/bà!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

REDD+ Academy Learning Journals, 2016

Angelsen. A et al., 2014. REDD Credits in a global carbon market, options and impacts.

<http://norden.diva-portal.org/smash/get/diva2:747568/FULLTEXT01.pdf>

Brazil's submission of a forest reference emission level for deforestation in the Amazonia biome for results-based payments for REDD+ under the UNFCCC

http://redd.unfccc.int/files/20140606_submission_frel_brazil.pdf

FAO, Global Forest Resource Assessment 2015.

[http://www.fao.org/forest-resources-assessment/en/Global Carbon Project 2015.](http://www.fao.org/forest-resources-assessment/en/Global%20Carbon%20Project%202015)

<http://www.globalcarbonproject.org/carbonbudget/index.htm>

Guidelines on Free, Prior and Informed Consent, 2013. <http://www.unclearn.org/sites/default/files/inventory/un-redd05.pdf>

IPCC, 2014: Climate Change 2014: Synthesis Report. Contribution of Working Groups I, II and III to the Fifth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change [Core Writing Team, R.K. Pachauri and L.A. Meyer (eds.)]. IPCC, Geneva, Switzerland, 151 pp. <http://www.ipcc.ch/report/ar5/syr/>

Pearson, T. et al., 2013. Transaction costs for carbon sequestration projects in the tropical forest sector.

<http://www.winrock.org/sites/default/files/publications/attachments/Transaction%20costs.pdf>

Saito-Jensen, M. et al. 2014. Preliminary review and approach to develop a system for allocation of incentives and benefit sharing for REDD+ in Cambodia. Volume 1. <http://www.cambodia-redd.org/wp-content/uploads/2014/02/Working-Paper-Preliminary-review-and-approach-to-develop-a-system-for-allocation-of-incentives-and-benefit-sharing-for-REDD+-in-Cambodia.pdf>

United Nations Declaration of the Rights of Indigenous Peoples. http://www.un.org/esa/socdev/unpfii/documents/DRIPS_en.pdf

UN-REDD Programme, REDD+ Academy.

<https://www.mediafire.com/folder/ec7ii865nth7b/REDD%2B%20Academy>

Wunder, S. 2015. Revisiting the concept of payments for environmental services. *Ecological Economics* 117 (234-243).

<http://www.cifor.org/library/5413/revisiting-the-concept-of-payments-for-environmental-services/>

